

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRẦN THỊ THANH HÀ

TIỂU THUYẾT VI HỒNG
TỪ GÓC NHÌN PHÊ BÌNH SINH THÁI

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRẦN THỊ THANH HÀ

**TIỂU THUYẾT VI HỒNG
TỪ GÓC NHÌN PHÊ BÌNH SINH THÁI**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số : 60.22.01.21

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Đào Thủy Nguyên

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*Tiểu thuyết Vi Hồng từ góc nhìn phê bình sinh thái*” là kết quả nghiên cứu của riêng tôi, hoàn toàn không sao chép của bất cứ ai. Các kết quả của đề tài là trung thực và chưa được công bố ở các công trình khác.

Nội dung của luận văn có sử dụng tài liệu, thông tin được đăng tải trên các tác phẩm, tạp chí, các trang web theo danh mục tài liệu tham khảo của luận văn.

Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Trần Thị Thanh Hà

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Đào Thủy Nguyên - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên về sự hướng dẫn tận tình, đầy đủ, chu đáo và đầy tinh thần trách nhiệm của cô trong toàn bộ quá trình em hoàn thành luận văn.

Em xin trân trọng cảm ơn sự tạo điều kiện giúp đỡ của Ban chủ nhiệm Khoa Ngữ Văn và các thầy cô giáo Phòng đào tạo Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã giúp đỡ em thực hiện đề tài luận văn này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên và nhiệt tình giúp đỡ em trong thời gian hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2017

Tác giả luận văn

Trần Thị Thanh Hà

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	6
4. Đối tượng và phạm vi tài liệu nghiên cứu	7
5. Phương pháp nghiên cứu	8
6. Bố cục của đề tài.....	8
NỘI DUNG	9
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	9
1.1. Vài nét về lý thuyết Phê bình sinh thái.....	9
1.2. Vấn đề sinh thái trong văn học Việt Nam	14
1.3. Tiểu thuyết trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của Vi Hồng	17
1.3.1. Vài nét về nhà văn Vi Hồng	17
1.3.2. Quan điểm nghệ thuật của Vi Hồng	17
1.3.3. Sự nghiệp sáng tác của Vi Hồng	20
1.3.4. Tiểu thuyết của Vi Hồng	22
1.4. Dấu ấn sinh thái trong tiểu thuyết Vi Hồng.....	24
Tiểu kết	25
Chương 2: SINH THÁI TRONG TIỂU THUYẾT VI HỒNG	26
2.1. Sinh thái tự nhiên trong tiểu thuyết Vi Hồng	26
2.1.1. Tự nhiên mang đặc trưng núi rừng Việt Bắc.....	26
2.1.2. Con người và tự nhiên trong mối quan hệ gắn bó, hòa hợp.....	32
2.1.3. Xung đột giữa con người và tự nhiên.....	41

2.2. Sinh thái nhân văn trong tiểu thuyết Vi Hồng.....	50
2.2.1. Mối quan hệ giữa con người với con người	50
2.2.2. Mối quan hệ giữa con người với các giá trị văn hóa.....	63
Tiểu kết	75
Chương 3: MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN	
VẤN ĐỀ SINH THÁI TRONG TIỂU THUYẾT VI HỒNG.....	76
3.1. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên.....	76
3.1.1. Miêu tả thiên nhiên như một khách thể thẩm mỹ độc lập	76
3.1.2. Miêu tả thiên nhiên để khắc họa ngoại hình và tính cách nhân vật.....	81
3.1.3. Miêu tả thiên nhiên để dự báo số phận và diễn tả tâm lý nhân vật	84
3.2. Nghệ thuật miêu tả con người	88
3.2.1. Đặt nhân vật trong các mối quan hệ xã hội phức tạp	88
3.2.2. Đặt nhân vật vào các tình huống thử thách và lựa chọn.....	96
Tiểu kết	98
KẾT LUẬN.....	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của văn xuôi các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại chưa phải là dài, mới chừng hơn nửa thế kỉ - bắt đầu từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trải qua những non yếu, sơ lược ban đầu, từ 1986 đến nay, văn xuôi các dân tộc thiểu số đã có được một đội ngũ người viết tương đối đông và một số thành tựu nhất định góp phần vào thành tựu chung của nền văn học Việt Nam hiện đại.

1.2. Trong đội ngũ các nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại, Vi Hồng thuộc thế hệ nhà văn đầu tiên. Ông bắt đầu làm thơ (phong slư) từ năm mười ba tuổi. Từ khi cái tên Vi Hồng được nhiều người biết đến trên văn đàn qua tập truyện ngắn *Ngôi sao đỏ trên đỉnh núi Phja Hoàng* (đạt Giải Nhì - Giải thưởng của Tổng hội sinh viên Việt Nam) cho đến lúc nhà văn qua đời (năm 1997), Vi Hồng đã sáng tác được một số lượng tác phẩm không nhỏ với nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, tiểu luận, phê bình, nghiên cứu văn học, kịch... Trong đó, thể loại để lại dấu ấn sâu đậm nhất và cũng thể hiện rõ nhất phong cách của Vi Hồng là thể loại tiểu thuyết. Mười sáu cuốn tiểu thuyết của Vi Hồng ra đời trong khoảng thời gian gần hai mươi năm (từ 1980 đến 1997) đã vắt kiệt tâm sức của nhà văn và Vi Hồng đã trở thành “Quán quân” của nền văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại với số lượng tiểu thuyết nhiều nhất mà cho đến nay chưa có nhà văn dân tộc thiểu số nào vượt qua được.

1.3. Văn học thường tiếp cận tác phẩm dưới góc nhìn mỹ học, thi pháp học, thể loại... Tiếp cận văn học từ góc nhìn sinh thái là hướng nghiên cứu mới mẻ và giàu tiềm năng. Hiện nay, môi trường sinh thái ngày càng trở nên mất cân bằng và thiếu tính điều hòa do những biến đổi của khí hậu và chuyển biến của lòng người trước thời thế mới. Vì thế, hơn bao giờ hết, vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái giờ đây ngày càng trở nên cấp bách ở mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Việc xem xét các tác phẩm văn chương nghệ thuật diễn tả mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, con người với con người không chỉ giúp

chúng ta có một tư duy sinh thái mà còn hướng con người sống có trách nhiệm với tự nhiên, trách nhiệm với xã hội và trách nhiệm với chính mình. Điều đó sẽ giúp con người có những điều chỉnh cần thiết làm điều hòa lại những mối quan hệ sinh thái, hạn chế nhiều hơn tình trạng xuống cấp của môi trường, nhằm thúc đẩy xã hội phát triển.

1.4. Phê bình sinh thái đang đặt ra những vấn đề mang tính thời sự và được nhiều nhà văn đề cập đến, Vi Hồng có tiếng nói riêng của mình về vấn đề này bằng tình cảm của một con người sinh ra và lớn lên giữa quê hương Việt Bắc. Tìm hiểu tiểu thuyết Vi Hồng từ góc nhìn phê bình sinh thái chính là tìm hiểu sự gắn bó thiết thực giữa đời sống văn chương với đời sống xã hội; tìm hiểu trách nhiệm của nhà văn trong việc bảo vệ sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội để ngăn chặn các nguy cơ sinh thái. Với những lí do trên, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: **Tiểu thuyết Vi Hồng từ góc nhìn phê bình sinh thái**. Bằng việc khảo sát cụ thể, chi tiết các tác phẩm, chúng tôi hi vọng có thêm những phát hiện về thành công cũng như những nét độc đáo, sáng tạo mới mẻ, hiện đại của tiểu thuyết Vi Hồng trên cơ sở lý thuyết phê bình sinh thái của văn học. Qua đó chúng tôi muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình nhằm khẳng định vị trí của Vi Hồng trong nền văn học dân tộc qua những trang tiểu thuyết đậm tính nhân văn.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Những công trình nghiên cứu chung về tiểu thuyết Vi Hồng

Cho đến nay, Vi Hồng là nhà văn dân tộc Tày có số lượng tác phẩm nhiều nhất. Đánh giá về tiểu thuyết Vi Hồng, các nhà nghiên cứu phê bình và bạn đọc đều thống nhất khẳng định: Vi Hồng là một trong số những nhà văn đáng chú ý nhất của nền văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại.

Đã có một số công trình nghiên cứu về thành tựu sáng tác của Vi Hồng trong thành tựu chung của văn học dân tộc thiểu số như: *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, NXB Văn hoá dân tộc của tác giả Lâm Tiến (1995); *Nhà văn các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc do Phong Lê chủ biên (1998); *Nhìn lại văn học Tày*, tạp chí nghiên cứu văn học số 5 -

Dương Thuần (2006); *Cách viết tiểu thuyết của nhà văn Vi Hồng*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, số 13 - 14 - Lâm Tiên (2007); *Bản sắc văn hóa dân tộc trong văn xuôi của các nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Đại học Thái Nguyên của các tác giả Đào Thủy Nguyên, Dương Thu Hằng (2014).

Một số công trình nghiên cứu về toàn bộ sáng tác của Vi Hồng như: *Kỷ yếu hội thảo Nhà Văn Vi Hồng*, Hội VHNT Thái Nguyên & Khoa Ngữ văn ĐHSP Thái Nguyên đồng tổ chức (2006); *Tìm hiểu sự nghiệp sáng tác của nhà văn Vi Hồng*, đề tài nghiên cứu KH cấp bộ của Phạm Mạnh Hùng (2006); *Vi Hồng tác phẩm và dư luận* do bộ môn Lí luận văn học và văn học Việt Nam hiện đại Khoa Ngữ văn giới thiệu, biên soạn và trích tuyển năm (2015).

Một số bài viết về một tác phẩm cụ thể của Vi Hồng như: *Tiểu thuyết Gã ngược đời* của Vũ Tú Anh (2006); *Người trong ống* của Nguyễn Long (2006).

Một số công trình đã đi vào nghiên cứu một số phương diện cụ thể trong tiểu thuyết của Vi Hồng như: *Tính dân tộc trong tiểu thuyết của Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ của Hoàng Văn Huyền (2003); *Thế giới nhân vật trong tác phẩm của Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ của Ma Thị Ngọc Bích (2004); *Bản sắc dân tộc trong ngôn ngữ tác phẩm Vi Hồng* của tác giả Phạm Mạnh Hùng (2006); *Giọng điệu trần thuật trong một số tiểu thuyết của Vi Hồng* của Ngô Thu Thủy (2006); *Đặc điểm ngôn ngữ văn xuôi Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ của Nông Thị Huyền Trang (2009); *Đặc điểm tiểu thuyết Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ của Thiều Thị Phương Nga (2011).

Những công trình nghiên cứu về nhà văn Vi Hồng kể trên đã chú ý và phát hiện được một số phương diện đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong tiểu thuyết của nhà văn.

VỀ NỘI DUNG:

Phương diện được nhiều tác giả chú ý nghiên cứu nhất chính là hình ảnh con người miền núi trong tiểu thuyết của Vi Hồng. Tác giả Hoàng Văn Huyền trong *Tính dân tộc trong tiểu thuyết của Vi Hồng* đã chỉ ra ba đặc điểm cơ bản của con người miền núi trong tiểu thuyết của Vi Hồng là: con người giàu sức sống bền bỉ và mạnh mẽ; con người thật thà, bộc trực và khảng khái; con người

giàu khát vọng về tình yêu tự do và chung thủy. Tác giả Thiều Thị Phương Nga trong *Đặc điểm tiểu thuyết Vi Hồng* chỉ ra năm đặc điểm của con người miền núi, đó là: con người với số phận bi kịch, con người lí tưởng - con người tận thiện, con người xấu xa - con người tận ác, con người bản năng và con người tha hóa. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về nội dung này các tác giả mới chỉ nhìn con người trong phạm vi tính dân tộc, phạm vi cảm hứng nghệ thuật, phạm vi thành phần xã hội chứ chưa qua lí thuyết phê bình sinh thái. Nội dung này chúng tôi sẽ kế thừa và nghiên cứu kĩ hơn dựa trên lí thuyết phê bình sinh thái.

Phương diện giá trị văn hóa trong tiểu thuyết Vi Hồng cũng được một số tác giả nghiên cứu trong một số công trình. Trong *Tìm hiểu sự nghiệp sáng tác của nhà văn Vi Hồng*, tác giả Phạm Mạnh Hùng đã nhận xét: “Người đọc luôn cảm nhận rất rõ ở tác giả Vi Hồng một thái độ, tình yêu, sự trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương mình” [30]. Trong *Đặc điểm tiểu thuyết Vi Hồng* tác giả Thiều Thị Phương Nga nhận định: “Yếu tố phong tục tập quán trong tiểu thuyết Vi Hồng đã được nhà văn thể hiện một cách sinh động, phong phú. Bên cạnh những phong tục độc đáo mang đậm nét đẹp văn hóa của người miền núi còn có những hủ tục lạc hậu cần được loại bỏ” [37]. Tuy nhiên, ở phương diện này các tác giả mới chỉ dừng lại ở những khía cạnh nhỏ chứ chưa nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống

Yếu tố thiên nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng cũng đã được một số tác giả đề cập đến. Trong *Ảnh hưởng của văn hóa dân gian trong một số tiểu thuyết của Vi Hồng*, tác giả Hoàng Thị Minh Phương đã nhận xét: thiên nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng là “bức tranh thiên nhiên đẹp đầy màu sắc, hoang sơ của rừng hoa, cánh ruộng bậc thang bát ngát, trù phú với muôn vàn tiếng chim chóc, cũng có thể là thiên nhiên hùng vĩ hoang sơ đầy hiểm” [52, tr. 23]. Trong bài viết: *Biểu tượng về thiên nhiên như một diễn ngôn về văn hóa Tây trong tiểu thuyết Vi Hồng* hai tác giả Trần Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Vân Anh đã khẳng định: “Thiên nhiên đã trở thành một bộ phận hữu cơ gắn bó mật thiết với con người” [1, tr. 229]. Ở đây các tác giả đã đưa ra một số biểu tượng thiên nhiên gắn bó với con người như: thác nước, dòng sông, hoa, ánh trăng... Tuy

nhiên, ở các công trình này, vẻ đẹp tự nhiên mới chỉ được tìm hiểu rải rác chứ chưa được nghiên cứu một cách toàn diện và cũng chưa nhìn từ góc nhìn phê bình sinh thái. Nội dung này chúng tôi sẽ kế thừa và nghiên cứu kĩ trong luận văn một cách có hệ thống.

Về nghệ thuật:

Phương diện được các tác giả đi trước chú ý nghiên cứu kĩ là nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nhà văn Hồ Thủy Giang đã nhận xét về đặc điểm, bút pháp xây dựng nhân vật của nhà văn: “*Trong bút pháp xây dựng nhân vật, Vi Hồng ít đề cập đến sự phức tạp của tâm lí. Anh nghiêng về khắc họa những nét đẹp hoang sơ, thuần khiết của tâm hồn.*” [5]. Tác giả Nguyễn Long trong bài giới thiệu tác phẩm “*Người trong ống*” của Vi Hồng cũng đã đưa ra nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết Vi Hồng: “*Vi Hồng xây dựng nhân vật chính diện bằng bút pháp trữ tình ngợi ca quen thuộc, thiên về phân tích tâm lí... Trái lại khi xây dựng nhân vật phản diện, Vi Hồng hầu như chỉ thiên về lối mô tả bằng sự kiện. Hàng chuỗi hành động chông chát, xô đẩy, xen cài... biểu hiện những tâm hồn cứng nhắc như những sơ đồ mà mọi suy nghĩ mọi đường đi nước bước đều được tính toán, trù liệu trước một cách chính xác*” [36, tr. 35]. Phương diện này cũng đã được tác giả Phạm Mạnh Hùng chú ý đến. Tuy nhiên tác giả chỉ nhấn mạnh tới những tới những thành công của Vi Hồng ở nghệ thuật miêu tả nhân vật qua ngoại hình và ngôn ngữ mà chưa khai thác những mặt hạn chế (dù không nhiều) về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết của Vi Hồng.

Về phương diện ngôn ngữ. Trong *Đặc điểm ngôn ngữ văn xuôi Vi Hồng*, tác giả Nông Thị Huyền Trang chỉ ra một số lớp từ ngữ thể hiện đặc điểm văn xuôi Vi Hồng như: lớp từ ngữ của tiếng dân tộc, lớp từ khẩu ngữ, lớp từ ngữ địa phương, lớp từ ngữ riêng. Tác giả cũng chỉ rõ một số phương thức sử dụng ngôn ngữ trong văn xuôi Vi Hồng: biện pháp so sánh, nhân hóa, khoa trương, vòng vo.

Về lời văn nghệ thuật, trong “*Lời văn nghệ thuật trong tiểu thuyết của Vi Hồng*” tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền nhấn mạnh một số phương diện tổ chức

lời văn nghệ thuật: Lời văn giàu tính ước lệ và sử dụng nhiều mỹ từ, nhã ngữ; Sự vận dụng hiệu quả vốn tri thức về đời sống văn hóa, phong tục tập quán của người Tày. TS. Ngô Thu Thủy, Khoa Ngữ văn, trường ĐHSPT Thái Nguyên trong “*Giọng điệu trần thuật trong một số tiểu thuyết tiêu biểu của Vi Hồng*” đã nhận xét một số biểu hiện về giọng điệu trong tiểu thuyết Vi Hồng như sau: giọng điệu mỉa mai, căm giận; giọng điệu tha thiết, yêu thương; giọng điệu triết lý.

Điểm lại các công trình, bài báo nghiên cứu về văn chương Vi Hồng chúng tôi nhận thấy: đã có những bài viết và những công trình nghiên cứu khoa học về văn chương Vi Hồng nói chung, tiểu thuyết của Vi Hồng nói riêng. Nhưng các nhà nghiên cứu mới chỉ tiếp cận, khẳng định từng luận điểm cụ thể phục vụ cho các mục đích nghiên cứu khác nhau. Trong công trình nghiên cứu của mình, chúng tôi tiếp tục kế thừa và có thêm những phát hiện mới về tiểu thuyết Vi Hồng trên cơ sở lý thuyết phê bình sinh thái của văn học.

2.2. Những công trình nghiên cứu về vấn đề sinh thái trong tiểu thuyết Vi Hồng

Theo nghiên cứu của chúng tôi, chưa có một công trình chuyên biệt nào nghiên cứu tiểu thuyết Vi Hồng một cách có hệ thống, ở diện rộng và khái quát từ lý thuyết phê bình sinh thái. Chỉ có một số tác giả như Phạm Mạnh Hùng, Hoàng Văn huyên, Thiều Thị Phương Nga, Dương Thị Xuân... trong công trình nghiên cứu của mình đã đề cập đến yếu tố thiên nhiên, hiện thực cuộc sống, con người Việt Bắc trong tiểu thuyết của Vi Hồng. Ở các công trình nghiên cứu này, các tác giả mới chỉ nhìn thiên nhiên và con người như một đối tượng khách thể nói chung mà chưa nhìn trên lý thuyết phê bình sinh thái. Vì vậy, việc tìm hiểu nghiên cứu **Tiểu thuyết Vi Hồng từ góc nhìn phê bình sinh thái** được đặt ra như một đòi hỏi tất yếu, đặc biệt là trong tình hình hiện nay - khi quy cơ sinh thái đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Khám phá giá trị của tiểu thuyết Vi Hồng từ một góc nhìn mới: góc nhìn phê bình sinh thái. Từ đó khẳng định đóng góp của nhà văn và vị trí của ông trong nền văn học dân tộc thiểu số Việt Nam (nói riêng) và trong nền văn học Việt Nam hiện đại (nói chung).

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tìm hiểu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc nghiên cứu văn học từ góc nhìn phê bình sinh thái.

- Làm rõ vấn đề sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội trong tiểu thuyết của Vi Hồng.

- Phân tích một số phương diện nghệ thuật thể hiện vấn đề sinh thái trong tiểu thuyết của Vi Hồng.

4. Đối tượng và phạm vi tài liệu nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Vi Hồng là một nhà văn đa tài, ông sáng tác nhiều thể loại khác nhau. Trong luận văn này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề môi trường sinh thái (sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội) trong thể loại tiểu thuyết của Vi Hồng.

4.2. Phạm vi tài liệu nghiên cứu: toàn bộ tiểu thuyết của Vi Hồng gồm mười sáu cuốn:

- "*Đất bằng*"(1980), Tiểu thuyết, Nxb Tác phẩm mới.
- "*Vãi Đàng*" (1980), Tiểu thuyết, Nxb Tác phẩm mới.
- "*Núi cỏ yêu thương*" (1984), Tiểu thuyết, Nxb Thanh niên.
- "*Thung lũng đá rơi*" (1985), Tiểu thuyết, Nxb Văn hóa dân tộc.
- "*Vào hang*" (1990), Tiểu thuyết, Nxb Thanh niên.
- "*Người trong ống*" (1990), Tiểu thuyết, Nxb Lao động.
- "*Gã ngược đời*"(1990), Tiểu thuyết, Nxb Văn hóa dân tộc.
- "*Ái tình và kẻ hành khất*" (1993), Tiểu thuyết, Nxb Hội văn học nghệ thuật Bắc Thái.

- "*Lòng dạ đàn bà*" (1992), Tiểu thuyết, Nxb Thanh niên.
- "*Dòng sông nước mắt*" (1993), Tiểu thuyết, Nxb Hội văn học nghệ thuật Bắc Thái.

- "*Tháng năm biết nói*" (1993), Tiểu thuyết, Nxb Văn hóa dân tộc.
- "*Phụ tình*" (1994), Tiểu thuyết, Nxb Văn hóa dân tộc.
- "*Chồng thật vợ giả*"(1994), Tiểu thuyết, Nxb Thanh niên.
- "*Đi tìm giàu sang*" (1995), Tiểu thuyết, Nxb Văn hóa dân tộc.

- “*Đọa đày*” (1997), Tiểu thuyết, Nxb Văn hóa dân tộc.
- “*Mùa hoa Bioóc loóng*” (1997), Tiểu thuyết, Nxb Thanh niên.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê, phân loại.
- Phương pháp hệ thống.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp.
- Phương pháp so sánh.
- Phương pháp liên ngành.
- Phương pháp phê bình sinh thái.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Thư mục tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề liên quan đến đề tài

Chương 2: Sinh thái trong tiểu thuyết Vi Hồng

Chương 3: Một số phương diện nghệ thuật thể hiện vấn đề sinh thái trong tiểu thuyết Vi Hồng

NỘI DUNG

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Vài nét về lý thuyết Phê bình sinh thái

“Phê bình văn học sinh thái ra đời từ gợi ý của sinh thái học, khoa nghiên cứu mối quan hệ tương sinh, tương tác giữa các sinh thể cùng mối quan hệ của chúng với môi trường vật chất xung quanh” [55].

Suốt mấy chục thế kỉ qua, nhân loại do kiêu hãnh với quan niệm “con người là trung tâm của thế giới”, “Con người là tinh hoa của muôn loài” đã dẫn đến việc coi chinh phục tự nhiên như một trong những mục đích để khẳng định sức mạnh của mình. Và đó chính là nguyên nhân của nạn hủy hoại môi trường tự nhiên, đẩy môi trường tự nhiên vào tình trạng suy thoái ngày càng nghiêm trọng. Tầng ozon bị thủng do việc sử dụng, sản xuất và thải bỏ các chất gây hại bừa bãi; đời sống công nghiệp khiến cho nguồn nước sạch bị ô nhiễm; “hiệu ứng nhà kính” do sử dụng nhiều nguyên liệu hoá thạch, do sự giảm sút diện tích rừng xanh khiến cho nhiệt độ của trái đất tăng lên, mực nước biển dâng cao đe dọa đời sống của hàng triệu người dân trên thế giới; những luồng di dân tự do không kiểm soát được ở các nước phương Tây và việc bùng nổ dân số tự nhiên khiến áp lực dân số đè nặng lên “thân thể vô cơ” - môi trường tự nhiên, khiến tự nhiên phải căng mình ra mà chống đỡ. Đó là những hệ lụy ghê gớm do con người gây ra cho chính mình. Chưa bao giờ vấn đề môi sinh lại trở nên nghiêm trọng như bây giờ. Và cũng chưa bao giờ nhân loại lại có chung một nỗi lo sinh thái ghê gớm như bây giờ. Vấn đề môi sinh trở thành vấn đề đáng quan tâm không của riêng ai, cũng không của riêng một quốc gia nào mà là vấn đề của toàn cầu. Nguy cơ sinh thái đòi hỏi văn học cũng phải trở thành một trận chiến để bảo vệ môi trường nhân sinh. Đó là điều kiện cho sự ra đời của phê bình văn học sinh thái.

Sinh thái (oikos) theo nghĩa gốc tiếng Latin là nhà ở, nơi cư trú, bất kì một sinh vật sống nào cũng cần nơi cư trú của mình. Thuật ngữ sinh thái học (ecology) có nguồn gốc từ chữ Hy Lạp, bao gồm oikos (chỉ nơi sinh sống) và

logos (học thuyết, khoa học). Thuật ngữ “sinh thái học” chỉ thật sự ra đời vào năm 1869 do nhà sinh vật học người Đức Ernst Haecker đưa ra. Ông chính là người đầu tiên đặt nền móng cho môn khoa học sinh thái, nghiên cứu về mối tương quan của sinh vật với môi trường.

Phê bình sinh thái được manh nha từ những năm bảy mươi của thế kỉ XX. Ngay từ khi xuất hiện, phê bình sinh thái đã không thuần nhất. Ở Anh người ta thường sử dụng thuật ngữ “nghiên cứu xanh” (green study) còn ở Mỹ người ta lại sử dụng thuật ngữ “phê bình sinh thái” (ecocriticism). Ngoài ra, một số thuật ngữ khác như: “thi pháp sinh thái” (ecopoetics), “phê bình văn học môi trường” (environmental literary criticism)... cũng được sử dụng. Tuy nhiên, cuối cùng, các học giả đã thống nhất chọn thuật ngữ ecocriticism (phê bình sinh thái) của Cheryl Glotfelty vì nó ngắn gọn và có thể dễ dàng tạo thành dạng thức khác là ecocritical (tính chất phê bình sinh thái) và ecocritic (nhà phê bình sinh thái).

Thuật ngữ ecocriticism có lẽ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1987 bởi William Rueckert trong một khảo luận tên là *Văn học và sinh thái: Một thử nghiệm mới trong phê bình sinh thái* (Literature and Ecology: An Experiment in Ecocriticism). Phê bình sinh thái (ecocriticism) theo Rueckert có nghĩa là “việc ứng dụng sinh thái học và các thuật ngữ sinh thái học vào nghiên cứu văn học”.

Năm 1974, công trình của Joseph Mecker là *Hài kịch của sự sinh tồn* (*The Comedy of Survival*) đã đưa ra vấn đề tranh luận cơ bản: chính văn hóa phương Tây với nền tảng tư tưởng của thuyết con người là trung tâm đã khiến cho môi trường trở nên khủng hoảng. Mãi đến năm 1990, phê bình sinh thái mới thực sự phát triển. Phiên họp đặc biệt nổi tiếng nhất của *Hội nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại* (MLA) vào năm 1991 có chủ đề “*Phê bình sinh thái: Xanh hóa nghiên cứu văn học*” đã thực sự tạo được tiếng vang và thúc đẩy hướng nghiên cứu này phát triển mạnh mẽ.

Năm 2004, Grey Garrard (Đại học Bath Spa, Anh) xuất bản chuyên luận *Phê bình sinh thái* (thuật ngữ phê bình mới) Ecocriticism (The New Critical Idiom) bàn về diễn ngôn chủ yếu của phê bình sinh thái từ tám phương diện: ô nhiễm, nơi chốn, điền viên, hoang dã, tận thế, cư trú, động vật, trái đất. Từ cái

nhìn của phê bình sinh thái, tác giả đã chất vấn và khéo léo đưa người đọc đào sâu vào những tranh luận chính của phê bình sinh thái hôm nay.

Như vậy, khởi phát từ Anh - Mỹ, phê bình sinh thái đang là một trào lưu phê bình năng động, thu hút sự quan tâm của các quốc gia trên thế giới. Tiềm năng của phê bình sinh thái là rất lớn. Theo Timothy Clark: “*Phê bình sinh thái đã tạo được một khu vực hoạt động rất năng động, chưa đánh giá hết được nơi các vấn đề, các chuyên ngành học thuật chính trị giao cắt nhau. Sức mạnh tiềm tàng của nó không phải chỉ như một nhánh phê bình văn học khác, được đặt bên trong những biên giới thiết chế đã có sẵn mà ở chỗ nó là một cách tiếp cận mang tính khiêu khích cả trong việc phân tích văn học lẫn những vấn đề vừa động hiện, vừa che khuất lẫn nhau của khoa học, đạo đức, chính trị và thẩm mỹ*” [68]. Nhìn chung, nghiên cứu văn học theo lý thuyết phê bình sinh thái phương Tây chủ yếu tập trung vào thái độ và hành vi của nhân loại đối với tự nhiên, khẳng định vai trò của tự nhiên và cảnh báo nguy cơ sinh thái đến từ mối quan hệ tiêu cực giữa con người và tự nhiên.

Sau thời kì phát triển ở Mỹ và phương Tây, đến nay nghiên cứu sinh thái và nghiên cứu văn học sinh thái đang mở rộng đến nhiều khu vực khác trên thế giới, trong đó có châu Á. Ở Việt Nam, trong điều kiện môi sinh đang có những biến đổi đáng lo ngại, việc nghiên cứu phê bình văn học sinh thái là vô cùng cần thiết. Những năm gần đây, qua các bản dịch của một số học giả, những luận điểm cơ bản của phê bình sinh thái đã được giới thiệu vào Việt Nam, đem đến cho giới nghiên cứu một phương pháp lí thuyết mới của lí luận phê bình. Có thể kể đến các công trình: *Văn chương và môi trường* của Lawrence Buell, Ursula K. Heise, Karen Thornber do Nguyễn Hạnh Quyên dịch; *Những tương lai của phê bình sinh thái và văn học* *Phê bình sinh thái* của Karen Thornber do Hải Ngọc dịch; *Phê bình sinh thái - Cội nguồn và phát triển* do Đỗ Văn Hiếu dịch. Cũng đã xuất hiện những bài nghiên cứu hướng về lí thuyết phê bình sinh thái như: *Mùa xuân sinh thái & văn chương* của Huỳnh Như Phương; *Phê bình sinh thái tinh thần trong nghiên cứu văn học hiện nay* của Trần Đình Sử; *Sáng tác và phê bình sinh thái - tiềm năng cần khai thác của văn học Việt Nam* của

Nguyễn Thị Tịnh Thy... Cùng với đó là những công trình nghiên cứu vận dụng lí thuyết phê bình sinh thái vào tìm hiểu các tác phẩm cụ thể như: *Những ngọn gió Hua Tát của Nguyễn Huy Thiệp nhìn từ lí thuyết phê bình sinh thái* của tác giả Vũ Minh Đức; *Bước đầu tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp từ điểm nhìn phê bình sinh thái* của Đặng Thái Hà; *Thơ mới từ góc nhìn phê bình sinh thái học* của Nguyễn Đăng Điệp; *Biến đổi môi trường sống - nhân tố thúc đẩy không gian văn hóa mới trong thơ Tú Xương* của tác giả Dương Thu Hằng; *Văn xuôi Việt Nam hiện đại sau 1975 nhìn từ góc nhìn phê bình sinh thái* của các tác giả Lê Lưu Oanh - Trần Thị Ánh Nguyệt; *Cảm quan sinh thái trong văn xuôi dân tộc thiểu số Việt Nam đương đại và Cảm hứng nhân văn trong tiểu thuyết Vi Hồng* của Đào Thủy Nguyên; *Văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn sinh thái* của Nguyễn Thùy Trang, *Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi từ góc nhìn phê bình sinh thái* của Lê Thị Thảo... Có thể thấy, các công trình nghiên cứu này đã khẳng định địa hạt rộng mở của văn học sinh thái, vận dụng tư tưởng sinh thái để nghiên cứu không chỉ phương diện sinh thái tự nhiên mà cả phương diện sinh thái nhân văn trong sáng tác văn học. Và điều này là hoàn toàn có cơ sở.

Như chúng ta đã biết, sinh thái học tự nhiên và sinh thái học nhân văn là hai phương diện cấu thành hệ sinh thái. Trong sinh thái tự nhiên, con người được nghiên cứu về nguồn gốc, sự thích nghi cũng như sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên. Trong sinh thái nhân văn, con người được nghiên cứu ở mối quan hệ qua lại và sự tác động lẫn nhau giữa con người với nhau và giữa môi trường xã hội và môi trường tự nhiên. Như vậy, phê bình sinh thái văn học hướng vào sinh thái tự nhiên là cần thiết nhưng cũng cần quan tâm cả sinh thái nhân văn để từ đó có thể nhìn sâu hơn, đầy đủ hơn vào các khả năng của văn học trong nghiên cứu vấn đề môi sinh của con người.

Có thể khẳng định, phê bình sinh thái “*chỉ dẫn nhập quan niệm cơ bản nhất của triết học sinh thái vào phê bình văn học*” chứ không phải là đem phương pháp nghiên cứu sinh thái học, sinh vật học, hay phương pháp nghiên cứu của bất kì ngành khoa học tự nhiên nào vào phân tích văn học. Chính vì

vậy, không thể “*giới hạn, đóng khung nó trong phạm vi hay phương pháp nào cả*” [3]. Theo nhà nghiên cứu Trần Đình Sử, một số nhà phê bình sinh thái Mỹ và phê bình sinh thái Trung Quốc như Lỗ Khu Nguyên, Vương Nhạc Xuyên trong khi quan tâm đến phê bình sinh thái tự nhiên cũng đã quan tâm đến “*kiểu phê bình văn học lấy tư tưởng sinh thái làm trung tâm, qua đó giải quyết các vấn đề sinh thái xã hội, xác lập lí tưởng sống cao đẹp, khắc phục các ô nhiễm tinh thần, khiến tinh thần trong sạch, cân bằng, góp phần làm ổn định xã hội*”. Ở đây, “*phê bình văn học cũng có thể từ góc độ văn hóa sinh thái đọc lại kinh điển văn học truyền thống, từ đó tìm ra ý nghĩa văn hóa sinh thái và ý nghĩa mỹ học sinh thái từng bị che lấp, và xây dựng lại mối quan hệ thẩm mỹ thi ý giữa con người và tự ngã, con người và người khác, con người và xã hội, con người và tự nhiên, con người và trái đất*” [11]. Với tinh thần này, ta cũng có thể vận dụng tư tưởng sinh thái để xem xét “*quan hệ giữa văn học và môi trường văn hóa, tinh thần xã hội như một vấn đề sinh thái, không tập trung vào quan hệ con người và tự nhiên, mà xem xét môi trường tinh thần xã hội như là môi trường sống của văn nghệ, sự tương tác giữa môi trường văn hóa tinh thần với sáng tạo văn nghệ*” [55]. Văn học là sản phẩm của môi trường văn hóa xã hội, mà trực tiếp là môi trường sinh thái tinh thần của con người. “*Là một ngành của khoa nghiên cứu nhân văn, nghiên cứu văn học hôm nay không thể chỉ đóng khung trong việc nghiên cứu các vấn đề của nội bộ văn học nghệ thuật, như hình thức, kí hiệu, biểu tượng, mẫu gốc, phân tâm...*” [55] cũng không thể chỉ quan tâm đến các vấn đề của sinh thái tự nhiên mà không quan tâm đến vấn đề sinh thái xã hội như dân số, giới tính, tộc người, các mối quan hệ xã hội, các chính sách... nhằm đảm bảo sự cân bằng đời sống xã hội. Như vậy, phê bình văn học sinh thái cũng nên có một cái nhìn động và rộng, không dừng ở phê bình sinh thái tự nhiên mà mở rộng ra cả phê bình sinh thái xã hội vì chính sự tồn tại và hạnh phúc của con người.

Ở công trình nghiên cứu này, chúng tôi sẽ vận dụng tư tưởng sinh thái để nghiên cứu sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn trong tiểu thuyết của Vi Hồng với mong muốn khám phá sâu sắc hơn đóng góp của nhà văn cho nền văn học dân tộc.

1.2. Vấn đề sinh thái trong văn học Việt Nam

Việt Nam là một nước nằm trong khu vực Đông Á, nơi có truyền thống về tình yêu thiên nhiên và mối quan hệ tương thân tương ái của con người. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, con người và con người đã xuất hiện từ khá lâu trong văn học dân gian, văn học trung đại và văn học hiện đại. Song trong mỗi thời kì mối quan hệ này lại được thể hiện khác nhau do sự chi phối của tư tưởng thời đại và chủ thể sáng tạo đến các tác phẩm văn học.

Thiên nhiên trong văn học dân gian là thiên nhiên quê hương đất nước với vẻ đẹp hữu tình của đồng ruộng, sông, núi, mây, gió, trăng, hoa.

*“Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ”*

(Ca dao)

Con người hiện lên với vẻ đẹp của tình người: tình làng nghĩa xóm *“Bán anh em xa, mua láng giềng gần”* (Tục ngữ), tình yêu quê hương, gia đình, vợ chồng...

*“Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hũy còn cay
Đôi ta tình thắm nghĩa dày*

Dù xa nhau chẳng nữa, ba vạn sáu ngàn ngày cũng xa”

(Ca dao)

Nếu văn học dân gian cảm thức về mối quan hệ thống nhất, hài hòa giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người qua thế giới loài vật, cỏ cây, hoa lá... thì trong văn học trung đại đó là cảm thức hòa điệu, ca tụng thiên nhiên, xem thiên nhiên là nơi lánh trú, trốn đời, chốn nương thân; thiên nhiên còn là bầu bạn, là gia đình có cùng tiếng nói với con người. Con người hiện lên qua hình ảnh các nhà Nho. Khi xã hội bất như ý, tâm trạng không như ý họ quy ẩn bằng cách trở về với thiên nhiên để tìm lại sự bình an, tĩnh tại, tự do. Bởi vậy Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Khuyến... do mệt mỏi với quan trường ganh ghét, lòng người hiểm độc đã “quy khứ lai” trở về vui với cây cỏ, với mây trắng, núi ngàn.

Quãng đời lui về ẩn cư quê ngoại Côn Sơn giúp Nguyễn Trãi có dịp hoà nhập với thiên nhiên hết mình hơn, khi “công danh đã được hợp về nhà”. Cuộc sống giữa thiên nhiên của ông dân đã đến đặm bạc:

*Cơm ăn chẳng quản dưa muối
Áo mặc nài chi gấm thêu
Quê cũ nhà ta thiếu của nào
Rau trong nội, cá trong ao.*

(Mạn thuật, 35)

Nhưng tấm lòng trung hiếu của ông với nước, với vua và với cha mẹ vẫn bền vững, son sắt, thuỷ chung, dù có mài đi cũng chẳng khuyết, có nhuộm đi cũng chẳng đen.

*Bui có một lòng trung lẫn hiếu
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen*

(Thuật hứng, 24)

Thiên nhiên trong văn học hiện đại không còn mang tính ước lệ thường thấy ở văn học dân gian, văn học trung đại để đóng vai như một nhân vật đời thường của văn học. Sự hoà điệu con người và thiên nhiên được tăng cường, chứ không chỉ là bối cảnh theo kiểu “người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ”. Ở thời kì này, bên cạnh những những nhà văn thuộc khuynh hướng văn học hiện thực phê phán viết về cảnh và hiện thực cuộc sống nghèo khổ của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám như: Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... đã xuất hiện tầng lớp trí thức Tây học thuộc khuynh hướng văn học lãng mạn như: Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính... Không phê phán xã hội, họ nhìn cảnh vật, con người, hiện thực cuộc sống bằng cặp mắt xanh non. Nhưng sau vẻ đẹp thiên nhiên ấy vẫn là tấm lòng yêu nước thâm kín.

Văn học giai đoạn 1945 - 1975 là thời kỳ văn học tập trung phục vụ kháng chiến, cứu quốc. Tuy nhiên các tác giả cũng chú ý đề cập đến mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, giữa con người với con người. Đó là những vần thơ mà cả thiên nhiên và con người đều chống Pháp:

*Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.*

(Việt Bắc - Tố Hữu)

Ở đó có mối quan hệ hòa hợp giữa con người và tự nhiên trong một thể thống nhất để gìn giữ non sông đất nước. Văn học thể hiện tinh thần chiến đấu cho Tổ quốc là chiến đấu cho từng cành hoa ngọn cỏ.

Văn học Việt Nam sau 1975 đã khẳng định văn học mở rộng quan niệm nghệ thuật về con người, nhìn nhận con người ở khía cạnh tự nhiên. Trong văn học giai đoạn này có thể coi các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu là những “dự cảm” đầu tiên về mối quan hệ càng lúc càng trở nên “xa lạ hóa” của con người đô thị với thế giới tự nhiên. Chứng kiến sự chuyển mình mang tính bước ngoặt theo hướng hiện đại hóa của đời sống xã hội, Nguyễn Minh Châu đã có được sự nhạy cảm thực sự khi nắm bắt được những khát vọng xây dựng và đổi mới của một lớp người hậu chiến, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp thể hiện một cái nhìn “phi truyền thống” về vùng nông thôn và cuộc sống thôn quê. Những tác phẩm: *Con gái thủy thần*, *Những người thợ xẻ* đã diễn tả sự xung đột giữa con người với đất đai được đẩy lên cùng cực. Sự tấn công của con người vào cảnh quan hoang dã cũng là một thực trạng đáng báo động. Đó chính là một thực trạng suy thoái trầm trọng của tự nhiên khi đô thị hóa xuất hiện trong những sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp.

Như vậy, vấn đề sinh thái trong văn học nghệ thuật từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều phản ánh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người trong xã hội. Dù mỗi thời kì mối quan hệ ấy có sự đậm nhạt khác nhau nhưng tựu chung lại việc miêu tả mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, giữa con người với con người đều nhằm mục đích hướng con người đến một xã hội văn minh và nhân ái.

1.3. Tiểu thuyết trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của Vi Hồng

1.3.1. Vài nét về nhà văn Vi Hồng

Vi Hồng tên khai sinh là Vi Văn Hồng sinh ngày 13 tháng 7 năm 1936 tại bản Phai Thin, xã Đức Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng trong một gia đình nông dân nghèo, dân tộc Tày. Nhà văn còn có bút danh khác là Hà Thúy Slao. Từ thuở bé, Vi Hồng đã học rất giỏi và thông minh. Năm (1943) lên bảy, Vi Hồng đã học chữ Hán và chữ Quốc ngữ từ những người thân trong gia đình. Khi lên mười Vi Hồng đã học các điệu lượn, điệu then với bà. Năm 14 tuổi Vi Hồng mới thi đỗ lớp 3 tiểu học. Tốt nghiệp cấp III, Vi Hồng vào học Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội Sau khi tốt nghiệp ông được giữ lại trường làm giảng viên. Nhưng nhà văn đã xung phong lên công tác ở Sở giáo dục Hà Giang. Thời gian sau ông lại trở về Đại học Sư phạm I Hà Nội giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tháng 10/1966 Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc được thành lập, Vi Hồng lên Thái Nguyên và trở thành một trong những giáo viên đầu tiên của khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên). Vi Hồng là cán bộ giảng dạy và chủ nhiệm bộ môn văn học dân gian của khoa Ngữ Văn. Không chỉ là một nhà giáo ưu tú, mẫu mực với 28 năm là cán bộ giảng dạy mà ông còn được biết tới với tư cách là một nhà văn tiêu biểu của nền văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Ông qua đời vào ngày 31 tháng 3 năm 1997 tại thành phố Thái Nguyên khi những trang tiểu thuyết vẫn còn dang dở.

1.3.2. Quan điểm nghệ thuật của Vi Hồng

Mỗi nhà văn có một quan điểm sáng tác khác nhau. Vi Hồng là nhà văn có ý thức sâu sắc về vai trò của văn chương nghệ thuật trong đời sống, vì vậy ông có quan điểm sáng tác rất riêng. Quan điểm ấy chi phối tới toàn bộ sự nghiệp của nhà văn, nó thể hiện qua những lời tâm sự của ông về nghề nghiệp trong các bài viết hoặc qua chính tác phẩm của Vi Hồng. Quan điểm sáng tác của Vi Hồng được thể hiện ở một số vấn đề sau:

12.3.1. Văn chương phải có nhiệm vụ đề cao, khẳng định cái thiện, cái đẹp, đấu tranh loại bỏ cái ác, cái xấu

Quan điểm này của Vi Hồng được thể hiện trong lời bộc bạch của nhà văn về sứ mệnh cao cả của người cầm bút: “*Các trang viết của tôi là những lời tâm tình cùng các dân tộc miền núi, trước hết với người Tày rằng: hãy yêu thương và biết yêu thương những cái đẹp, nhất là những con người cao đẹp, cao cả, đồng thời đem hết sức mình ra diệt trừ cái ác, kẻ ác. Trừ khử kẻ phản bội trắng trợn, nguyên rửa những kẻ “béc kha cái” (đại nịnh hót) khinh bỉ lũ yếu hèn. Tôi cũng cho rằng đây là sứ mệnh cao cả và muôn đời, của mọi nhà văn trên thế giới*” [59, Tr. 23]. Thực ra quan điểm sáng tác của Vi Hồng là sự kế thừa quan điểm truyền thống của ông cha ta từ xưa: trong văn học dân gian, văn học yêu nước chống Pháp (Nguyễn Đình Chiểu), thơ ca cách mạng Hồ Chí Minh...

Trong lời tâm sự, chúng ta nhận ra bức thông điệp đầy tính nhân văn của Vi Hồng, đó là: hãy yêu thương và biết yêu thương những cái đẹp, nhất là những con người cao đẹp, cao cả. Cảm hứng yêu thương trân trọng ngợi ca cái đẹp của thiên nhiên và con người là nguồn cảm hứng bất tận trong trái tim nhà văn. Ông càng yêu thương cái đẹp bao nhiêu thì lại càng căm ghét cái xấu bấy nhiêu. Vì thế, Vi Hồng đã tái hiện một loạt chân dung những kẻ xấu xa, bỉ ổi cả về nhân hình và nhân tính để phơi bày tất cả sự đen tối và tội ác xấu xa của chúng. Từ đó, nhà văn khẳng định sự bất tử của cái đẹp, cái thiện và nhắc nhở cần đấu tranh loại bỏ cái xấu, cái ác trong cuộc sống của con người.

1.2.3.2. Nhà văn phải biết đau nỗi đau của đồng loại và chỉ viết khi có sự thôi thúc của trái tim

Cuộc đời của nhà văn Vi Hồng là những chuỗi ngày tháng sống trong khổ đau và đầy nước mắt. Có lẽ những khổ đau ấy đã giúp cho Vi Hồng nhạy cảm hơn trước nỗi khổ đau, bất hạnh của con người. Trong khổ đau của cá nhân mình Vi Hồng càng thấm thía đồng cảm với nỗi đau của bao kiếp người. Vì thế chỉ khi tìm đến văn chương và trải lòng trên những trang viết, Vi Hồng mới quên đi cuộc đời bất hạnh của mình: “*Tôi thấy chỉ còn văn chương là có thể làm cho tôi tạm quên đi bầu trời buồn thảm kia. Tôi quyết định trốn vào lâu đài*

văn chương...”, “Với riêng tôi thì nỗi buồn là động lực chính thôi thúc tôi sáng tác- lúc đầu tôi cũng coi đó như là một việc làm mình có thể say mê, để có thể quên đi bầu trời buồn thảm trên đầu, có thể ẩn nấu mỗi khi nỗi khổ trào dâng” [26, Tr.7]. Dù trốn vào văn chương để xoa dịu nỗi đau nhưng Vi Hồng lại không bi quan. Nhà văn đã mở rộng trái tim mình để đồng cảm và hoà cùng nhịp đập với nỗi đau của muôn trái tim đồng loại. Có lẽ đó cũng chính là câu trả lời cho điều mà nhà văn lúc sinh thời chưa lí giải được: “Riêng với tôi - tôi chưa thật hiểu tại sao những khi tôi buồn nhất thì tôi lại thấy thương thật nhiều, yêu thật nhiều về những nỗi khổ đau của bạn bè, người quen và của con người nói chung. Buồn cho mọi số kiếp bất hạnh, thế là tôi bắt tay vào viết tiểu thuyết” [26, Tr.7]. Với quan niệm nhân văn ấy, Vi Hồng đã sáng tác một loạt tiểu thuyết nói về những con người khổ đau, bất hạnh. Trong đó số phận cuộc đời của những người phụ nữ được nhà văn dành nhiều những trang viết hơn cả.

Vi Hồng đã từng khẳng định: “Chúng ta có thể nói thêm là nếu chưa có nỗi đau thì cũng không nên viết văn hoặc chưa nên viết văn” [26, Tr. 7]. Phạm vi nỗi đau mà nhà văn đề cập đến, ta không chỉ hiểu đó là nỗi đau của riêng mình mà đó còn là nỗi đau của nhân thế, nỗi đau của đồng loại. Có thể hiểu đây chính là tuyên ngôn nghệ thuật, quan niệm sáng tác của Vi Hồng, và dấu cho đó không phải là một quan niệm hoàn toàn mới mẻ thì nó vẫn rất đáng để cho chúng ta trân trọng về quan điểm sáng tác đầy tính nhân văn của nhà văn Vi Hồng.

1.2.3.3. Tác phẩm văn chương phải mang tính sáng tạo và phản ánh được tâm hồn dân tộc

Là một người con ưu tú của dân tộc Tày lại mang trong mình niềm đam mê với truyền thống văn hóa văn học quê hương Việt Bắc, nên ngay từ những ngày đầu đến với văn chương, Vi Hồng đã xác định cho mình một quan niệm sáng tác rất rõ ràng “là phải phản ánh được tâm hồn Tày”. Trong cuốn “Nhà văn Vi Hồng như tôi đã biết” của Dương Thuán, nhà văn Vi Hồng đã trả lời bạn đọc như sau: “mình là người Tày, nếu mà viết giống người Kinh thì đừng viết. Văn chương cũng không phải là thứ văn chương đẽo đẹp, khéo tay để trang sức. Cái cốt lõi của văn chương là phải phản ánh được tâm hồn Tày. Bây giờ

họ chưa hiểu rồi sau sẽ hiểu” [59]. Ý kiến của Vi Hồng không chỉ khẳng định cá tính sáng tạo mà còn khẳng định một nguyên tắc của sáng tạo, một trong những cái đích của sáng tạo văn chương là phản ánh được tâm hồn dân tộc. Cho nên đọc những sáng tác của Vi Hồng, đặc biệt là những cuốn tiểu thuyết, bạn đọc không chỉ nhận thấy rất rõ những hình ảnh của thiên nhiên núi rừng Việt Bắc, những phong tục tập quán của người Tày mà ông còn đưa vào những trang viết của mình cách diễn đạt, lối nói giàu hình ảnh, ví von so sánh rất đậm phong vị Tày. Đúng như nhà nghiên cứu Lâm Tiến đã nhận định: “*Người vận dụng văn hoá, văn học dân gian thành công phải kể đến Vi Hồng... Vi Hồng là nhà văn rất có ý thức tự giác để thể hiện được bản sắc văn hoá dân tộc trong tác phẩm của mình*”. Bản thân Vi Hồng từng khẳng định: “*Một dân tộc dù nhỏ bé đến đâu, họ vẫn có một tâm hồn rất riêng mà chỉ có những con đẻ rất thông minh và nhạy cảm của dân tộc mình mới có cơ may khám phá và phát hiện được. Cái thế giới tâm hồn rất riêng, rất đặc trưng của mỗi dân tộc có thể coi như vùng phát sáng của tâm hồn dân tộc họ...Chỉ có nhà văn dân tộc mới có cơ hội đột nhập vào vùng phát sáng của dân tộc mình*”. [20, Tr.65]. Quan niệm này của nhà văn là hoàn toàn đúng đắn, bởi nếu không được tắm mình trong dòng chảy của truyền thống văn hoá dân tộc, không có được những kỉ niệm máu thịt thấm đượm tâm hồn dân tộc thì không thể có tác phẩm mang bản sắc dân tộc đó.

Có thể nhận thấy rằng Vi Hồng đã sáng tạo được những tác phẩm văn học mang đậm bản sắc dân tộc từ nội dung đến hình thức. Đặc biệt là vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của đồng bào miền núi đã được người con của quê hương Việt Bắc khám phá và thể hiện qua hệ thống hình tượng các nhân vật trong nhiều tác phẩm của nhà văn.

1.3.3. Sự nghiệp sáng tác của Vi Hồng

Là một nhà giáo, Vi Hồng không chỉ thành công trong lĩnh vực giảng dạy mà còn thành công trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Sinh ra và lớn lên giữa núi rừng Việt Bắc, Vi Hồng rất có ý thức tìm hiểu những di sản văn hóa, văn học của dân tộc mình. Nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, văn học dân gian của

các dân tộc Việt Bắc của Vi Hồng đã ra đời. Sự nghiệp sáng tác của Vi Hồng bao gồm các công trình nghiên cứu, sưu tầm và các sáng tác văn chương.

Về công trình nghiên cứu và sưu tầm: đáng kể nhất là các tác phẩm: *Sli, lượn, dân ca trữ tình Tày - Nùng*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H.1979; *Khám hải*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H.1993; *Thì thăm dân ca nghi lễ*. Nxb Văn hóa Dân tộc, H.2001; Sáu tập sưu tầm *Truyện cổ Tày - Nùng* do Hội Văn nghệ Bắc Thái in năm 1993...và hàng chục bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí trung ương và địa phương. Ông cũng viết một số bài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục, cụ thể là về dạy và học văn ở miền núi (đăng trên *Tạp chí Văn học, Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp...*). Những công trình nghiên cứu đã phản ánh tài năng và tâm huyết của nhà văn Vi Hồng đối với di sản văn hóa, văn học dân gian.

Về sáng tác văn học, Vi Hồng viết nhiều ở những thể loại: truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết. Ông đã nhận được nhiều giải thưởng cho các sáng tác văn học của mình:

- Năm 1960: Giải Nhì - Giải thưởng của Tổng hội Sinh viên Việt Nam cho truyện ngắn *Ngôi sao đỏ trên đỉnh núi Phja Hoàng*.

- Năm 1962: Giải Nhì báo Người giáo viên nhân dân cho truyện ngắn *Cây su su nõong Ý*

- Năm 1963: Giải Nhì cuộc thi truyện ngắn của tạp chí Văn nghệ Việt Bắc cho truyện ngắn *Nước suối tiên đào*.

- Năm 1971: Giải ba cuộc thi truyện ngắn do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức cho truyện *Cơn nước Eng Nhàn*.

- Năm 1993: Giải thưởng Văn học nghệ thuật cho tiểu thuyết *Dòng sông nước mắt*.

- Năm 1994: Giải thưởng Văn học nghệ thuật cho tiểu thuyết *Phụ tình*.

- Năm 1994 - 1995: Giải C cuộc vận động viết về thiếu nhi dân tộc và miền núi do báo Thiếu niên tiên phong và Nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức.

- Năm 1995 Giải Ba của Hội văn nghệ Dân gian Việt Nam cho công trình *Khám hải*.

- Năm 1995 Giải Ba của Hội văn nghệ Dân gian Việt Nam cho công trình *Thì thâm dân ca nghi lễ* (năm 2002 công trình này được trao giải C - Giải thưởng Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam).

- Năm 1996 - 1997: Giải A cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi của nhà xuất bản Kim Đồng cho tác phẩm *Đường về với Mẹ Chừ*.

- Năm 2012 ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Trong các sáng tác của mình, Vi Hồng luôn đi vào những vấn đề mang tính thiết thực của cuộc sống miền núi như: vấn đề người trí thức, người lao động; vấn đề chống phong kiến; vấn đề định canh định cư; vấn đề tình yêu hôn nhân... Đặc biệt những tác phẩm văn xuôi đầu thập kỉ 90 nhà văn đã có cái nhìn rất thẳng thắn, mạnh bạo về sự thoái hoá, biến chất của một bộ phận trí thức trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó cho thấy tầm nhìn và sự sắc sảo với thời cuộc của một cây bút trí thức rất nhạy bén với nền kinh tế xã hội đang chuyển mình. Tuy nhiên, yếu tố dân gian vẫn còn khá đậm nét trong các tác phẩm của ông. Lí giải điều này là do Vi Hồng sinh ra và lớn lên giữa quê hương núi rừng Việt Bắc, lại được tắm mình trong vốn văn hoá, văn học dân gian từ gia đình và quê hương Cao Bằng. Bản thân là người có năng khiếu văn chương từ nhỏ. Tất cả đã tạo nên một vẻ đẹp riêng không trộn lẫn giữa văn chương Vi Hồng với các nhà văn khác.

1.3.4. Tiểu thuyết của Vi Hồng

Vi Hồng đến với văn chương từ rất sớm và thử qua nhiều thể loại: thơ, kịch, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, nghiên cứu phê bình và cả tiểu luận. Nhưng Vi Hồng chỉ thực sự phát huy được hết tiềm năng của mình khi ông đến với thể loại tiểu thuyết. Ông thuộc thế hệ thứ nhất và cũng là người viết nhiều tiểu thuyết nhất. Từ năm 1980 đến năm 1997, Vi Hồng đã cho ra mắt bạn đọc 16 cuốn tiểu thuyết. Những năm cuối đời, dù bị bạo bệnh, sức khỏe yếu (ông bị bệnh tâm phế mãn) nhưng cũng là lúc ông viết hết mình. Trong 5 năm (1990 - 1995) ông cho ra đời 9 cuốn tiểu thuyết. Đó là kỉ lục chưa từng có trong tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Đó là tài năng, là sự làm việc phi thường của một ý thức lao động nghệ thuật nghiêm túc. Trong quá trình sáng tác, ông đạt được

nhiều giải thưởng quan trọng. Chưa dừng ở đó giá trị tác phẩm của ông còn vượt ra ngoài biên giới quốc gia (tác phẩm *Vãi Đàng* của Vi Hồng được dịch ra tiếng Nga in trong *Tuyển tập chọn lọc 6 nhà văn châu Á* được ấn hành tại Liên Xô cũ).

Khi nghiên cứu về cách viết tiểu thuyết của nhà văn Vi Hồng có rất nhiều ý kiến khác nhau. Tác giả Lâm Tiến trong “*Cách viết tiểu thuyết của nhà văn Vi Hồng*” đã nhận xét: “*Theo tôi cách viết của Vi Hồng vừa hiện thực vừa lãng mạn, vừa dân gian vừa bác học, vừa truyền thống vừa hiện đại. Nhưng thường là cái lãng mạn lấn át cái hiện thực, cái dân gian lấn át cái bác học và cái truyền thống lấn át cái hiện đại. Với cách viết đó, Vi Hồng có một khả năng tưởng tượng, sáng tạo, hư cấu...ít người có được*” [63]. Với ngòi bút hiện thực, Vi Hồng đã tái hiện một loạt chân dung những kẻ xấu xa, bỉ ổi và phơi bày tất cả sự đen tối, tội ác của chúng. Còn với hình tượng nhân vật có phẩm chất cao đẹp ông viết để yêu thương, để ca ngợi. Chính thế giới nhân vật phong phú ấy đã làm cho bức tranh về con người miền núi trong tiểu thuyết của ông trở nên chân thực và sống động hơn. Tuy nhiên dù viết về đề tài nào thì cảm hứng xuyên suốt những trang tiểu thuyết của nhà văn Vi Hồng là cảm hứng yêu thương, ngợi ca trân trọng đầy tính nhân văn, nhân đạo chủ nghĩa.

Đọc tiểu thuyết của Vi Hồng chúng ta nhận thấy rất rõ ở tác giả một tình yêu, sự trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống đậm đà tính dân tộc. Yêu quê hương, yêu bản làng nên Vi Hồng đặc biệt có ý thức đưa những hình ảnh của quê hương, dân tộc vào trong những sáng tác của mình. Nghiên cứu về vấn đề này Nhà giáo Cao Xuân Thử đã nhận xét thật xác đáng: “*Vi Hồng là người am hiểu văn hoá Tày, anh say đắm Si lượn. Anh hiểu cặn kẽ phong tục, tập quán, lễ thói, tập tục đến lễ hội, đến cái ăn, cái uống, sự mặc, việc dựng nhà cửa....*” [47].

Ở tiểu thuyết Vi Hồng nổi bật lên một số phương diện nghệ thuật cụ thể: nghệ thuật miêu tả nhân vật, thiên nhiên; ngôn ngữ vừa giàu hình ảnh, giàu chất thơ vừa thể hiện lối phô diễn của người dân tộc; sử dụng nhiều biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ....

Với 16 cuốn tiểu thuyết, cho đến nay chưa có một nhà văn dân tộc thiểu số nào vượt được số lượng tiểu thuyết của Vi Hồng. Vi Hồng đã tìm được chỗ đứng cho riêng mình mà không phải một nhà văn dân tộc thiểu số nào cũng có thể có được. Ông có thể ngẩng cao đầu tư hào mình vừa là một nhà văn có tài, vừa là một nhà văn có tâm. Ông là niềm tự hào của các nhà văn dân tộc Tày nói riêng và của các nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại nói chung.

1.4. Dấu ấn sinh thái trong tiểu thuyết Vi Hồng

Đọc tiểu thuyết của Vi Hồng - người đọc nhận rõ dấu ấn sinh thái trong tác phẩm của ông. Sự quan tâm đến các vấn đề sinh thái của đời sống miền núi khiến cho hình ảnh thiên nhiên và con người Việt Bắc luôn luôn hiện hữu trong tác phẩm của ông như một món quà với quê hương Cao Bằng - nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng tâm hồn ông.

Sinh thái tự nhiên trong tiểu thuyết Vi Hồng là hình ảnh thiên nhiên Việt Bắc với núi cao, vực sâu, rừng thẳm, ghềnh thác dữ; là khung cảnh nên thơ hữu tình; là thế giới của các loài động vật đa dạng và phong phú, là mối quan hệ gắn bó hòa hợp giữa con người với tự nhiên, con người là một bộ phận của tự nhiên và tự nhiên chở che nuôi dưỡng bầu bạn với con người. Vi Hồng cũng phản ánh mối xung đột giữa con người với tự nhiên. Trong quá trình lao động sản xuất con người đã tác động vào tự nhiên, khai phá rừng làm ảnh hưởng đến môi trường sống. Có thể nói, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được Vi Hồng phản ánh rất chân thực và sinh động trong tác phẩm của mình.

Sinh thái xã hội trong tiểu thuyết Vi Hồng là hiện thực cuộc sống của con người trước và sau cách mạng (Ở đây tiểu thuyết Vi Hồng mang đậm nét sinh thái nhân văn hơn vì thế chúng tôi sẽ đi sâu nghiên cứu sinh thái nhân văn). Ở đó mối quan hệ giữa con người với con người, con người với các giá trị văn hóa hiện lên qua vẻ đẹp đối nhân xử thế, qua ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa và ý thức bài trừ những hủ tục lạc hậu. Tuy nhiên khi đất nước chuyển mình, trước sự cám dỗ của vật chất và những dục vọng tầm thường, xã hội có sự chuyển biến về ứng xử làm xuất hiện những con người biến chất, tha hóa về đạo đức làm ảnh hưởng đến môi trường nhân sinh.

Có thể thấy, sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội (sinh thái nhân văn) được nhà văn Vi Hồng chú ý thể hiện trên những trang văn của mình. Đó là tình cảm yêu quý, trân trọng, ngợi ca con người, ngợi ca tự nhiên. Bên cạnh đó là những trang văn thể hiện sự trăn trở, suy tư về các ác, cái xấu còn lộng hành trong xã hội; sự hủy diệt của con người với tự nhiên. Từ đó nhà văn truyền tải bức thông điệp: bảo vệ quyền con người, bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự phong phú đa dạng của môi trường sinh thái và chính là bảo vệ cuộc sống của loài người trên trái đất.

Tiểu kết

Phê bình sinh thái văn học là một hướng nghiên cứu hoàn toàn mới, có sự liên ngành giữa văn học và môi trường, từ nghiên cứu văn chương và các ngành khoa học liên quan mà rút ra những cảnh báo về môi trường sinh thái. Nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại, trong đó có văn học dân tộc thiểu số theo hướng này mới chỉ là những bước khởi đầu nhưng hứa hẹn những tiềm năng trong tìm tòi khám phá sâu hơn vào giá trị của các tác phẩm văn chương. Nghiên cứu tiểu thuyết Vi Hồng dưới góc nhìn phê bình sinh thái sẽ giúp cho chúng ta - những người yêu mến Vi Hồng - có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về giá trị của tiểu thuyết Vi Hồng, về vị trí của nhà văn trong nền văn học dân tộc thiểu số nói riêng và trong nền văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

Chương 2

SINH THÁI TRONG TIỂU THUYẾT VI HỒNG

2.1. Sinh thái tự nhiên trong tiểu thuyết Vi Hồng

2.1.1. Tự nhiên mang đặc trưng núi rừng Việt Bắc

Đọc tiểu thuyết của Vi Hồng, người đọc có những ấn tượng khó quên về hình ảnh thiên nhiên mang đậm hơi thở của núi rừng Việt Bắc. Đó là điều dễ hiểu, bởi Vi Hồng là một người con sinh ra và lớn lên giữa thiên nhiên núi rừng Việt Bắc, gắn bó với con người và cuộc sống nơi đây. Tình yêu thiên nhiên đã trở thành nguồn cảm hứng dồi dào trong trái tim nhạy cảm của người nghệ sĩ ngôn từ Vi Hồng. Thiên nhiên đi vào tác phẩm của ông rất tự nhiên, sống động vừa thơ mộng hữu tình vừa hoang sơ, hùng vĩ mang đặc trưng của núi rừng Việt Bắc. Ở đây, thiên nhiên là đối tượng để nhà văn tụng ca, thương ngao, là môi sinh đa dạng để con người sinh tồn và thử thách.

2.1.1.1. Thiên nhiên thơ mộng hữu tình

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng, vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Bắc thể hiện qua các mùa trong năm. Mùa nào cũng đẹp. Mùa nào cũng gắn với những hình ảnh đặc trưng mà chỉ ở Việt Bắc mới có. Đó là vẻ đẹp ở một cửa rừng Tu Đông (*Vãi Đàng*) với bốn mùa hoa thơm trái ngọt, các loại ngô, đậu tương, đậu xanh, bầu bí ...sai mẩy một cách lạ thường; vẻ đẹp của mùa hè với gió lồng lộng mát rười rượi (*Ái tình và kẻ hành khất*, *Lòng dạ đàn bà*); vẻ đẹp mùa xuân với hình ảnh hoa mạn trắng nõn (*Vãi Đàng*, *Ái tình và kẻ hành khất*); vẻ đẹp mùa thu với trời xanh nắng vàng rờ rờ (*Mùa hoa Bioóc Loóng*, *Tháng năm biết nói*)...

Đây là mùa xuân ở núi rừng Nặm Cáp. Mùa xuân đến báo hiệu bằng mưa bụi, những mầm lá non tơ, những bông hoa mạn trắng nõn, đàn chim hoa đông đến hàng trăm con: “*Không biết mùa xuân đến bằng cánh tay hay bằng chân. Nhưng cứ mỗi năm hết, vãi Đàng lại thấy mùa xuân đến trọ ở cây mạn ngay sát cuối sân nhà...Những ngày giáp tết ở vùng Nặm Cáp thường có mưa bụi. Người ta gọi là mưa bột...mưa bột suốt ngày đêm nhưng cũng chẳng đủ ướt đất! Mưa chỉ đủ nước đọng thành giọt trên lá... Cây mạn già bỗng nở hoa trắng nõn che lấp kín hết cành nhánh. Sáng sớm đàn chim hoa đông đến hàng trăm con đã*

đến cây mạn già. Cây mạn bỗng trở nên một cây vạn hoa màu đẹp kỳ ảo như cây hoa thần thoại.”[13, tr. 7 - 8]. Tất cả mọi vật đều đắm chìm nảy lộc, tung bừng sức sống khi mùa xuân về: “Mùa xuân đến, ở ruộng trời nhìn xuống sườn núi, trăm hoa đua nở, trăm lá khoe sắc, một sườn núi choàng lên một tấm vóc kì diệu.” [15, tr. 103]. Miền núi đồng rừng vốn đã nhiều cỏ cây hoa lá song mỗi mùa lại có một loài hoa đặc trưng riêng. Ai đã từng lên Việt Bắc vào mùa xuân hẳn không thể quên sắc trắng đến nao lòng của hoa mạn. Nó không gợi cảm giác lạnh lẽo mà ngược lại. Màu trắng của hoa cùng màu xanh non của mầm lá xen lẫn màu sắc sặc sỡ của những chú chim hoa đông đậu trên cây gợi lên thi giác ở người đọc đang ngắm bức tranh chấm phá với sắc màu trắng là chủ đạo. Bức tranh tuyệt đẹp của thiên nhiên ấy đem đến cảm nhận về cuộc sống thật trong lành, tươi mát.

Mùa hè ở miền núi được hiện lên với hình ảnh bầu trời chang chang nắng, gió và gam màu xanh ngấn ngắt của núi rừng Việt Bắc: “Mùa hè thì trên đèo Hồ Vồ đầy nắng gió và mát như một xứ sở Châu Âu nào đó. Những con suối chảy từ trong các hẻm núi chảy ra cất thành tiếng reo vui, mời mọc đến ngọn lành của những ngày hè chang chang nắng...Mùa hè rừng núi sao mà xanh đến lạ. Đứng trên đỉnh đèo nhìn xuống cả mái rừng, thiên hình vạn trạng với một màu xanh ngấn ngắt chập trùng như ông trời trải tấm lụa xanh khổng lồ ra phơi kín hết ngoài núi non...”[14, tr. 188]. Mùa hè đến, từng đàn chim sam péc đậu trên những dãy núi trông như những dải lụa: “Một buổi chiều mùa hè ba tầng núi Ba Mái nhuộm rắng chiều hồng rực. Từng đàn chim sam péc, vất vèo những dải lụa mềm bắc cầu qua những dãy núi đá. Trăm giọng chim từ các sườn núi đá đổ xuống cánh đồng như rắc vô vàn hạt xanh xuống ruộng, xuống nương” [18, tr.73]. Nếu gam màu chủ đạo của mùa xuân Việt Bắc là sắc trắng thì màu xanh là gam màu chủ đạo của mùa hè. Đó là màu xanh bạt ngàn của núi rừng. Dưới cái nắng hè gay gắt, màu xanh dịu mát của núi rừng đã khiến cho con người nơi đây vẫn tràn trề sức sống.

Mùa thu Việt Bắc thật yên bình với bầu trời xanh, nắng vàng rờ rờ. Đây là một buổi sáng mùa thu ở Mường Khoang Đông: “Trời trong xanh. Nắng

rạng rỡ tãi xuống các triền núi như dát vàng lên hàng trăm mái rừng. Tiếng chim chóc trăm giọng hót rất khỏe...Tiếng chim trăm giọng làm ánh nắng như nhảy nhót quanh bốn vó ngựa đang sải đều...” [23, tr.54]. Dòng thác Chín Thoong chồm vào đầu thu mang vẻ đẹp xuân thì độ con gái: “Dòng chín Thoong nước đang kéo màu chàm... Những đàn cá ngựa bụng ăn ghét đá ăn bùn ở thác cuối vực Chín Thoong trắng như ai vãi trăm nghìn bông hoa lấp chìm xuống đáy thác. Nhìn những đàn cá đủ các cỡ to nhỏ, vừa giống như một bãi hoa lại vừa giống như trăm nghìn vì sao nhấp nháy giữa bầu trời xanh mênh mang...”[17, tr.18]. Mùa thu còn là mùa của những đàn chim ngói, chim cu gáy với những tiếng gáy ngọt báo hiệu một mùa no ấm của dân bản: “Chiều cuối thu nắng giọt như mật, làm sáng bừng lên những mái rừng, từng vách đá. Dưới đồng, dưới thung lũng, từng đàn chim ngói bay ngang trời tìm những đám lúa đỏ, bỏ nhào hàng nghìn, hàn vạn con xuống ăn” [17, tr. 37- 38]. Bao nhiêu loài chim rừng với những bộ lông đủ màu sắc cùng đua nhau cất tiếng hót đã làm sáng lên màu vàng của lúa, làm sáng lên những cánh rừng thu Việt Bắc. Một mùa no ấm đang bước vào bản mường.

Vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Bắc được thể hiện qua nhựa sống tràn trề của những thảm thực vật đồng rừng. Cảnh vật ở Mường Nà Lạn hiện lên thật trù phú, thanh bình, tràn đầy sức sống: “Đất xã Nà Lạn là đất màu tro đất mịn màng phì nhiêu như miếng thịt. Lúa Nà Lạn tốt ngập bờ. Ngô Nà Lạn quả to hai con ngựa khênh không nổi. Cây cối của núi rừng Nà Lạn tốt tươi bời bời. Hoa quả Nà Lạn có quanh năm. Nà Lạn lại có những vùng núi cỏ xanh tươi. Đàn trâu bò mường Nà Lạn thật đông đúc” [18, tr.51]. Những cánh đồng lúa chín vàng báo hiệu một mùa bội thu của bà con nông dân: “Những cánh nương lúa vàng ánh lên dưới ánh nắng chiều tà trông ngon lành như những bìa tổ ong đang ứ mật. Những đàn chim hoa màu sắc, hót riu rít, bay lượn trên những cánh nương lúa vàng như những tấm thổ cẩm biết bay...”[18, tr.31]. Đến Việt Bắc chúng ta không chỉ được ngắm hoa mạn, hoa đào mà còn có một loài hoa nữa cũng rất đặc trưng cho nơi đây. Đó là hoa mác bát. Hoa mác bát với hình dáng thật lạ mắt, với màu hoa trắng nõn nà không trộn lẫn với màu hoa khác đã được

nhà văn Vi Hồng miêu tả rất kỹ lưỡng: “*Mùa xuân đến, những cây mác bát tròn tán như những chiếc ô, nở hoa trắng muốt che tên hai bờ vực Chàm*” [12, tr. 190]; “*Cây mác bát xòe tán rộng, tròn xoe trắng muốt như một cái lọng khổng lồ của một công chúa trắng tinh nào đó từ thuở hồng hoang bỏ quên. Hoa mác bát trắng bong, trắng nõn nà*” [17, tr. 258]. Nếu hoa ban được coi là loài hoa biểu tượng của núi rừng Tây Bắc, vẻ đẹp của nó được ví như vẻ đẹp của người con gái vùng cao, giản dị và thuần khiết thì Việt Bắc loài hoa đặc trưng là hoa mạn, hoa đào và cả hoa mác bát.

Vẻ đẹp của núi rừng Việt Bắc còn hiện lên bởi sự phong phú đa dạng của thế giới động vật hoang dã. Đó là hình ảnh những đàn sóc đi kiếm ăn, những con chim trĩ béo mập, những con chim liêu diêu, những con cu nước... Đây là những con chim trĩ béo mập của rừng đại ngàn trong *Dòng sông nước mắt*: “*Rừng đại ngàn âm u, những con sóc nhảy rào rào như đàn chim truyền cành từ cây này sang cây khác, từ mái rừng này đến mái rừng khác để kiếm ăn. Những con chim trĩ béo mập, lông mượt như gấm vóc đã bay đi nơi khác*” [22, tr. 69]. Hình ảnh những con chim liêu diêu tranh nhau miếng mồi: “*Giữa các búi cây những đàn chim liêu diêu lăm mồm cãi nhau tao tác, chí chóc làm cho con thác thêm phần ồn ã. Những con cu nước to bằng cái chén tống ngực trần mịn, lưng mốt màu tro bay qua bay lại giữa thác để kiếm mồi.*” [18, tr. 148- 149].

Những trang viết về thiên nhiên của Vi Hồng thể hiện một tình yêu thiên nhiên tha thiết của người con sinh ra và lớn lên từ nơi đây. Đồng thời qua văn chương Vi Hồng muốn khơi dậy tình yêu thiên nhiên ở mỗi con người. Thiên nhiên đẹp như thế, trữ tình như thế, con người hãy bảo vệ, che chở, giao hòa với thiên nhiên, coi thiên nhiên là người bạn thân thiết của mình. Là bạn của thiên nhiên, con người sẽ được nếm trải những cảm giác sảng khoái, thư thái, mát mẻ của cái gió mang theo hơi nước mát lạnh từ những con suối vào mùa hè. Con người cũng sẽ thấy tâm trạng thật bình yên, tràn đầy sức sống khi về với rừng và ngắm nhìn màu xanh ngắt ngát bạt ngàn của núi non: “*Mùa hè rừng núi sao mà xanh đến lạ. Đứng trên đỉnh đèo nhìn xuống cả mái rừng,*

thiên hình vạn trạng với một màu xanh ngấn ngắt chập trùng như ông trời trải tấm lụa xanh khổng lồ ra phơi kín hết núi non” [14, tr. 188].

Miêu tả vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên Việt Bắc, của quê hương Cao Bằng, nhà văn Vi Hồng giống như một hướng dẫn viên du lịch đang chào mời du khách hãy đến với núi rừng Việt Bắc, hãy đến với quê hương Cao Bằng để chiêm ngưỡng vẻ đẹp “son thủy hữu tình”, để thưởng thức những món ăn dân dã nhưng cũng rất đặc trưng mà chỉ ở nơi đây mới có.

2.1.1.2. Thiên nhiên dữ dội, hùng vĩ

Do địa hình phức tạp bị cắt xẻ mạnh, nhiều đồi núi, độ dốc cao nên thiên nhiên Việt Bắc bên cạnh vẻ đẹp thơ mộng, hữu tình còn hùng vĩ, hoang sơ và dữ dội, khắc nghiệt.

Đọc văn Vi Hồng, nếu bạn đọc đã từng ngây ngất trước vẻ đẹp lung linh, kì ảo của thác nước Nặm Tốc Rù, sáng khoái trước màu nước trong vắt của thác nước sông Nặm Đáo thì đến với thác Trán Hồ và thác Voi Gầm ta lại thấy rừng mình trước những hình ảnh và âm thanh ghê rợn: *“Thác Gầm giống như tiếng voi gầm mỗi khi động đực...Thác Voi Gầm là cái thác nguy hiểm hơn cả, trong số 36 cái thác đáng kể của vùng núi Khau Moóc. Dưới chân thác là vực sâu đầy thuồng luồng có sừng vàng, có mỏ đỏ chỉ đợi mọi vật và con người rơi xuống là ăn thịt” [16, tr. 92].* Thác Thuồng Luồng, thác Ngựa Hí cũng khủng khiếp đúng như tên gọi của chúng: *“Thác Thuồng Luồng réo, sóng cuộn có màu đỏ như máu, đen như mực. Mảng qua thác Ngựa Hí réo như sấm vang sấm rền, tai điếc, mắt mờ, nước trắng như nghìn người mặc áo tang quần quai. Mảng lao xuống thác Ngựa Lồng, nước hồng bốn phía” [13, tr. 69- 70].* Và đây nữa, đầy linh khí là những cái vực *“rộng, sâu, nước xanh như những vại chàm khổng lồ, nước lặng như chết. Nhưng khi đến trán thác thì lòng sông thoát nghiêng, nước lồng lên dữ dội, cuộn cuộn như hàng nghìn hàng vạn con ngựa xông chuồng lâu ngày cuồng chân phi nước đại. Dòng thác cuốn đi tất cả, không có sức mạnh nào có thể cản được sức mạnh của nó. Nước réo ào ào, sóng dâng cuộn cuộn, chạy phăm phăm. Con thác lao đầu bạc xuống vực. Nước chân thác sủi ùng ục như một vạc cơm khổng lồ” [18, tr. 6].* Âm thanh của thác Ngựa

Hí, thác Năm Đáo, suối Thuồng Luồng khiến chúng ta nhớ đến âm thanh của thác nước sông Đà: “...Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại reo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gần mà chế nhạo. Thế rồi nó giống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng” [66, Tr. 187- 188]. Quả thật những âm thanh rộn người này luôn là những thách thức vô cùng khó khăn cho những ai đi qua nơi đây. Chỉ một chút khinh xuất, sơ xảy thôi là con người sẽ bị thác nước nuốt chửng.

Sự hoang sơ nguyên thủy của thiên nhiên Việt Bắc còn phải kể đến thảm thực vật đặc biệt với những loại cây gặp một lần là không thể nào quên như cây lá ngón, cây lá han, các loài rêu ma quý...Cùng với đó là các loài động vật hoang dã như chó sói, lợn lòi, hổ, gấu, trăn...Và khí hậu của Việt Bắc mùa đông với cái lạnh cắt da cắt thịt mà ai đã từng một lần nếm trải sẽ thật khó quên: “Gió mùa đông bắc miết qua những vách đá kêu như từ muôn trùng trời buông xuống trần gian một bản nhạc thê lương vô tận. Cái lạnh làm cho đá cũng nhăn nhúm... Dưới lòng suối, lòng sông cá không còn bơi lội! Trên rừng chim chóc ngừng bay, ngừng hát. Màu xanh lặn hết vào lá. Những mầm non tụt vào thân cây. Muông thú tụt vào những hang sâu. Con người tụt vào trong chăn” [14, tr.75]; Âm thanh của gió như muốn làm rung chuyển núi rừng: “Ngoài trời gió thổi ào ào. Gió núi từng đợt, từng trận lăn đi cuồn cuộn đập ào vào vách đá này, đánh âm vào vách đá kia, hú gọi ả gở đá nọ. Chẳng khác gì những đợt sóng đập vào cột đá này rồi lại va vào cột đá kia” [14, tr. 197]. Mùa đông đến còn là sương mù dày đặc: “Sáng sớm mùa đông trên đèo Hồ Vồ lạnh ngăn ngắt. Sương mù dày đặc, nói chuyện với nhau cách ba bước chân không nhìn rõ mặt. Có hôm đến chín mười giờ sương mù mới tan vào trời” [14, tr.188]. Quả thật, mùa đông ở miền núi thật đáng sợ. Nếu mùa hè gió thổi mang hơi nước từ những con suối, con thác khiến con người mang cảm giác sáng khoái, thư thái thì cái gió mùa đông lại là nỗi khiếp sợ với người dân nơi đây. Nào sương mù, gió rít, nào rét cắt da cắt thịt, không chỉ con người mà cả cảnh vật bao trùm bầu không khí ảm đạm.

Chính sự hùng vĩ, dữ dội của thác, của ghềnh, của vực, sự hoang dại của những thảm thực vật, của thế giới động vật hoang dã và sắc màu đặc trưng của khí hậu mỗi mùa đã làm cho bức tranh tự nhiên miền núi Việt Bắc thêm hoàn chỉnh, tạo nên sự cân bằng sinh thái cho môi trường sống của vạn vật dưới mái nhà chung của bà mẹ thiên nhiên.

2.1.2. Con người và tự nhiên trong mối quan hệ gắn bó, hòa hợp

Con người, xét về mặt tiến hóa có nguồn gốc từ tự nhiên, là sản phẩm của tự nhiên. Con người là một sinh vật có tổ chức cao nhất của vật chất bởi con người có thể chế tạo ra công cụ lao động để cải tạo tự nhiên bằng những hoạt động thực tiễn. Chính vì có nguồn gốc từ tự nhiên nên giữa tự nhiên và con người luôn có mối quan hệ tương giao gần gũi, gắn bó.

Nói tiếp mạch nguồn cảm hứng viết về thiên nhiên trong mối quan hệ gắn bó hòa hợp của văn học dân gian, văn học trung đại, đến văn học hiện đại các nhà văn dân tộc thiểu số cũng đã dành những trang viết tâm huyết của mình cho thế giới tự nhiên, một thế giới tự nhiên không chỉ là vũ trụ bao la đầy bí hiểm mà còn rất đỗi thân thuộc gần gũi và gắn bó với con người. Người dân miền núi sống nương tựa vào thiên nhiên, coi thiên nhiên là bầu bạn, và ngược lại thiên nhiên cũng chở che, nuôi dưỡng, ghi dấu tình cảm của con người.

Vi Hồng là người con sinh ra và lớn lên giữa núi rừng Việt Bắc nên trong tiểu thuyết của mình, nhà văn phản ánh mối quan hệ gắn bó hòa hợp giữa con người và tự nhiên rất đậm nét. Đọc tiểu thuyết Vi Hồng người đọc dễ nhận thấy thiên nhiên trong những trang văn của ông vừa là không gian sinh tồn vừa là bầu bạn của con người. Người dân miền núi sống trong không gian rừng núi nên mối quan hệ của họ với cây rừng rất mật thiết. Mối quan hệ gắn bó ấy thể hiện rõ nét qua tục trả cây trong tiểu thuyết *Đất Bằng*.

Tục này bắt nguồn từ câu chuyện về mối quan hệ của cây với loài người từ xa xưa: *“Ngày xưa, người và cây nói cùng một tiếng. Con người muốn bẻ cành cây ngang lối đi, đẵn cây làm nhà, phá cây làm nương...Cây than khóc xin người đừng giết! Hễ thấy người đeo dao vào rừng là cây cối khóc lóc, nước mắt rơi rào rào như mưa. Thương cây chân tay người mềm rũ, lưỡi dao không*

chặt vẫn tự cùn. Nhưng không chặt cây, con người cũng chết! Người van xin cây cho chặt cây làm nương rẫy. Người van xin thăm thiết, cây thương người bằng lòng cho người chặt. Nhưng cây bảo: “Chặt cây to - cho cây con” thế là thành phong tục từ đấy” [12, tr.143 - 144]. Câu chuyện về mối quan hệ giữa cây và người từ xa xưa được người già kể lại cho con cháu nghe, hay chính nhà văn Vi Hồng đang giúp chúng ta nhận ra sự cho - nhận, vay - trả giữa con người và thiên nhiên? Con người đã vay và nhận từ cây rừng rất nhiều: cây cho bóng mát, cho gỗ quý, cho mặt bằng làm nương rẫy, cho chặt cây to để phục vụ cuộc sống sinh hoạt thì con người cũng phải trả lại cây con để gây rừng. Trước những nỗi đau mà cây phải chịu “*giọt sương từ ngọn cây rơi xuống, khi ta chặt là nước mắt của cây*” thì con người phải bù lại sự mất mát ấy: “*Nhiều người có thói cứ chặt đổ một cây lại chặt một cành nhỏ của cây ấy cắm vào gốc hoặc giữa tim gốc nó và khấn khứa: Già Viên và già Xanh là người khấn to hơn cả: - Cây ơi, không phải ta giết mày. Cây chết ở đất này một lần để cây vào núi sống mãi mãi. Núi cao đất dốc cho cây sống, nơi đây đất bằng cho người sống cây à!*” [12, tr.142]. Lời khấn của Già Viên và Già Xanh giúp ta nhận ra trong tín ngưỡng của người dân tộc Tày, họ có mối quan hệ gắn bó thiêng liêng với cỏ cây. Tục “trả cây” là tư duy mang màu sắc tâm linh, lí giải sự gắn bó mật thiết giữa con người với tự nhiên, đồng thời đây cũng chính là hành động giàu tính nhân văn: tái tạo môi trường tự nhiên để nó có khả năng đồng hành cùng con người trong quá trình sinh tồn và phát triển. Đề cập đến câu chuyện này, nhà văn Vi Hồng muốn khơi dậy phong tục tốt đẹp của cha ông để mọi người trong xã hội ngày nay hãy đối xử có văn hóa với rừng. Nhà văn muốn nhắc nhở, giáo dục con người nhận thức được vai trò và tác dụng của rừng trong đời sống hiện nay, khi mà những khu rừng đầu nguồn, những khu rừng nguyên sinh đang bị bàn tay của con người tàn phá.

Đến nay tục *trả cây, chặt cây to cho cây nhỏ* vẫn mang tính thời đại. Ngày Môi trường thế giới và Năm Quốc tế về rừng 5/6/2011 mọi người đã tuyên truyền khẩu hiệu bảo vệ môi trường, trong đó có một số khẩu hiệu mang nội dung nhân văn giống như tục trả cây trong tiểu thuyết của Vi Hồng - tác

phẩm ra đời từ những năm 80 của thế kỉ trước: “*Trước khi chặt một cây, hãy trồng một rừng cây*”; “*Trồng thêm một cây xanh là thêm một hành động vì môi trường*”... Phải chăng, chính tục trả cây của đồng bào dân tộc Tày đã góp phần không nhỏ vào thành công của các dự án Quốc gia: dự án 147, 327, 661 - mang lại màu xanh cho đất nước.

Trong không gian trú ngụ ở rừng, niềm vui của đồng bào miền núi hiện lên thật rõ nét. Đó là không gian hòa hợp giữa cuộc sống sinh hoạt của con người và tự nhiên như cuộc sống của bà cháu Nọi Lai (*Đi tìm giàu sang*), cuộc sống của người dân ở bản trên vực Vàng Nám (*Dòng sông nước mắt*),... Đọc những trang tiểu thuyết ta bắt gặp những nếp sinh hoạt thường ngày diễn ra trong tâm trạng hớn hở của con trẻ với những trò chơi dân gian bên sườn núi, niềm vui của tuổi già khi được ngồi cùng nhau nghỉ ngơi dưới những gốc cây cổ thụ rợp bóng mát.

Trong tiểu thuyết *Đi tìm giàu sang*, người đọc hẳn không quên hình ảnh bà cháu Nọi Lai, dù sống “*trong một túp lều lụp xụp*” nhưng cả hai bà cháu lại cảm thấy rất vui vẻ, mãn nguyện về cuộc sống đó vì: “*Xung quanh lều có khá nhiều cây ăn quả. Mỗi thứ quả có dăm bảy chục cây... Hương thơm cứ ngào ngào ngạt ngạt ngát lên chặt quanh túp lều rách nát. Trước cửa nhà, dưới cửa thung lũng có cái ao khá rộng. Ao có nhiều cá... Một bãi đất rộng về phía trong rừng là nương ngô của hai bà cháu dả mải Nọi Lai*” [25, tr.5, 6]. Không gian sinh hoạt của hai bà cháu được bao bọc bởi mùi hương của thiên nhiên đất trời. Tháng chạp có hương hoa quýt, hoa cam. Mùa xuân có hương của rừng đại ngàn. Mùa thu và mùa hè rủ nhiều màu quả cùng sắc hương chín mọng. Chính vì thế mà cây trái của nhà bà mùa nào cũng sai hoa trĩu quả: “*Mỗi năm hai mùa ngô xanh tốt. Bầu bí leo quanh bờ nương tốt bời bời. Các loại đậu xanh, đậu tương mọc xen kẽ giữa đám ngô, ven nương ngô cũng đều tốt tươi, sai quả, mấy hạt một cách lạ thường*” [25, tr.6]. Rõ ràng, cuộc sống của đồng bào miền núi dù còn bao khó khăn, vất vả nhưng họ vẫn cảm thấy thật đầy đủ, no ấm bởi họ biết dựa vào thiên nhiên, họ sống chan hòa với thiên nhiên và tìm thấy niềm vui trong sự gắn bó giao hòa giữa con người và thiên nhiên.

Đọc tiểu thuyết *Dòng sông nước mắt* ta lại được chứng kiến cuộc sống thật thanh bình của đồng bào dân tộc miền núi dưới bóng cây tin pết già cổ thụ. Dường như những bon chen, náo nhiệt xô bồ của cuộc sống đều dừng lại trước cửa của không gian rừng núi - nơi trú ngụ của người dân ở bản: “*những người chẵn trâu từ các thung lũng sâu lùa trâu ra ăn cỏ, người thì nghỉ mát dưới những gốc cây tin pết. Chiều chiều dưới gốc cây tin pết cổ thụ lại diễn ra cái nếp sinh hoạt của những người đi chẵn trâu. Có người tóc vừa chớm bạc thì nhờ những đứa trẻ nhỏ tóc trắng, tóc sâu. Lũ trẻ hồn nhiên vô tư thì đánh ô ăn quan, chơi trò ba ba ấp trứng, trò mụ quý cướp gậy thiêng*” [22, tr 17].

Không chỉ là không gian sinh sống, là nơi trú ngụ của đồng bào miền núi, rừng còn là nơi cung cấp lương thực, thực phẩm nuôi sống con người. Từ xưa đến nay, sự sinh tồn của con người không thể tách rời khỏi tự nhiên. Sự hòa hợp giữa con người và tự nhiên là yếu tố cơ bản cho sự sinh tồn của loài người. Có nhà nghiên cứu đã khẳng định: “*Con người là sản vật của tự nhiên, cũng là một phần của tự nhiên, mà sự sinh tồn và phát triển của con người là lấy các điều kiện vật chất do tự nhiên cung cấp*” [44]. Vì thế, học cách sống hài hòa, gắn bó với tự nhiên thì tự nhiên sẽ ban tặng của cải mà nó vốn sẵn có. Sống chung với suối, với rừng, người dân Việt Bắc thường có thói quen lên rừng kiếm rau, kiếm măng, đào củ rồi lại xuống suối mò tôm mò tép. Những món ăn họ được ban tặng từ Mẹ thiên nhiên thật lạ, hấp dẫn và độc đáo.

Trong tiểu thuyết *Lòng dạ đàn bà*, cuộc sống thiếu thốn của ba bà cháu Linh Thanh Mương và Linh Thị Thang Nà đã bớt đi nhiều phần khôn khó nhờ sự nương tựa vào thiên nhiên. Họ mò ốc, mò bóng, vớt rêu lần hồi sống qua ngày. Món rêu xào trở thành đặc sản bởi hương thơm và mùi vị rất đặc trưng: “*hơi dai, sần sật, giòn ngọt trong vị nồng thơm của của rượu, vị cay của gừng*” [19, tr. 63].

Đọc *Đọa đày* ta lại được biết đến một món ăn thơm ngon, bổ dưỡng của vùng Nậm Khao là bánh trứng kiến. Món ngon này thường có vào thời gian tháng ba mà nguyên liệu chính để chế biến nó là các ổ trứng kiến ở tận sâu trong rừng. Để làm được món bánh này người dân phải đi tìm những cái tổ

trứng kiến to bằng quả bưởi hay bằng cái giá con nằm ở trên những ngọn cây cao đem về làm nhân bánh tạo nên một hương vị cực kì đặc trưng. Tết thanh minh đối với người dân Việt Bắc không thể không có bánh trứng kiến. Hương vị của bánh như đem cả hương hoa mùa xuân của núi rừng Việt Bắc trộn vào trong đó: *“Người ta lấy trứng “Xáy rày” về nhà, sàng sảy cho thật sạch, đem xào với những gia vị cũng rất đặc trưng của miền núi như củ kiệu, củ khinh phía (gừng núi đá). Người ta trải những lá vỏ non to và dày phết lên một lớp bột nếp, dày mỏng tùy ý rồi mới rải một lớp “xáy rày” lên trên. Sau đó lại tãi một lớp bột nếp phủ lên trên, rồi lại áp một lần lá vỏ non. Đem tất cả vào trong chảo mà đồ. Hơi chảo phì ra thơm lừng, ngọt bùi lên chặt cả nhà. Thế là người ta biết bánh “xáy rày” bánh trứng kiến đã chín - Mùa tháng ba thơm ngon”* đã về [28, tr. 40-41]. Loại bánh mang đặc trưng núi rừng này ngon đến nỗi, nếu ai đã có dịp ăn một miếng *“thì mới thấy rằng ở cõi đời còn một món ăn ngon lành và ngọt bùi đến như thế mà mình chưa biết”* [28, tr. 39]. Vị của nó vô cùng đặc biệt, khó quên như hương vị của mối tình đầu: *“Cái vị trứng kiến vừa thơm một mùi thơm đặc biệt, ngọt một vị ngọt lạ lùng và đê mê, lại có cả vị bùi cũng rất lạ.. Năm mùi bảy vị thơm bùi ngọt lành rất lạ, rất hiếm thấy thấm vào đầu lưỡi, thấm vào máu làm người ăn thấy sáng khoái đến đê mê chẳng khác gì cái vị ngọt ngào lạ lẫm của tình yêu đối với tuổi trẻ lần đầu được nếm trái”* [28, tr.39].

Một món ngon nữa đồng bào miền núi được hưởng thụ từ rừng. Đó là món “nàng tó” (ong non sắp mọc cánh mọc chân). Người dân nơi đây cho rằng con tó hồng là một món ăn quý giá hơn tất cả mọi loại thức ăn trên đời này. Dùng tó hồng để làm món xôi “nàng tó” thì ngon nhất: *“Nếu ai đã ăn một lần thì chắc sẽ nằm mơ thấy mùi vị thơm bùi, ngon ngọt dâng lên mãi đầu lưỡi đến vài tháng sau. Thật là một món ăn có ba mùi, bảy vị”* [28, tr. 270].

Rõ ràng, ngoài nguồn lương thực, thực phẩm do bàn tay con người lao động làm ra thì nguồn thức ăn từ rừng, từ tự nhiên hoang dã rất quan trọng đối với đời sống của đồng bào Việt Bắc. Nếu con người chặt cây, đốt rừng làm cho sông suối trở nên cạn kiệt nước thì nguồn sống tự nhiên ấy đâu còn nữa? Nhận

thấy vai trò lớn lao của tự nhiên nên con người có ý thức giữ gìn môi trường tự nhiên, trong đó có rừng.

Mùa hoa bióc loóng phản ánh ý thức phủ xanh đất trống đồi trọc của người dân ở mường Khoang Đông. Màu xanh của rừng cùng âm thanh sôi động của chim chóc, hươu nai đã hồi sinh cuộc sống của người dân nơi đây: “Hơn chục năm nay ở mường Khoang Đông này đã có phong trào trồng rừng, tạo vườn hoa quả. Bởi nếu không làm thế thì chỉ có núi trọc: núi trơ đất, hoặc chỉ là những núi cỏ may. Đến cỏ gianh còn không mọc được nữa là cây cối. Từng vạt cây, từng cây có từng nhà chăm nom, bảo quản. Cho nên rừng cây mới tươi tốt, xanh mơn mớn, xanh đậm lan tràn khắp núi rừng của mường Khoang Đông. Chim chóc kéo về trăm loài bay rợp trời, hót đầy khắp thung lũng. Các cụ già sáu bảy mươi lại nghe được tiếng nai gõ, tiếng hươu động đực. Niềm vui lớn lên trong trái tim tưởng như đã khô héo của các già. Các già bảo, các già được hồi sinh cùng rừng cây” [29, tr.118]. Hình ảnh cây cối đâm chồi, nảy lộc, chim chóc bay rợp trời thể hiện niềm vui sướng của người dân mường Khoang Đông khi cuộc sống của bản mường nơi đây được màu xanh của rừng bao phủ. Phải chăng đó cũng là niềm mong ước của nhà văn Vi Hồng về quê hương miền núi không còn hiện tượng đất trống đồi núi trọc đã từng gây bao thảm cảnh cho người dân.

Ý thức giữ gìn môi trường tự nhiên còn thể hiện qua sự trăn trở trong suy nghĩ của Hoan khi anh tìm mọi cách để bảo vệ rừng, không cho người dân khai thác bừa bãi: *“Anh đang bận tâm nghĩ cách giữ gìn bảo vệ khu rừng núi Mây. Hôm nay anh phải thuyết trình làm sao để ông chủ tịch thấy được nguồn lợi to lớn của khu rừng này và sẽ duyệt ngân sách chi cho một tiểu đoàn quân đội, hoặc một tiểu đoàn kiểm lâm bảo vệ... Vừa đi anh vừa suy nghĩ về những câu mà đồng chí chủ tịch tỉnh đã nói với anh... Tại sao chúng ta không nghĩ tới việc dựa vào dân nhỉ?... phải làm sao để nhân dân ở đây tự bảo vệ rừng. Nhưng những người họ Hoàng ấy liệu có tự giác bảo vệ rừng không? Những cây gỗ lát, nghiến, lim, to cỡ người ôm cứ đổ xuống. Những bè gỗ quý theo dòng Nậm Đáo giữa đêm tối ra huyện lỵ, đến thị xã, rồi bay đến tận đồng*

bằng” [14, tr.25]. Hàng loạt câu hỏi cứ vang lên trong đầu Hoan. Anh đã nhận thấy việc bảo vệ rừng không thuộc về một cá nhân nào cả mà việc đó là của tập thể, của bản mường. Chỉ khi dân bản gìn giữ và bảo vệ rừng thì họ mới thấy được nguồn lợi to lớn từ rừng mang lại. Muốn làm được điều đó phải anh phải suy nghĩ tìm cách tuyên truyền để người dân có ý thức tự giác bảo vệ rừng.

Hẳn người đọc cũng không thể quên buổi lễ thề nguyện dưới trăng của thanh niên Nậm Đáo về một vùng đất bốn mùa tốt tươi: *“Chúng tôi xin thề mọi người có được tinh thần mềm dịu mát mẻ như đất. Chúng tôi sẽ làm cho núi thành rừng già, nắng to không thể lọt qua kẽ lá. Chúng tôi sẽ làm cho núi đất bốn mùa đầy cỏ tươi cho trâu bò đông đúc thừa ăn. Trâu bò sẽ rậm rạp khắp núi như sấm trời, như động đất. Chúng tôi mãi mãi làm cho đất sinh sôi nảy nở”* [14, tr. 59]. Hay lời giải thích của Đáp với dân bản về khu rừng Đin Phiêng: *“Cây rừng, của rừng không phải vô tận, bây giờ phải tiết kiệm, dè xén. Mai kia còn phải trông rừng, sửa rừng, phải trông, phải giữ từ cây ổi, cây khế, cây trám”* [12, tr.199]. Nhiều câu khẳng định kết hợp điệp ngữ *“Chúng tôi xin thề”, “Chúng tôi sẽ”, “Chúng tôi mãi”* thể hiện sự quyết tâm đồng lòng của thanh niên vùng Nậm Đáo sẽ làm cho cây rừng mãi xanh tươi tốt, cho các loài động vật sinh sôi nảy nở. Đó là ý thức của một lớp thanh niên không chỉ có trách nhiệm về cuộc sống của mình mà còn có trách nhiệm với môi trường sống của bản mường.

Cảnh bắt cá tập thể trong tiểu thuyết của Vi Hồng được miêu tả như một ngày hội lớn của cộng đồng. Người ta bắt cá để phục vụ cho cuộc sống, đó là điều cần thiết nhưng những ứng xử của con người với tự nhiên ở đây vẫn tràn đầy tinh thần nhân văn. Trong *Chồng thật vợ giả*, ta được biết thêm những điều kì lạ. Đó là những ngày dở trời, cá ở thác Nậm Đáo mở hội: *“Vực sâu mười mét, những nơi gần bờ cũng vài ba mét. Vực nhiều cá to. Những ngày dở trời, động mây gió những con cá Pộc, cá nam té nổi lên mở hội kín mặt sông. Mặt vực rộng trăm mét, hàng vạn hàng triệu con cá màu sắc con chục cân, con dăm cân như đùa rờn đớp lấy bọt nước... Những ngày cá mở hội dân bản ra xem khá*

đông. Những ngày đó người ta không đánh cá trên cái vực sâu này. Người ta không đánh vì không nở phá cuộc vui hội hè của loài cá” [24, tr. 215]. Cuộc hoan ca của tự nhiên cũng trở thành niềm vui chung của con người và trong những ngày vui ấy, chẳng có ai nghĩ đến chuyện bắt cá dù biết rằng đó là thời điểm thuận lợi nhất cho việc thu lợi từ nguồn cá tự nhiên

Ta cũng bắt gặp mối quan hệ gắn bó hòa hợp giữa con người và tự nhiên trong những sáng tác của Ma Trường Nguyên, Cao Duy Sơn... Tiểu thuyết *Đàn Trời* của Cao Duy Sơn mang đậm vẻ đẹp của làng bản miền núi trong không gian thiên nhiên tươi đẹp. Những ngôi nhà của người dân nơi đây luôn gắn bó với thiên nhiên rừng núi: “*Phía lưng đồi trước mặt có ánh lửa lập lòe. Ngôi nhà gỗ mái thấp quen thuộc hiện ra trước mặt...Người Dao Tiên Phja Deng không làm nhà sàn theo kiểu nối dài thành chòm xóm như các tộc khác. Mỗi hộ độc lập với một khu rừng. Nhà nọ cách nhà kia vài trăm mét, có khi gần cây số*” [54, Tr. 142]. Cuộc sống của họ còn gắn liền với những món ăn dân dã, chỉ có ở đồng rừng: “*Thứ rau đặc sản này chỉ một lúc nữa là hết veo. Thân lá xanh non, tay rau quăn tít, xào với thịt bò bao nhiêu vị ngon của thịt. Loại rau này có tác dụng bổ thận, tráng dương, ăn một lần nhớ mãi*” [54, Tr. 323]. Vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương làng bản, của những món ăn dân dã đã khiến những người con xa quê luôn muốn tìm về với đất mẹ yêu thương. Câu nói của nhân vật Thức đã thổ lộ điều này: “*Tôi yêu mảnh đất này với tình yêu của con với cha mẹ* [54, Tr. 132]. Vẻ đẹp ấy còn được cảm nhận qua mùi khói bếp: “*Đâu đó thoảng về mùi khói rom nếp ai đốt, cái mùi từ lâu lắm giờ mới được gặp lại, nó gợi nhớ và ám áp vô cùng*” [54, Tr. 140]. Thiên nhiên cũng là nơi con người muốn trở về để tìm sự bình yên, thanh thản trong tâm hồn trước những xô bồ của cuộc sống: “*Nhìn dòng suối trong vắt bắt nguồn từ khe núi chảy qua dưới chân nhà sàn, Tuệ đưa mắt nhìn về phía xa trong ánh chiều tà, những ngôi nhà tranh cột gỗ đứng chênh vênh trên triền non cao như bàn tay ai che mắt đang dõi theo những cánh chim bay về núi. Cảnh vật thanh bình làm nổi lo trong lòng vui đi bội phần*” [54, Tr. 81].

Độc tiểu thuyết của Ma Trường Nguyên người đọc cũng nhận ra bức tranh thiên nhiên miền núi không chỉ đẹp thơ mộng mà nó còn có mối liên hệ gắn bó, hòa quyện với cuộc sống của con người. Nàng Trăng Hai Đèng trong *Trăng yêu* hiện lên như một sinh thể có hồn trong tâm thức của người dân miền núi. Trước vẻ đẹp hiền dịu, thanh cao của Nàng, người người đều thành kính và thấy mình trở nên thánh thiện, trong lòng dâng tràn cảm xúc mãnh liệt của tình yêu con người, tình yêu cuộc sống: “*Nàng Hai Đèng ngay trước mặt đây, đang gần mà cách bức xa xôi làm sao anh nói chuyện trực tiếp được mọi người đều thành kính, hỏi lòng hỏi dạ khi nàng nói chuyện theo bài bản sẵn nhưng vẫn ngỡ đây là xuất phát từ lòng nàng Trăng sáng láng. Mỗi lời nói của nàng là những nguồn ánh sáng lung linh tỏa rộng sâu xa đến mở cõi lòng xuân của con người trần tục... Con người như được chấp cánh bay bổng đến miền huyền ảo, kì lạ tràn trề ánh sáng diệu kì*” [42, Tr.89]. Quả thật, sự gắn bó yêu thương giữa con người và thiên nhiên trong tiểu thuyết của Ma Trường Nguyên thể hiện ngay ở nhan đề tác phẩm: *Trăng yêu*. Sao xa xôi mà lại thật gần gũi! Mãi lặng im mà như nói bao điều. Cứ lặng lẽ tỏa sáng, cứ để trần gian ngắm nhìn và ước mơ. Đó là trăng. Trăng thật đáng yêu. Trăng như một sinh thể có hồn hiểu bao điều con người muốn nói. Bởi thế mà: “*Được nói, được nghe được đứng gần nàng, người người thấy mình như lớn lên cao thượng, lòng tự dung đội ngân cảm xúc dạt dào, mãnh liệt tình người, tình đời, cả khí chất của mùa xuân lâng lâng đến ngát ngây*” [42,Tr. 89]. Sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên còn thể hiện trong không gian đêm trăng huyền ảo của mối tình giữa Gấm với nàng Trăng Hai Đèng: “*Một hôm Lan Thao dẫn Cốc đến thăm thác suối Nậm ún đổ từ trên lưng chừng núi xuống ào ào như một dải lụa trắng... Cốc ngắm người con gái miền rừng. Lòng anh bỗng ngát ngây như đứng trước một nàng tiên nữ. Anh ngỡ lạc đến đầu nguồn con suối tiên... Lan Thao cúi xuống dòng suối rửa mặt cho mát mẻ. Cô bỗng nhìn thấy khuôn mặt Cốc đang cúi xuống nhìn mình đắm đuối in dưới dòng suối trong long lanh lấp lánh*” [42,Tr.168-172]. Thiên nhiên hiện lên thật đẹp, thật nên thơ. Chính không gian thơ mộng và lãng mạn ấy đã chứng minh cho tình yêu đôi lứa.

Thiên nhiên trong *Phượng hoàng núi*, còn là nơi lưu giữ những truyền thuyết, hồi thờ lịch sử từ ngàn đời và trên hết là con người nơi đây đã sinh ra và lớn lên qua các huyền thoại kì ảo thâm đẫm trong tâm hồn: “*Mường Phượng Hoàng được tương truyền là quê hương bách điểu. Ngọn núi đã chặn giữ ngoài cửa mường. Còn bên trong là cả vùng đất thung lũng rộng lớn có dãy núi nối liền nhau bao bọc. Đất đai màu mỡ, cây cối bạt ngàn. Có nhiều quả rừng bốn mùa sai chính để nuôi sống các loài chim chóc. Lâm Quảng, một chàng trai của núi rừng. Từ nhỏ anh đã được nghe các già bản kể lại. Anh lớn lên trong nỗi lâng lâng, pháp phông, kì thú và kiêu hãnh qua các huyền thoại kì ảo thâm đẫm trong tâm hồn như gió núi hương rừng* [43, Tr.1]. Thiên nhiên ấy không chỉ là chứng tích về tình yêu chung thủy, về lòng hận thù giữa dòng họ Ma và dòng họ Lâm, mà đặc biệt thiên nhiên chính là nơi xóa bỏ hận thù khi đất nước nguy nan.

Như vậy cùng với các nhà văn dân tộc thiểu số khác, Vi Hồng rất quan tâm đến mối quan hệ gắn bó giữa thiên nhiên và con người. Việc phản ánh mối quan hệ này giúp chúng ta thêm yêu thiên nhiên vì nhận rõ thiên nhiên là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Tuy nhiên, so với các nhà văn khác, Vi Hồng là người có nhiều trăn trở qua từng trang viết: Phải làm sao để giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên, làm thế nào để người dân tự giác bảo vệ thiên nhiên - bảo vệ ngôi nhà chung của muôn loài? Ý thức phủ xanh đất trồng đồi trọc của người dân ở mường Khoang Đông hay lời giải thích của Đáp trong *Đất bằng* chính là lòng mong mỏi của nhà văn về một môi trường sinh thái có sự hòa hợp gắn bó giữa con người và tự nhiên.

2.1.3. Xung đột giữa con người và tự nhiên

Nếu trong quá khứ con người sống phần lớn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên thì trong quá trình sản xuất thông qua lao động, con người lại biến đổi tự nhiên, cải tạo tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ cho nhu cầu hàng ngày của mình. Trong hoạt động cải tạo ấy con người giữ vị trí quyết định trong hệ thống “tự nhiên - con người - xã hội”. Con người tác động đến tự nhiên thế nào thì tự nhiên

sẽ đối xử với con người như thế ấy. Con người và tự nhiên hòa hợp hay đối lập là do chính con người quyết định.

Khảo sát dung lượng trang viết về tự nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng, chúng tôi nhận thấy những trang viết về vẻ đẹp tự nhiên của núi rừng Việt Bắc, sự hoà hợp giữa con người và tự nhiên chiếm phần lớn hơn so với những trang viết về sự xung đột giữa con người và tự nhiên. Tuy nhiên, những trang viết về xung đột giữa con người và tự nhiên vẫn tạo được những ấn tượng khá đậm với người đọc.

Cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân miền núi gắn chặt với núi rừng nhưng do sự thiếu hiểu biết và vì cái lợi trước mắt mà con người đã quên dần đi lối sống tình nghĩa, quên đi sự giao hòa với thiên nhiên. Họ khai thác triệt để thiên nhiên để phục vụ cuộc sống. Đây là những trang văn viết về cảnh rừng bị tàn phá ở rừng vùng Nậm Đáo trên Núi Mây thuộc họ Hoàng. Mặc dù đã có lệnh cấm không được khai thác các loại gỗ quý nhưng người dân nơi đây vẫn khai thác gỗ lậu để bán với giá đắt và số khác thì không ngần ngại lấy gỗ quý về đun: *“Rừng Núi Mây ngút ngàn từ mấy trăm năm đến nay không thiếu một loại gỗ quý nào cả. Những người sống trong núi thường lấy gỗ quý đem đun. Nhất là mùa đông tất cả mọi cái bếp không bao giờ thiếu củ lim, lát, nghiến, táu, sến... Những thứ gỗ sau khi cháy còn để lại than đỏ cho tới hôm sau. Than củi những thứ gỗ ấy cũng nóng gấp hai lần than gỗ thường, nóng gấp bốn lần những thứ gỗ mọc nơi đất núi. Mấy mươi cái bếp ở núi Mây qua một mùa đông đốt không biết bao nhiêu củi quý”* [14, tr. 73]. Có lẽ khi viết đến đây, nhà văn không khỏi đau đớn, xót xa khi các loại gỗ quý: *lim, lát, nghiến, táu, sến...* trong khu rừng có tuổi đời mấy trăm năm bị tàn phá. Trong các loại gỗ này, có loại được xếp vào nhóm II trong bách khoa tri thức. Đó là nhóm *thiết mộc* hay *tứ thiết*: gồm 4 loại gỗ rất cứng, ví như sắt thép: *đinh, lim, sến, táu*. Các loại gỗ này không một loại một một nào có thể phá hoại được, tuổi thọ của chúng tới hàng trăm năm thậm chí hàng nghìn năm. Quý là thế, nhưng do sự thiếu hiểu biết nên người dân nơi đây chưa biết cách khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên quý hiếm này một cách hợp lí. Việc chặt các loại cây gỗ quý

dùng làm củi đun gây không chỉ gây ra sự lãng phí trong sinh hoạt mà còn làm mất đi sự cân bằng sinh thái.

Do cuộc sống nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí thấp kém nên việc du canh du cư của đồng bào miền núi cũng gây ra mối xung đột giữa con người và tự nhiên. Cuộc sống chưa ổn định đồng nghĩa với việc người dân chưa có nghề nghiệp phù hợp để tạo ra của cải vật chất, từ đó ắt dẫn tới việc đồng bào miền núi nay đây mai đó, phá rừng làm rẫy để phục vụ lợi ích trước mắt. Và khi vẫn còn có thể dựa vào tự nhiên mà tồn tại thì họ không nghĩ tới việc phải định cư lâu dài. Để có những bãi nương phục vụ cho cuộc sống, người dân phải phá rừng. Đàng (*Vãi Đàng*) ngày ngày đi phát nương làm rẫy: *“cúi mặt vào gốc cây, cắm mắt vào lưỡi rìu, đi phát nương... Một sườn núi âm u, bóng cả, cây già, những cành cây giao nhau, những nhánh cây ken đan vào nhau, lá xếp lên thành trăm lớp nghìn tầng, mưa không tới nắng không lọt đến đất, thế nhưng dưới lưỡi rìu của cô gái Đàng, cả một vạt cây, một mái rừng đều nằm bẹp dí, những thân cây cổ thụ lúi lũi, san sát, tất cả đã quay ngọn xuống lòng khe”* [13, tr. 28]. Âm thanh chặt cây, âm thanh của những con người lao động đã đánh thức cả khu rừng *“Tiếng búa, tiếng rìu chan chát, đôm đốp. Rừng đại ngàn sôi réo như một cái thác lớn. Một loạt cây đến lượt chặt sắp đổ... Cả khu rừng Đin Phiêng rung lên, ánh nắng vỡ vụn từng mảnh. Tiếng cây đổ kéo dài cuộn cuộn đập vào vách đá, dội xuống mặt đất đánh thức rừng Đin Phiêng”* [12, tr. 143]. Hình ảnh mái rừng bẹp dí, những thân cây cổ thụ bị hạ gục khiến người đọc liên tưởng đến hình ảnh rừng xà nu trước họng súng của kẻ thù: *“Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và xẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”* [56, tr.38]. Nếu rừng xà nu bị kẻ thù hủy diệt thì ở đây cây rừng lại bị chính người dân tàn phá. Và còn

đây nữa, hình ảnh bản mường ở Lục Phủ điêu tàn, thê lương, đất đỏ trơ ra khi con người ra sức tàn phá rừng: *“Chưa đầy mười năm mà bản mường điêu tàn, cảnh tình thê lương. Cây rừng khóc hết nước mắt trong thân mình van xin con người đừng chặt đùng giết nó, nhưng con người vẫn cứ giết sạch cây cho kỳ sạch núi non. Đến khi mọi đồi núi chỉ còn đất đỏ trơ ra thì họ lại giao cho từng nhà trồng cây! Trồng bao nhiêu năm nữa mới bằng cái đã phá! Cho nên người ở mường này thấy rất rõ: phá một năm phải làm bù hai mươi năm!”* [17, tr.10].

Trước những cánh rừng bị tàn phá, chắc hẳn người con của quê hương núi rừng Việt Bắc rất đau đớn. Đau đớn vì sự thiếu hiểu biết của đồng bào miền núi. Đau đớn vì lối sống du canh du cư chỉ biết phá, biết phát mà không biết trồng cây gây rừng. Viết những trang văn này, nhà văn Vi Hồng muốn mọi người hiểu rằng cây rừng không vô tận. Việc khai thác rừng, làm nương phải đi đôi với tái tạo, trồng rừng và bảo vệ, tránh tình trạng đất trồng đồi núi sẽ gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống của con người.

Trong các sáng tác của Triều Ân, Cao Duy Sơn, Ma Trường Nguyên,... ta cũng bắt gặp mối quan hệ xung đột giữa con người với tự nhiên. Sáng tác của nhà văn Cao Duy Sơn tràn ngập cảnh sắc thiên nhiên núi rừng cùng với hình ảnh những người dân miền núi nơi quê hương Cao Bằng yêu dấu. Tiểu thuyết *Đàn trời* (Cao Duy Sơn) được xây dựng trên khung cảnh của vùng miền núi, cuộc sống của người dân nơi đây gắn liền với những ngôi nhà sàn được cất dựng từ thiên nhiên núi rừng. Họ sống trong không gian trong lành, thơ mộng: *“Nhìn dòng suối trong vắt bắt nguồn từ khe núi chảy qua dưới chân nhà sàn, Tuệ đưa mắt nhìn về phía xa, trong ánh nắng chiều tà những ngôi nhà tranh cột gỗ đứng chênh vênh trên triền non cao như bàn tay ai che mát đang theo dõi những cánh chim bay về núi”* [54, Tr. 81]. Nhưng sự xuất hiện của văn minh đô thị đã làm thay đổi bộ mặt truyền thống của quê hương. Trên những vùng đồi núi được san lấp, vẻ đẹp của tự nhiên núi rừng, cỏ cây hoa lá cùng những ngôi nhà sàn quen thuộc không còn nữa mà thay vào đó là phố thị sầm uất: *“...phố Mới, một khu phố vừa được mở cách đây bốn năm...những ngôi nhà năm ba tầng sơn màu cà phê sữa, một thứ sơn không thấm nước là còn*

mới...Những biển quảng cáo, nhà hàng để dưới đất, treo cành cây, có tấm dựa vào tường một cách lười nhác với đủ màu sắc, kiểu chữ với những cái tên giải khát, karaoke, lẩu dê, mát xa, thịt thú rừng...khiến cho phố Mới mang vẻ bức đồng của thời kinh tế mở” [54, Tr 70 - 71]. Nếu trước kia con người sống trong môi trường tự nhiên hoang sơ với bốn bề núi dựng, được ngập lặn trong những dòng sông Dâng, sông Bồi và sông Cun bao bọc ba mặt cùng với những ngôi nhà sàn quen thuộc họ vẫn còn mang vẻ đẹp chân chất, nguyên sơ thì “Chục năm trở lại đây thị xã Bình Lãng đã khác xưa nhiều lắm! Đáng vẻ vùng đất giáp biên thâm u cách đây nửa thế kỷ đã lui vào dĩ vãng. Nhà cửa cao tầng mọc nhiều như măng vầu tháng ba. Hàng hóa đủ loại xếp từ trong nhà ra tận mặt đường” [54, Tr 383]. Giờ đây họ sống trong những ngôi nhà bê tông cốt thép kiên cố cùng cái ồn ào, xô bồ của phố thị đã khiến họ trở nên xấu xa với những thủ đoạn lừa đảo, chiếm đoạt, bất chấp luân thường đạo lý.

Có thể thấy, ý thức sinh thái trong tiểu thuyết Cao Duy Sơn đã khá rõ nét. Khi con người càng rời xa những giá trị truyền thống của quê hương thì họ càng đánh mất dần bản tính lương thiện trong tâm hồn của mình: “...thời ấy cũng thuộc về lịch sử lâu rồi, cái thửa áo chàm, cơm lam Việt Bắc chỉ còn lưu lại trong kí ức thương nhớ của một thế hệ đã qua. Đẹp và xúc động nhưng chẳng để làm gì. Hết như chiếc nón Tày bây giờ người ta mua về và treo lên tường làm đồ trang trí trong ngôi nhà sang trọng mà thôi. Đôi khi tớ cũng có cảm giác như cậu bây giờ, cứ nghĩ chúng mình những đứa con trai, con gái Tày cùng được sinh ra trên rừng núi, thấy mỗi ngày cái chất tốt đẹp của dân tộc mình lại bị hóa đi một chút, lòng trung thực bị lợi dụng cứ méo dần mà lòng xót xa” [54, Tr 61]. Dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường, sự chi phối của đồng tiền cùng những mưu mô, thủ đoạn trong cuộc sống sẽ làm cho con người trở nên mệt mỏi, chán nản khiến họ muốn quay trở về rừng núi, làng bản. Nơi có bạt ngàn màu xanh của rừng, của ruộng nương sẽ tiếp sức cho con người đi qua những khó khăn, trở ngại trên đường đời.

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng, sự xung đột giữa con người với tự nhiên còn được thể hiện ở mâu thuẫn giữa nhu cầu muốn mở rộng địa bàn sinh sống của con người với quyền sống của giới tự nhiên. Đọc *Chồng thật vợ giả* ta bắt gặp mối xung đột quyết liệt giữa con người với tự nhiên khi họ cố tình chiếm đoạt không gian hoang dã của các loài động vật. Thieo Si và Rằng Xao yêu nhau tha thiết. Họ đã chuẩn bị nồi niêu, thức ăn cùng gà, thịt, đi vào rừng sâu. Họ rủ nhau vào cõi vĩnh hằng và hai người đã lên tới một cái hang từ vạn cổ đến giờ chưa hề bén hơi người: “*Đây là một cái hang của khi vợ. Hai người lên cướp hang loài nửa người nửa thú, làm cho lũ chúng chạy toán loạn kêu nháo nhác. Rồi thật là bất ngờ có đến hàng trăm con khi độc, vợ to, con đen, con đỏ, con vàng...vác gậy đến quanh cửa hang*” [24, tr. 292].

Trong *Vào hang*, để bảo vệ Thanh trước âm mưu giết người của lão Đoác, Lão Tạt Tạt đã cướp hang Khi làm nơi cho Thanh sống: “*Hang Cuồng Hoa - chỉ thấy người già chỉ tay lên tí tấp ngọn núi, chỗ có vết máu...Hang có lỗ nhỏ thông lên tận đỉnh vách đá. Đáng lẽ phải gọi hang này là hang Khi mới đúng. Thanh nhớ cái hôm bác Tạt Tạt đưa Thanh đến hang, khi từng đàn, con to, con nhỏ chạy ào ào. Thanh đã cướp chỗ của nó*” [18, tr 232- 233]. Việc loài người cướp nơi ở của loài vật sẽ khiến chúng tức giận và trở nên nổi loạn. Bản tính sinh tồn sẽ khiến chúng chống lại con người và con người phải chịu hậu quả. Có lẽ cũng dự đoán được điều đó nên Tạt Tạt đã dạy cho Thanh cách đánh lại thú rừng, nhất là loài hổ và gấu là hai loài nguy hiểm nhất. Với đàn bà con gái nếu không bình tĩnh thì loài khi cũng là loài nguy hiểm: “*nó dễ đánh đuổi kẻ cướp chỗ ở của nó. Cái giống khi nó chỉ sợ đàn ông chứ đàn bà hàng chục người nó vẫn có thể dọa, nếu tỏ ra sợ là nó lao vào đánh bằng gậy và cắn!*” [18, tr. 233]. Thanh đã ở hang hai ba ngày nhưng đàn khi đông hàng nghìn con vẫn quần quanh hôn hào quanh hang, có những con khi độc to như đứa trẻ lên mười ngó vào tận cửa. Bọn chúng không sợ: “*nó dạng háng ra gãi, miệng luôn khếch khếch, dọa dẫm...Mỗi lần khếch khếch lại thêm vài con tiến vào thêm. Con trèo cây, con xuống đất...mỗi con vác một cái gậy to bằng ngón tay, ngón chân hằm hè, nhất loạt nhe răng...Hai người quay lưng vào nhau*

chiến đấu...Thành phang thật lực, cũng có con quay lơ. Nhưng chúng kéo đến đông hơn. Hai người lại hoảng. Hai người đàn bà đánh hết sức, nhưng chúng bâu vào làm hai người tối tăm mặt mũi. Tạt Tạt biết nó sắp cắn. Ông vùng lao ra, lia cái gậy ngắn, hàng chục con khỉ chết nhe răng. Lũ khỉ tan tác” [18, tr 234 - 235].

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng ta không thấy thái độ tận diệt tự nhiên của con người mà đó chỉ là bản năng sinh tồn tự bảo vệ bản thân của con người trước thiên nhiên hoang dã. Việc chiếm đoạt không gian sống của con người trong tiểu thuyết Vi Hồng chỉ là mang tính chất giải quyết những khó khăn tạm thời trước mắt của con người chứ không phải là sự chiếm đoạt lâu dài không gian sinh sống của các loài động vật. Ở đây người đọc vẫn thấy mối quan hệ gần gũi giữa con người và tự nhiên: *“Rằng Xao thấy khỉ vượn làm trò đùa. Anh bắt chước lũ khỉ mọi động tác mọi cử chỉ...Anh đứng chống nạnh trừng mắt nhìn lũ khỉ rồi nói chuyện với lũ chúng nó. Khi thì anh hò hét, khi thì anh vẫy gọi. Anh cười vui vẻ với lũ khỉ. Anh dứ dứ nắm đấm về phía lũ khỉ. Lũ khỉ vừa như đối địch lại mọi cử chỉ động tác của anh lại vừa như những đứa học trò học lấy tất cả mọi cử chỉ hành động của anh” [24, tr. 292].*

Tiểu thuyết Vi Hồng còn dành rất nhiều những trang văn viết về những cuộc đi săn thú rừng. Để ăn mừng cơm mới, người dân bản Đin Phiêng đã tổ chức săn bắt thú rừng. Vi Hồng đã dành tới 10 trang viết miêu tả cuộc đi săn. Họ chuẩn bị cho cuộc đi săn tập thể như chuẩn bị trận đánh: phân nhiệm vụ người “khẩu rời” (theo vết), người lừa thú, người “gác đèn” gác lỏng, người mang súng, bắn súng: *“Nghe tiếng tù và gọi đi săn, người ta kéo nhau ra giữa làng tập trung. Những ngọn dáo lá lúa đâm lên trời như những ngọn mía lau. Những súng kíp, súng hỏa, súng kíp “tài lông” để trên gác bếp lau ngày mới lau chùi lại, báng súng vàng óng, nòng súng dài sải tay, đen nhánh. Hai ba chục người thắt lưng nai nịt cạnh sườn đeo túi dết bằng da hổ vằn vện túi da cáo vằn lang đủ kiểu...Những con chó săn đuôi cong thót như ngọn bút lông, chân cao, tai vênh nhọn, mõm cũng nhọn được các chủ dắt tới từng con”[12, tr. 207].* Không khí, âm thanh cuộc đi săn làm cả khu rừng ồn ào, sôi sục: *“Tù và nổi lên từng*

hồi dài. Ông Đáng đứng dang chân, tay trống mạnh, môm thổi “coóc út” giữa sân. Tù và của ông kêu to hơn tất cả các cái khác: “ù...ù...ù...ù...Tiếng chó sủa dài, sủa gần náo nức...Bỗng tất cả mấy con chó sủa gần cùng một lúc. Tiếng người hét “đây rồi! đây ...ây!”...Tiếng tù và và, tiếng người, tiếng chó dồn dập khẩn trương. Một phát súng nổ đoàng. Khói bốc um như cái nấm trắng lớn giữa rừng xanh...Con nai đỏ rục lao vun vút như những phoi lửa qua các khoảng trống, các con khe. Những con lợn cỏ đen chũi chạy động cả một vạt rừng” [12, tr. 209- 210]. Người đọc dễ nhận thấy, những cuộc đi săn trong tiểu thuyết Vi Hồng không mang tính trục lợi cá nhân. Tác phẩm vẫn mang cảm hứng ngợi ca “tinh thần thượng võ” của người đàn ông miền núi qua hành động săn bắt. Cảm hứng ngợi ca này cũng được thể hiện rất rõ trong tiểu thuyết của Cao Duy Sơn, Triều Ân.

Trong tiểu thuyết *Người lang thang*, Cao Duy Sơn dành trọn vẹn 13 trang kể một cách say sưa cảnh hai bố con lão Tền bắt hổ bằng cạm bẫy. Sự am hiểu sâu sắc về của nhà văn về lòng dũng cảm của những con người nơi núi rừng quê hương mình khiến bạn đọc cũng say mê theo từng trang viết để hòa vào với tâm trạng nhân vật: lo âu, căng thẳng, bình tĩnh, tự tin...Cuộc đi săn cũng trở thành biểu tượng đẹp giống như một ngày hội lớn của cộng đồng trong sáng tác của Triều Ân. Triều Ân say sưa viết về một đêm ăn mừng sau chiến thắng của cuộc đi săn: cả làng tung bừng xả thịt, xào nấu, nhắm rượu...“Trong bữa tiệc, người được bạn bè chúc mừng phải là thiện xạ...”. Như vậy, có thể khẳng định rằng xung đột giữa con người với tự nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng chưa được thể hiện rõ nét. Những hành động của con người tác động vào tự nhiên chủ yếu mang tính chất tự phát. Nếu trong sáng tác của Cao Duy Sơn, Hà Thị Cẩm Anh...người đọc nhận thấy ý thức con người muốn làm bá chủ tự nhiên nên bị thiên nhiên đáp trả, thiên nhiên báo thù thì trong tiểu thuyết của Vi Hồng những trang viết về con người và thiên nhiên trong mối quan hệ gắn bó, hòa hợp đậm nét hơn.

Dưới góc nhìn của lí thuyết phê bình sinh thái, có thể thấy tiểu thuyết Vi Hồng dù viết sau năm 1975 nhưng có vẻ như ông “phản ứng chậm” hơn so với

nhà văn dân tộc khác như Cao Duy Sơn, Hà Thị Cẩm Anh. Dù hiện thực môi sinh tự nhiên của Việt Nam đã đến lúc kêu cứu, con người ngày càng bộc lộ thái độ xung đột với tự nhiên trên nhiều phương diện nhưng trong tiểu thuyết của Vi Hồng, chúng tôi chưa nhận thấy tham vọng thống trị, làm chủ của con người trước thiên nhiên. Con người hiện lên vẫn là người anh hùng chinh phục tự nhiên chứ không phải là kẻ tội đồ, kẻ hủy diệt. Vậy nguyên nhân nào làm cho sáng tác của ông “phản ứng chậm” với ý thức sinh thái như vậy?

Vi Hồng lớn lên và được nuôi dưỡng trong một không gian văn hóa của những phong tục tập quán mang tín ngưỡng đặc trưng: lễ hội thi cấy, lễ hội lồng tồng... Vi Hồng còn được nuôi dưỡng trong bầu sữa dân gian của những làn điệu dân ca mượt mà tình nghĩa (then, quan làng), đằm thắm và chan chứa yêu đương (sli, lượn...). Bản thân gia đình ông cũng giàu truyền thống văn hóa dân gian. Bà nội và bá cả của nhà văn chính là một “kho tàng” dân ca Tày, nên nhà văn sớm được dạy hát Then, hát Lượn. Tuổi thơ của Vi Hồng được bay bổng mộng mơ theo những câu chuyện huyền thoại của “đời già”, “đời cũ kĩ”. Tất cả những điều đó đã ngấm dần vào tâm hồn và từ từ chuyển hóa vào cách ông viết văn mang đậm phong vị dân gian. Về điều này, Lâm Tiến trong *Văn học miền núi*, đã nhận xét “*Người vận dụng văn hoá, văn học dân gian phải kể đến Vi Hồng. Vi Hồng là nhà văn rất có ý thức tự giác để thể hiện được bản sắc văn hoá dân tộc trong tác phẩm của mình*”. Chính vì sáng tác mang đậm phong vị dân gian nên nó vừa tạo nên ưu điểm mà cũng vừa là nhược điểm trong tiểu thuyết của Vi Hồng. Ưu điểm là nhà văn đã nói được bản sắc văn hóa của dân tộc Tày quê hương mình nhưng nhược điểm là sáng tác của ông lại chưa bao quát được đầy đủ những vấn đề nóng hổi của hiện thực đời sống xã hội đương thời.

Rõ ràng, chức năng của văn học thường gắn với từng thời kì lịch sử cụ thể. Mỗi thời kì lịch sử khác nhau thì văn học lại mang sứ mệnh riêng. Nhưng dù có cách thể hiện khác nhau thế nào đi nữa thì chức năng chính của văn học là hướng con người đến cái chân - thiện - mỹ trong cuộc sống. Hiện nay áp lực chiến tranh đã lùi dần, thay vào đó Việt Nam đang đối mặt với các vấn đề của

quy luật toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, thiên nhiên. Tiểu thuyết Vi Hồng đã góp thêm tiếng nói nhân văn trong việc bảo vệ môi trường. Tiếng nói ấy không phải là thay đổi tự nhiên mà thông điệp nhà văn gửi tới bạn đọc là hãy điều chỉnh lại hành vi của mình trong việc đối xử với tự nhiên. Hãy là những con người ứng xử có văn hóa với môi trường tự nhiên, với không gian mà mình đang sống để từ đó tạo ra một môi trường sinh thái an toàn cho sự sống của nhân loại.

2.2. Sinh thái nhân văn trong tiểu thuyết Vi Hồng

2.2.1. Mối quan hệ giữa con người với con người

2.2.1.1. Nét đẹp nhân tình truyền thống

Vi Hồng xuất thân trong một gia đình nghèo dân tộc Tày ở Cao Bằng. Từ nhỏ, ông đã gắn bó với quê hương, làng bản, được tắm mình trong truyền thống văn hóa dân gian nên Vi Hồng có điều kiện thể hiện hình ảnh thiên nhiên, con người, các giá trị văn hóa của quê hương trên những trang tiểu thuyết một cách sâu sắc. Bên cạnh những trang văn viết về sinh thái tự nhiên thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, nhà văn Vi Hồng còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề sinh thái xã hội. Đó là mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với các giá trị văn hóa cổ truyền.

Viết về con người trong xã hội ở quá khứ hay hiện tại, văn chương Vi Hồng luôn thấm đượm một tinh thần nhân văn cao cả: *“Thành tựu lớn nhất mà Vi Hồng để lại cho đồng bào các dân tộc thiểu số được trâm kết trong các trang văn. Mạch lạc và dứt khoát đôi khi đến cực đoan trong đời riêng, trái tim nhà văn không ngừng đập giữa hai dòng yêu thương và hờn giận. Song trước sau ông vẫn là con người nhân hậu, giàu lòng yêu thương và luôn khao khát được yêu thương”*[67]. Cái gốc của tinh thần nhân văn ấy chính là tình yêu thiết tha với đất nước và con người Việt Nam nói chung và với đồng bào miền núi nói riêng.

Vi Hồng là người con của quê hương miền núi Việt Bắc, mang trong mình phẩm chất, cốt cách dân tộc Tày. Nhà văn luôn có những phát hiện về sức sống tiềm tàng mà mãnh liệt hầu như chưa bao giờ lụi tắt trong tâm hồn của

những con người nơi đây. Các nhân vật trong những trang tiểu thuyết của ông dù chịu nhiều bất hạnh, khổ đau nhưng bằng ý chí, nghị lực, bằng lòng nhân ái, đức hy sinh họ đã làm chủ cuộc sống, dang tay cứu vớt những con người cũng bất hạnh khổ đau và trở thành những con người đại diện cho cái đẹp, cái thiện. Trong tổng số mười sáu tiểu thuyết của nhà văn thì có tới ba phần tư tác phẩm hướng tới những con người lao động. Có thể nói đây là nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết của Vi Hồng. Họ là những người dân lao động bình thường chịu khổ đau vất vả trong cuộc sống như: Vãi Đàng, The (*Vãi Đàng*), Già Đội, Xo Ao (*Thung lũng đá rơi*), Lả (*Lòng dạ đàn bà*), Kim Công, Thu Khoan (*Dòng sông nước mắt*), Phàn, Băng, Hoàng (*Tháng năm biết nói*)...nhưng lại có tấm lòng nhân ái, vị tha.

Đọc tiểu thuyết *Vãi Đàng*, chúng ta bắt gặp hình ảnh những con người như thế. La (The) một cô gái thông minh, xinh đẹp, tốt bụng, thương người. Sinh ra trong một gia đình nghèo, bố La lại nghiện ngập phải bán hết cả ruộng nương cho Tổng Nhự, thậm chí bán cả cô cho hắn. Cô gái xinh đẹp ấy dù đã trở thành bà quan nhưng chỉ chuyên tâm giúp đỡ người nghèo khổ. Với sự lựa chọn quyết liệt La đã dứt khoát từ bỏ cuộc sống giàu sang để đi theo cách mạng. Cô không hề sợ hiểm nguy khi lao vào giằng khẩu súng của Tổng Nhự, cứu sống mẹ con Đàng. Câu nói của La: “*Tổng Nhự Kia! Muốn bán thì hãy bán tôi, đừng bán những người trai nghèo khổ*” [13, tr. 37] đã cho ta thấy tấm lòng của La đối với những người dân vô tội. Bằng tình yêu thương và sự sẻ chia chân thành, cô đã hai lần giúp đỡ Đàng thoát khỏi cảnh đọa đày: “*The lao mình ra giữa vực, trèo lên mảng, kéo mảng của mẹ con Đàng vào bờ, cô còn công cả hai mẹ con Đàng lội vào bờ vì chân Đàng đã cứng lại không thể đi được nữa*” [13, tr 71]. Cô chăm sóc hai mẹ con Đàng rất chu đáo. Tình thương của cô đã gieo vào tâm hồn Đàng niềm tin vào cuộc sống dù còn nhiều khổ đau và nước mắt. The còn giác ngộ cách mạng cho Đàng, đưa cuộc đời Đàng sang một trang mới. Giúp đỡ, bênh vực những người nghèo khổ đó là sự thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người - một nét đẹp nhân tình - mà nhà văn Vi Hồng muốn ngợi ca, trân trọng.

Nói đến con người giàu tình nghĩa, giàu lòng vị tha, chúng ta không thể không kể đến Lăng Thị Thu Lả, cô gái thông minh, xinh đẹp nổi tiếng nhất vùng trong tiểu thuyết *Lòng dạ đàn bà*. Với ước mơ thôi thúc được đến với văn minh đã Lả quyết định bỏ Tu để yêu Nghít. Lả cùng chồng là Nghít xây đắp ngôi nhà hạnh phúc ở miền Nước Hang Rơi. Lả không chỉ giúp chồng trong công việc làm ăn mà còn dành chồng từ trong nanh vuốt của chúa sơn lâm. Một người đàn bà như thế lẽ ra phải được hưởng tình yêu, hạnh phúc nhưng chị đã bị Nghít đối xử tàn tệ. Nghít vì say mê sắc đẹp của Mã Thả An đã quên đi tình nghĩa vợ chồng. Nghít phản bội vợ, quan hệ với Mã Thả An ngay trong nhà mình. Quá đau đớn và thất vọng, Lả đã tìm đến dòng nước Sông Trong gửi mình cho hà bá. Song Lả không chết mà đã được Tu và Ban cứu giúp. Sống trong rừng sâu nhưng Lả vẫn luôn hướng về gia đình, chồng con. Vốn là một con người giàu đức hi sinh và lòng vị tha, Lả không những không oán hận Nghít mà còn luôn lặng lẽ theo dõi từng bước đi của chồng. Biết chồng gặp nạn lại bị mù cả hai mắt, Lả tận tình cứu chữa cho chồng trong cái vỏ của người đàn bà khác. Lả quyết định dành dụm tiền để đưa Nghít xuống bệnh viện tỉnh chữa mắt và dành con mắt phải của mình để hiến tặng cho Nghít, cứu Nghít ra khỏi cảnh mù loà, tăm tối. Lả còn chăm lo cơm ăn nước uống cho mẹ chồng và hai đứa con thơ bị Mã Thả An đuổi ra khỏi nhà và đang phải sống trong khổ đau, đói rét. Nếu không có một tình yêu sâu sắc, một trái tim nhân hậu lớn lao thì Lả không thể có được hành động cao cả như vậy. Sự hi sinh thầm lặng cùng tấm lòng bao dung, vị tha của cô khiến người đọc thật cảm phục. Xây dựng nhân vật Lăng Thị Thu Lả, Vi Hồng muốn khẳng định phẩm chất cao quý mang vẻ đẹp truyền thống của người vợ, người mẹ, người phụ nữ Việt Nam, đó là: dù người thân yêu có gây cho họ đau đến bao nhiêu đi chăng nữa thì họ vẫn có tấm lòng vị tha, nhân từ. Người phụ nữ vẫn vẫn mong muốn được làm vợ, được làm mẹ và ước ao về một gia đình nhỏ bé hạnh phúc.

Trong tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* chúng ta cũng bắt gặp những con người dân bản Chín Thoong giàu tình yêu thương đồng loại như: bác Phàn, Bãng, anh Phàn...Họ đã cảm thông chia sẻ, đùm bọc nhau trước những hoạn

nạn, khó khăn trong cuộc đời. Bác Phàn là người đã dạy dỗ Hoàng từ nhỏ. Bác dạy Hoàng học chữ, học võ, chỉ cho Hoàng từng đường đi, nước bước trong cuộc đời. Băng, cô gái cùng lứa tuổi với Hoàng rất thương anh, hiểu hoàn cảnh của anh. Băng từng mang cả bút, sách, vở đến cho Hoàng học và cả xôi, thịt đến cho Hoàng ăn. Hiểu và đau xót cho hoàn cảnh đáng thương của Hoàng, Băng đã khóc: *“Băng rơi nước mắt cho cảnh ngộ của mình ba giọt thì rơi cho cuộc đời bi thảm của anh Hoàng bảy giọt. Băng cắn phẫn đấy, uất ức đấy trước cuộc đời của anh Hoàng nhưng biết làm gì được. Băng có thể làm bất cứ một việc gì để cho cuộc đời Hoàng bớt đau khổ, để cho nỗi cay đắng của cuộc đời Hoàng nhạt với mùi vị nhưng Băng cũng không biết làm thế nào, không biết làm gì, cô chỉ nhìn cảnh anh Hoàng mà thương, mà cảm, mà se sắt cho nỗi lòng”* [23, Tr. 358]. Hình ảnh giọt nước mắt của Băng trước cảnh ngộ của Hoàng khiến người đọc không khỏi xúc động trước tình bạn chân thành của Băng dành cho Hoàng. Căm phẫn, đau xót cho hoàn cảnh trớ trêu của Hoàng bao nhiêu Băng lại càng khóc thương cho người mình thầm yêu bấy nhiêu. Phải xuất phát từ trái tim tràn đầy tình yêu thương Băng mới bộc lộ cảm xúc trào dâng đến thế. Bản thân Hoàng cũng là một con người tràn đầy tình yêu thương. Hoàng bỏ qua việc Ngọc đã từng lừa dối mình, khiến anh phải lấy người vợ già, xấu xí. Khi thấy Ngọc bị bệnh tật, Hoàng cũng không cầm được nước mắt. Hoàng đã động viên, giúp đỡ Ngọc vượt qua những mặc cảm trước đây để trở về sống một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Nàng Thu Khoan và chàng Kim Công trong tiểu thuyết *Dòng sông nước mắt* lại rơi vào cuộc tình đầy éo le ngang trái. Tình yêu của họ đang mặn nồng thì Thu Khoan bị ép gả cho Kin Xa giàu có, nhiều hơn cô mười tuổi. Cuộc sống của Thu Khoan với Kin Xa không khác gì địa ngục trần gian. Chồng nghiện thuốc phiện nặng, bao nhiêu của cải cũng đội nón ra đi. Hết tiền, hắn đang tâm bán đi người vợ đầu gối tay ấp. Thật bất ngờ, người mua nàng lại chính là Kim Công. Sau bao năm người yêu đi lấy chồng, tình yêu, lòng chung thủy của anh giành cho Thu Khoan vẫn còn nguyên vẹn như ngày nào. Anh đã giang tay cứu vớt cuộc đời Thu Khoan khỏi cuộc sống đầy nước mắt bên Kin Xa. Hai người

trở thành vợ chồng và hạnh phúc bên nhau. Nếu Kim Công không phải là con người có tấm lòng bao dung, độ lượng thì cuộc đời Thu Khoan mãi mãi chìm trong dòng sông nước mắt. Không chỉ khâm phục trước tấm lòng cao thượng của Kim Công đối với Thu Khoan mà người đọc còn cảm động hơn trước hành động của Kim Công dành cho người chồng cũ của vợ mình. Biết Kin Xa nghiện nặng, giờ chỉ còn nằm chờ chết, Kim Công giục vợ đi thăm chồng cũ. Anh cũng cố gắng chịu đựng nỗi đau tâm hồn lẫn thể xác khi để vợ đánh đổi nhân phẩm của mình cho quan phủ Trần Hồi để đổi lấy những viên thuốc kí ninh chữa bệnh sốt rét cho Kin Xa. Vì thế Kin Xa đã thoát khỏi cái chết và hẳn đã trở về với cuộc đời. Quả thật Kim Công là chàng trai thật cao thượng, cao thượng với cả những người đã gây ra bao đau đớn cho mình, cho cả người mình yêu. Một con người như vậy giờ tìm trong xã hội này thật là hiếm có!

Như vậy, giàu lòng yêu thương, giàu tình nghĩa, giàu đức hi sinh, vị tha cao thượng chính là nét đẹp ân tình của những con người lao động miền núi trong tiểu thuyết của Vi Hồng. Những phẩm chất tốt đẹp này được thể hiện trong các mối quan hệ với người thân, với bạn bè. Thậm chí với cả những kẻ đã hãm hại mình thì họ vẫn luôn bao dung, độ lượng. Những con người như The (La) chuyên giúp người nghèo khổ, Lăng Thị Thu Lả giàu đức hi sinh và lòng vị tha, nàng Thu Khoan và chàng Kim Công lấy ân trả oán, những người dân ở thác Chín Thoong, ông già Đội trong *Thung lũng đá rơi*, Ki Eng trong *Đi tìm giàu sang*, Ki Nọi trong *Đọa đày*... giúp chúng ta vững tin hơn trong cuộc sống.

Xây dựng hàng loạt những người dân lao động bình thường, nhưng lại giàu lòng yêu thương, luôn sẵn sàng sẻ chia, giúp đỡ đồng loại nhà văn Vi Hồng muốn khẳng định rằng: Sống trong môi trường tràn đầy tình yêu thương con người sẽ sống tốt với nhau hơn và cuộc sống cũng sẽ trở nên tươi đẹp hơn. Nơi nào có tình yêu thương nơi ấy sẽ tràn ngập tiếng cười và niềm hạnh phúc. Vẻ đẹp tình yêu con người không chỉ xua tan đi cái xấu, cái ác của cuộc sống mà nó còn lan tỏa, cảm hóa cái xấu, cái ác giúp chúng trở nên hướng thiện và hoàn thiện hơn trong cuộc đời.

2.2.1.2. Những chuyển biến trong văn hóa ứng xử

Trước năm 1975, vì hoàn cảnh đất nước có chiến tranh nên các sáng tác văn học ưu tiên viết về quần chúng công - nông - binh. Nhân vật trí thức chưa được chú ý nhiều. Sau chiến tranh, nhất là từ những năm 1986 trở đi, khi đất nước bước sang thời kì đổi mới, cuộc sống xô bồ phức tạp đã tác động mạnh mẽ đến các nhà văn, Vi Hồng cũng đã tìm thấy hứng thú trong sự phát hiện về người trí thức. Năm 1990, Vi Hồng đã cho ra mắt bạn đọc hai cuốn tiểu thuyết viết về đề tài này. Đó là tiểu thuyết “*Người trong ống*” và tiểu thuyết “*Gã ngược đời*”. Hai cuốn tiểu thuyết đã gây được sự chú ý của bạn đọc cả nước lúc bấy giờ. Đánh giá về tiểu thuyết Vi Hồng ở đề tài này, Vũ Anh Tuấn viết: “*Từ 1985, Vi Hồng dành toàn bộ tâm lực cho thể loại tiểu thuyết để luận giải thân phận con người. Thành công và chưa hẳn thành công nhưng Vi Hồng rất thành tâm* [67]. Cái thành tâm của nhà văn ở đây phải chăng là sự suy tư, trăn trở về con người khi sống trong một xã hội đổi mới? Ở đó cuộc sống không còn đơn thuần là mối quan hệ giữa bạn bè, anh em trong phạm vi gia đình nhỏ hẹp nữa mà là các mối quan hệ xã hội giằng dặt. Ở đó, bản thân mỗi con người phải tự nhìn nhận, đánh giá lại mình để đẩy lùi cái xấu, cái ác và vươn lên theo xu hướng tiến bộ xã hội.

Tiểu thuyết của Vi Hồng hầu hết được viết ở thời kì đất nước chuyển mình từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Vậy khi xã hội đổi mới thì tính cách con người có thay đổi không? Sự chuyển biến trong văn hóa ứng xử giữa người với người sẽ biểu hiện như thế nào khi bao quanh họ là tiền tài, danh vọng, quyền lực? Con người có còn giữ được bản chất lương thiện vốn có của mình trước bao cám dỗ của đời sống xã hội? Phát hiện ra nhiều vấn đề nổi cộm của cuộc sống miền núi, nhà văn Vi Hồng phơi bày những ung nhọt nhức nhối qua loại nhân vật trí thức biến chất, tha hóa như những con sâu mọt đang ngày đêm làm mục ruỗng xã hội miền núi.

Đọc tiểu thuyết *Gã ngược đời*, người đọc không thể quên được vị giáo sư tiến sĩ Nông Ích Hỷ. Với hãnh cuộc sống là tiền tài và địa vị. Bởi vậy hãnh đã không từ một thủ đoạn nào để có được những thứ hãnh muốn. Hãnh lừa gạt tình

yêu của Di chỉ vì Di là con gái của chủ tịch tỉnh, hắn tìm mọi bằng chứng để cướp công trình nghiên cứu khoa học của Quân ở Khau Moóc. Là tiến sĩ khoa học nhưng hắn không dịch nổi tài liệu nước ngoài. Bất tài là thế, nhưng chỉ trong ba năm hắn đã leo từ chức tổ trưởng chuyên môn lên chủ nhiệm khoa, rồi lên phó hiệu trưởng. Hắn còn dùng thủ đoạn đê tiện để leo lên chức hiệu trưởng. Bên Hỷ, hiệu trưởng Đương cũng là người bỉ ổi, độc ác. Vì đố kỵ nên Đương luôn ghen ghét đố kỵ với những người tài giỏi hơn mình như Hà Thế Quân. Hắn luôn gây khó khăn cho Quân về kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học vì cho rằng đó là “*đề tài không tưởng*”. Hắn còn đề ra cái luật “*cấm yêu đương*”. Hắn cấm không cho trai gái được tâm sự giữa ban ngày, ban mặt, giữa phòng riêng, buộc họ muốn tìm hiểu nhau phải đi vào bóng tối, bụi rậm để rồi đêm đêm hắn lại xách đèn bão rình mò, tìm kiếm, bắt bớ.

Đoác trong *Vào hang* cũng là một nhân vật mang mặt nạ da người. Mặc dù chỉ có trình độ lớp bốn nhưng với những thủ đoạn nham hiểm, Đoác càng ngày càng leo cao trong nấc thang danh vọng. Bên ngoài, Đoác tỏ ra là một cán bộ gương mẫu, không màng đến danh lợi nhưng bên trong, hắn là một kẻ độc ác vô cùng. Từ một sĩ quan quân đội, Đoác trở về quê làm bí thư đảng uỷ xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Pác Nặm. Đời hắn đã làm không biết bao nhiêu những hành động vô nhân tính: Hắn chiếm đoạt cuộc đời trinh nữ của Nội bằng bạo lực và bản năng dục tình, chiếm đoạt Thanh rồi lại tìm cách giết Thanh một cách tàn nhẫn. Trong công việc, hắn “*luôn ghen ghét, đố kỵ, hãm hại những người có tài hơn hắn*”. Dù không thể đưa ra được một bằng chứng nào rằng On là tên chống đối hợp tác xã nhưng Đoác vẫn vu oan giá họa khiến On không cất được hộ khẩu lương thực, buộc phải thôi học. Đoác rắp tâm hãm hại ông Nhân là người “*nhiều chữ nghĩa nhất*”. Hại người để thăng quan tiến chức, bảo vệ địa vị của mình là việc làm thường xuyên trong suốt quãng đời làm quan của hắn. Đoác còn giết Thanh để giữ chức phó giám đốc nông nghiệp tỉnh. Vẫn muốn tiến thân xa hơn, hắn đã đem 3,5 ki lô gam thuốc phiện để vào tủ của ông chủ tịch huyện, rồi bí mật báo công an tỉnh. Ông chủ tịch

huyện bị bắt còn Đoác nhận được quyết định thay quyền chủ tịch huyện chỉ trong vài hôm sau.

Ba trong tiểu thuyết *Người trong ống* cũng là một nhân vật điển hình cho những con người có chức, có quyền nhưng bất tài, thủ đoạn, xảo quyệt. Từ khi còn là học sinh lớp sáu phổ thông đến khi hấn vào đại học, làm giảng viên, viện trưởng rồi trở thành hiệu phó không mấy ai có thể biết hết tội ác của y cả. Tham vọng quá lớn nên Ba đã dùng mọi thủ đoạn để lấy lòng thầy, cô trong trường, đặc biệt là thầy hiệu trưởng và trưởng ty giáo dục. Ba nhẫn tâm ăn cắp số tiền bán lợn mẹ dành chữa bệnh để được tuyên dương. Ba xảo quyệt và độc ác đến mức để tạo được tình thân với ông trưởng ty giáo dục, hấn đã bôi lông sâu độc vào đĩa trẻ mới một tuổi - con trai của ông rồi lại ra tay cứu chữa để được mang ơn. Từ đó Ba thăng tiến một cách dễ dàng. Vào Đại học Y, Ba thân thiết với thầy hiệu trưởng, nhưng để tiếp tục thực hiện những hành vi bỉ ổi của mình. Ba đã đốt bếp của thầy, rồi lại xả thân nhảy vào lửa để cứu, “*Ba ấy con gái Hoàng đổ nhào xuống vực*” rồi lại nhanh chóng “*cứu được con gái Hoàng lên*”. Với những công lớn ấy, Ba đã được giữ lại làm cán bộ giảng dạy của trường đại học. Và cứ thế, ông Hoàng đưa Ba lên từng nấc thang địa vị mới, từ giảng viên trường đại học, lên giám đốc bệnh viện Lục Khê và cuối cùng là hiệu phó trường Đại học Y. Tất cả những hành động độc ác, vô nhân đạo của Ba đều được dấu kín trong một cái vỏ bọc đẹp đẽ: “*Trắng treo như một thư sinh lại có đôi mắt một mí nữa nên trông càng hiền lành. Cái cằm anh ta tròn, lúc nào cũng nhẵn bóng và chưa hề có râu xanh... Khuôn mặt ấy vừa dâng tràn sự sung mãn vừa khuôn vào mắt người đối thoại vàng phúc hậu*”. Bên ngoài, Ba “*trở thành mẫu hình của người trí thức xã hội chủ nghĩa*” nhưng bên trong hấn đích thực là một con quỷ đã sát hại không biết bao con người vô tội. Viết về nhân vật Ba trong sự đối lập giữa hình thức và biểu hiện bên ngoài với bản chất bên trong, Vi Hồng muốn giúp người đọc nhận diện bộ mặt thật của những tên trí thức rởm. Phải chăng nhà văn muốn cảnh báo những con người miền núi thật thà, chất phác đừng nhìn con người ở hình thức và biểu hiện bề ngoài mà cố gắng đi sâu vào bản chất bên trong, nhận rõ “*12 khúc ruột*” của kẻ xấu. Nhà

văn nhắc nhở: *“Nhìn hình thức bề ngoài mà đánh giá đã hay sai lầm, hướng lại là nhìn ở cái biểu hiện của hình thức nữa thì khó mà đúng với bản chất của sự vật lắm”*[23, tr.186].

Xây dựng những nhân vật như Đoác, Ba, Đương, Nông Ích Hỷ..., nhà văn Vi Hồng muốn vạch trần những bản chất xấu xa của những kẻ mang danh trí thức thời đại. Những kẻ bề ngoài ra vẻ đạo đức nhưng thực chất lại là những kẻ thất đức. Trước sự chuyển mình của xã hội, sẵn có đồng tiền trong tay, bọn chúng đã làm bao điều phi pháp. Với giọng điệu đau xót của một con người luôn yêu thương cái thiện, căm ghét cái ác nhà văn Vi Hồng đã góp một tiếng nói tố cáo những con người đã làm cho giá trị xã hội bị đảo lộn, đồng thời nhà văn cũng thể hiện niềm trăn trở về khát vọng đổi thay xã hội. Nhà văn muốn: *“làm một cái gì đó để cải tạo, để thay đổi mệnh bản của chúng ta vẫn còn đang ở cái trình độ xã hội bán khai”*. Bởi ông quan niệm rõ ràng: *“Nếu có thay đổi thì trước hết là ở những con người trí thức của chúng ta. Chỉ có trí thức và sự văn minh mới có thể cải tạo được xã hội. Trí thức và kỹ thuật là chiếc động cơ nghìn mã lực kéo xã hội mệnh bản của chúng ta tiến lên phía trước...”*[29, tr.123].

Phản ánh mối quan hệ giữa con người với con người khi đất nước bước sang thời kì đổi mới bạn đọc không thể không nhớ đến nhà văn Cao Duy Sơn. Tiểu thuyết *Đàn Trời* của ông đã phản ánh những ung nhọt của chốn quan trường, đồng thời đề cao cuộc đấu tranh chống tham nhũng trên từng trang, từng chữ thật sống động và chân thực. *Đàn trời* là cuốn tiểu thuyết hơn 600 trang viết về đề tài chống tham nhũng. Tác phẩm xoay quanh cuộc đấu tranh giữa những cán bộ trẻ có ý thức xây dựng đất nước với lực lượng hắc ám mà người đứng đầu là chủ tịch tỉnh Đinh Xuân Ân. Người ta gọi vị chủ tịch này là “Hoàng thượng” nhưng hấn lợi dụng quyền lực mà nhân dân tín nhiệm để mưu cầu lợi ích cho chính bản thân mình: *“Với nụ cười hiền, cảm thông những khó khăn của muôn dân, hay xuất hiện trên màn hình địa phương với những bài phát biểu đầy tinh thần cách mạng ngài đã mau được sự cả tin vốn di của đám người vạn đại. Ngài là công dân mẫu mực, là tôi đòi đầy phẩm chất trong sáng, là người đại diện xứng đáng cho lợi ích của thần dân thiên hạ. Ngài là diễn viên không tồi chút nào trong vai diễn của mình”* [54, Tr 217]. Xuất thân từ dân buôn lậu nhưng hấn lại mang bản chất của tay lưu

manh trí thức. Nghề chính của hắn là nhận phong bì và đáp lại lòng nhiệt tình của những người con gái mười tám, đôi mươi. Dưới cơn bão của nền kinh tế thị trường, vị chủ tịch tỉnh sẵn sàng chạy theo tiếng gọi của đồng tiền để củng cố quyền lực và địa vị của mình. Dưới trướng của chủ tịch Đinh Xuân Ân là Lương Nhân – một thằng buôn lậu, một thằng đồ tể, một thằng chuyên buôn thuốc phiện, một thằng câu chó. Xuất thân từ một kẻ lưu manh đầu đường xó chợ, nhưng có tiền chúng đã trở thành “người công dân mẫu mực” của hiên hạ. Là Hoóng già – một con thú dữ luôn hé mắt tinh quái quan sát mọi biến động quanh mình. Hắn là công cụ đắc lực của Lương Nhân, Đinh Xuân Ân. Để bảo vệ đồng bọn của mình hắn luôn sẵn sàng chồm dậy phóng ra những móng vuốt sắc nhọn để cắn nát con mồi. Viết về những con người này nhà văn Cao Duy Sơn luôn thể hiện bằng giọng điệu mỉa mai, cay nghiệt nhất. Đọc tiểu thuyết *Đàn trời* ta nhận thấy thái độ dửng dưng của một nhà văn, một nhà báo dám đứng lên tố cáo, vạch trần những con người xấu xa, tàn độc. Chính những kẻ này dễ bị cơn bão của đồng tiền cuốn vào vòng lốc xoáy của tội lỗi. Chính những con sâu mọt này đang ngày đêm đục khoét, phá hoại những giá trị tốt đẹp của đời sống vật chất và tinh thần của đời sống con người.

Phản ánh vấn đề này chúng tôi nhận thấy Cao Duy Sơn thể hiện rõ nét và đặc sắc hơn nhà văn Vi Hồng. Đây cũng là điều dễ hiểu bởi Cao Duy Sơn là thế hệ nhà văn đi sau. Phản ánh sự dấn thân chống tiêu cực của những người làm báo trong tiểu thuyết *Đàn Trời*, nhà văn Cao Duy Sơn đã thể hiện rõ sự nhạy bén của một cây bút nhanh nhạy với thời cuộc, với những vấn đề nóng bỏng của xã hội thời kỳ đất nước đổi mới. Còn Vi Hồng thuộc thế hệ nhà văn đầu tiên. Giai đoạn cuối đời Vi Hồng còn mắc bạo bệnh, nên việc phản ánh tình hình xã hội đương thời cũng bị hạn chế.

Vi Hồng đã từng bộc bạch: *“Tôi là người miền núi, trung tâm sáng tác của dân tộc bao giờ cũng là miền núi và con người miền núi. Các trang viết của tôi là những tâm tình của các dân tộc miền núi, trước hết với người Tày rằng: hãy yêu thương và biết yêu thương cái đẹp, nhất là những người đẹp cao cả, đồng thời đem hết sức mình ra diệt trừ cái ác, kẻ ác, trừ khử những kẻ phản bội trắng trợn, nguyên rửa những kẻ “béc kha cái” (đại nịnh hót), khinh bỉ*

lũ yếu hèn, tôi cho rằng đây là sứ mệnh cao cả của nhà văn trên thế giới...” [35, Tr. 296]. Yêu thương cái đẹp, diệt trừ cái ác chính là thể hiện giá trị nhân văn trong tiểu thuyết của Vi Hồng. Trong xã hội, đẹp - xấu, thiện - ác luôn tồn tại song song, thậm chí đôi khi cái ác, xấu lại lấn át, chà đạp cái đẹp, cái thiện. Nhưng đọc tiểu thuyết Vi Hồng, chúng ta không nhận thấy sự tuyệt vọng, bi quan mà ngược lại nhà văn vẫn giúp ta có một niềm tin mãnh liệt vào con người, vào sự đổi thay của làng bản, của quê hương đất nước khi nhà văn đặt niềm tin vào những con người trí thức chân chính.

Họ là những kĩ sư, bác sĩ, nhà giáo mẫu mực, say mê khoa học, tâm huyết với nghề nghiệp. Họ không lùi bước chịu đầu hàng số phận. Họ sẵn sàng vượt qua bao chông gai, thử thách để làm giàu cho quê hương, đưa quê hương thoát khỏi sự nghèo nàn, lạc hậu, u mê tăm tối. Các nhân vật: Tú, Huy, Hôi...(Người trong ống), On, vị giáo sư chủ nhiệm khoa trường đại học Nông nghiệp (Vào hang), Vàng Khao (Chồng thật vợ giả), Hà Thế Quân, Liêm...(Gã ngược đời)... là những con người như thế.

Tú trong tiểu thuyết “Người trong ống” là một con người luôn tự đấu tranh với chính bản thân mình để tìm lại cuộc sống, để chống lại cái xấu, cái ác trong xã hội. Được vào học ở trường Đại học Y và trở thành một bác sĩ giỏi chữa bệnh cứu người luôn là mơ ước của Tú từ khi còn bé. Mơ ước ấy ngày càng trở nên cháy bỏng hơn khi mẹ Tú bị chết oan bởi bàn tay một lang băm ngu dốt. Thi đỗ đại học với số điểm tối đa nhưng Tú lại không được đi học vì bố Tú không chấp nhận vào hợp tác xã và bị quy là “thành phần chống đối”. Tú quyết định đi tới một vùng thật xa, thay đổi họ tên để thực hiện khát vọng của mình. Biết chắc phía trước cuộc đời mình là những tháng ngày gian nan, vất vả nhưng anh vẫn giữ vững niềm tin vào bản thân và quyết chí ra đi. Anh dừng chân ở một bản sát biên giới và được một gia đình người Mông tốt bụng, khá giả nhận làm con nuôi và tạo điều kiện cho anh đi học lại lớp mười để thi đại học. Việc Tú đỗ đại học một lần nữa đã khẳng định ý chí và nghị lực trong anh. Sự căm dỗ của cuộc sống nhiều khi khiến con người gục ngã, khiến họ quên đi lí tưởng mà lỡ bước sa chân vào những thú vui tầm thường. Nhưng Tú

thì không, anh đã chiến thắng chính bản thân mình, cố quên đi tình yêu tha thiết của nàng Ai Hoa xinh đẹp. Sức mạnh để giúp anh vượt qua mọi thử thách ấy chính tình yêu quê hương, muốn đóng góp công sức nhỏ bé của mình vào xây dựng quê hương giàu đẹp.

Ở Đại học, với bản tính thẳng thắn, thật thà nên khi thấy thầy giáo Ba giảng sai kiến thức “*Tú đã đứng lên nhận xét, phân tích chỗ thầy vừa giảng sai. Tú dùng giọng rất mềm mỏng, ân cần nhắc từng từ ngữ cho thật nhẹ nhàng*” [17, Tr.137]. Nhưng chính cái thật thà ấy khiến anh bị đẩy ra khỏi trường. Nhưng ở môi trường mới - môi trường quân đội, Tú vẫn tiếp tục khẳng định mình. Nhờ tài năng và khát vọng khoa học, Tú đã được cử đi học Đại học Quân y và anh đã trở thành bác sĩ giỏi. Anh được mọi người kính trọng, thương yêu và được đề bạt lên chức giám đốc bệnh viện Lục Khê. Quyền cao chức trọng dễ làm người ta thay đổi, tiền tài, của cải vật chất dễ làm mờ mắt con người. Nhưng anh vẫn sống tình nghĩa, vị tha với mọi người. Anh không ích kỉ, nhỏ nhen, ti tiện trả thù mối thù xưa với ông chủ nhiệm hợp tác xã đã một thời đày đọa gia đình anh. Không phút do dự, Tú đã cứu sống con ông chủ nhiệm hợp tác xã khiến vợ chồng ông cảm động. Tú còn tìm mọi cách để giải thoát cho Hánh (người thương binh bất hạnh) khỏi sự giam cầm tuyệt vọng trong nhà xác bệnh viện.

Nhân vật Hà Thế Quân trong *Gã ngược đời* cũng là một con người tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm với bản thân và cuộc sống của mình. Hà Thế Quân từng có một cuộc sống bất hạnh. Anh không được hưởng tình yêu của cha. Năm 11 tuổi anh bị mẹ bỏ rơi. Khổ cực là thế nhưng anh không đánh mất mình, không trở thành con người vô ích. Anh học rất giỏi và thi đỗ vào trường đại học với điểm số rất cao. Tốt nghiệp, anh được giữ lại làm giảng viên khoa trồng trọt của Trường Đại học nông nghiệp Đông Bắc. Không bằng lòng với vốn kiến thức đã có, anh luôn đi tìm hiểu thực tế để mở rộng tầm hiểu biết. Trong cuộc sống sôi động ồn ào của xã hội thời kì đổi mới, bạn bè của Quân có người đã lên nhà lầu cao, ti vi, tủ lạnh... còn Quân “*đến cái giường cũng không có, cái áo cho ra hồn cũng không. Ăn thì toàn rau, cháo...*”.

Say mê nghiên cứu khoa học nên từng giờ, từng phút đối với Quấn là vô cùng quý giá. Ngồi trong cuộc họp mà anh cứ sôi lên vì tiếc thì giờ: *“họp xong, anh vội vàng nuốt một cái bánh chưng và lao về phòng mở tập nghiên cứu về lai giống ra xem”* [16, Tr.46]. Để thực hiện được đề tài nghiên cứu về lai tạo giống bốn mùa trên đỉnh Khau Moóc, Quấn đã phải trải qua biết bao nhiêu gian khổ, hiểm nguy, đôi khi còn phải cận kề với cái chết. Nhưng cuối cùng người kỹ sư nông nghiệp ấy đã lên đến đỉnh vinh quang. Để đạt được vinh quang ấy Quấn đã hi sinh bản thân mình, quên đi cả tình yêu mà các cô gái dành cho anh. Niềm vui lớn nhất trong anh là say mê khám phá và sáng tạo khoa học.

Xây dựng nhân vật tốt đẹp như nhân vật Tú, Quấn nhà văn Vi Hồng muốn khẳng định: xã hội dù có thay đổi đến đâu thì xã hội ấy vẫn cần những con người sống lương thiện, thật thà, chất phác. Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa đủ, xã hội muốn phát triển lại cần những con người sống có lí tưởng, có sự đổi mới trong tư duy, trong suy nghĩ và hành động. Muốn ứng xử tốt với mọi người trước hết mình phải ứng xử có văn hóa với chính bản thân mình. Khi đó những điều tốt đẹp sẽ lan tỏa tới mọi người, tới xã hội làm cho môi trường sống trong lành, hạnh phúc.

Qua những nhân vật trí thức, ta nhận ra sự trăn trở của Vi Hồng trước một thực tế: Để chinh phục được tri thức, khoa học kỹ thuật, người trí thức miền núi phải vượt qua muôn vàn những khó khăn thử thách của cuộc sống và muốn thành công trong công việc, họ phải thực hiện bằng những hành động cụ thể. Khát khao quê hương được thay đổi, Vi Hồng đặt niềm tin và hi vọng vào đội ngũ trí thức trẻ tuổi tài năng sống trực tiếp ở những làng bản. Với trình độ học thức và sự hiểu biết, họ sẽ là lực lượng tiên phong để giúp dân bản thay đổi nhận thức và suy nghĩ lạc hậu của người dân nơi đây đã thành thâm căn cố đế. Cải tạo bản làng đưa quê hương miền núi bắt kịp với sự phát triển của miền xuôi luôn là sự mong mỏi đến cháy lòng của một nhà văn giàu tinh thần nhân đạo Vi Hồng.

2.2.2. *Mối quan hệ giữa con người với các giá trị văn hóa*

2.2.2.1. *Ý thức bảo tồn văn hóa*

Như chúng ta đã biết, Vi Hồng là nhà văn người dân tộc Tày sinh ra tại mảnh đất có truyền thống văn hóa, văn học dân gian lâu đời và đặc sắc. Ngay từ nhỏ, Vi Hồng đã được tắm mình trong suối nguồn dân gian quê mẹ Việt Bắc. Quá trình trưởng thành, Vi Hồng đã không ngừng sưu tầm, tích lũy những di sản văn hóa dân gian của các dân tộc, mà trước hết là của dân tộc Tày. Văn hóa dân gian như một mạch nguồn thấm sâu một cách tự nhiên vào tâm hồn nhà văn, khiến cho các tác phẩm của ông đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhà nghiên cứu Lâm Tiên nhận định: “*Người vận dụng văn hoá, văn học dân gian thành công phải kể đến Vi Hồng... Vi Hồng là nhà văn rất có ý thức tự giác để thể hiện được bản sắc văn hoá dân tộc trong tác phẩm của mình*” và “*Đối với Vi Hồng thì cái nguồn văn học dân gian luôn lôi kéo “tôi trở lại” để làm nên vẻ riêng trong sáng tác. Nên tác phẩm của ông chính là sự kết hợp chất trữ tình đậm đà của dân ca Tày với huyền thoại bay bổng trong truyện cổ tích, thần thoại.*” [46]. Có thể thấy, trong tiểu thuyết của mình, Vi Hồng đã đề cập đến rất nhiều sản phẩm tinh thần của văn hóa, văn học dân gian Tày - Nùng như *phong slur, then, sli, lượn*... lễ hội dân gian, phong tục, tập quán, tín ngưỡng... với mục đích trân trọng ngợi ca để người đọc có ý thức bảo tồn.

Phong slur (bức thư tình được viết bằng thơ) là một hình thức sinh hoạt văn hóa rất đẹp của người Tày. Cũng như các bài *lượn* đắm thắm, da diết, từ ngữ trong những bức *phong slur* ngọt ngào và sâu nặng. Đó là những từ “*mật*”, “*đường*”, “*cứ rót mật vào lòng người nghe*”. Sức mạnh đốt cháy lòng người của *phong slur* chính là từ những câu sắn có của kho tàng dân gian Tày kết hợp với sự sáng tạo của nhà văn. Mỗi một bức *phong slur* được xem như một tác phẩm nghệ thuật. Người viết *phong slur* được xem như là cây cầu “*nói mọi cặp lương duyên như nói ngày vào đêm, như sợi dây tơ hồng vô tình buộc cánh nhạn thắm với cánh én xanh*”. Nhân vật Hoàng trong cuốn tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* mang rất rõ dấu ấn, hình bóng cuộc đời của nhà văn. Như lời tâm sự của Vi Hồng, nội dung cuốn tiểu thuyết này chứa đựng đến bảy mươi phần trăm là sự

thực về cuộc đời ông. Những suy nghĩ, những lời nói, những câu chuyện kể về *phong slư* của nhân vật Hoàng cũng chính là những lời giới thiệu của Vi Hồng về nền văn hóa đặc sắc của quê hương Cao Bằng. Với Vi Hồng, "*Phong slư, văn thơ, nó không có chân tay, không gươm giáo mà nó mạnh hơn tất cả*" [23, tr.236] bởi nó chuyên tải được các cung bậc tình cảm: vui, buồn, yêu thương, hờn giận của con người, đặc biệt của những đôi lứa yêu nhau. Người viết *phong slư* đã gửi vào cánh thư mỏng tất cả tâm hồn mình để người thương đến được với người thương. Có thể nói, người viết "*có bao nhiêu ngọn lửa trong tim, bao nhiêu sức ấm của tấm lòng đều trút lên tờ Phong slư! Cho nên nghe mỗi câu trong tờ phong slư cứ sáng lên long lanh như những giọt sương sớm mùa xuân đọng trên những bông đào, bông mận. Câu đau, đau như dút từ da mà ra, câu buồn, buồn như tình yêu, câu mừng, mừng như đàn chim bay ra biển lớn bỗng gặp cây rừng*" [23, tr.235]. Nói về thể loại *phong slư*, nhà văn Vi Hồng không chỉ giới thiệu đến bạn đọc giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Tày mà ông còn khẳng định triết lí sâu sắc: "*Những người biết yêu phong slư, biết yêu những bài ca tha thiết thì những con người ấy không bao giờ có lòng hại người. Lòng họ chỉ ngọt ngào yêu thương*" [23, tr.291]. Chính vì giá trị lớn lao của *phong slư* mà Hoàng đã quyết tâm đi tìm để giữ gìn *mảnh hồn thiêng* của người cha để lại. Hơn thế. "*Tìm được bài phong slư ấy không chỉ là tìm đến riêng một mảnh hồn tuyệt vời mà còn là tìm đến một bài thơ cụ thể đẹp nhất của mừng ta. Chúng ta phải tìm bằng được. Và phải giữ lấy cho đất mừng*" [23, tr. 289-290]. Sự quyết tâm của Hoàng và Bằng phải tìm bằng được và phải giữ gìn bằng được những bài thơ đẹp của đất mừng hay là sự quyết tâm gìn giữ giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà văn Vi Hồng? Cách nhà văn Vi Hồng kể lại quá trình Hoàng và Bằng ngược xuôi đuổi bắt tờ *phong slư* cho ta thấy nhà văn rất trân trọng, gìn giữ và bảo tồn thể loại *phong slư*. Nhờ có những con người yêu mến, trân trọng và gìn giữ thể loại *phong slư* như Hoàng, Bằng, bác Phàn...chúng ta mới biết được giá trị và cái hay, cái đẹp của một thể loại văn học, văn hóa của người dân tộc thiểu số. Qua tác phẩm này, nhà văn muốn gửi tới bạn đọc bức thông điệp: trước những xô bồ của cuộc sống hiện đại con

người hãy tìm về với những giá trị truyền thống để tìm lại chính mình, để "được sống lại những ngày tươi trẻ, tràn trề hạnh phúc, yêu đương nồng nàn hay sự khổ đau đã từng dằm dề số phận. Bao nhiêu người đã khóc, cười lại cái tuổi hoa niên của mình, bao nhiêu người đã nhờ những bức phong thư đọc lại đó mà tình yêu và hạnh phúc gia đình được củng cố bền vững như chính những bức tường cổ được xây bằng mía mật trộn vôi" [23, tr. 236].

Bên cạnh phong thư thì những bài sli, lượn và then cũng là những sản phẩm tinh thần cũng không thể thiếu được đối với các dân tộc Tày - Nùng ở vùng núi Việt Bắc. Hầu như cuốn tiểu thuyết nào của Vi Hồng cũng nhắc tới điệu sli hay điệu lượn tha thiết của dân tộc mình như một niềm tự hào, hãnh diện về nó. Sli có nghĩa là "thơ", người Nùng dùng từ sli để chỉ toàn bộ dân ca mang tính trữ tình của họ cũng như người Tày họ dùng từ lượn để chỉ hầu như toàn bộ dân ca của mình. Sli, lượn được hát ở khắp mọi nơi, mọi lúc trong những phiên chợ, trong những ngày hội trên khắp các bản mường. Nó không chỉ dành cho những đôi nam nữ thanh niên yêu nhau mà từ người già và trẻ nhỏ đều biết lượn. Sli, lượn giúp con người biểu đạt tình cảm nam nữ hay đơn giản chỉ là họ cất lên một tiếng hát để xua tan đi mệt nhọc trong lao động. Tiếng lượn cất lên khi người ta yêu nhau:

*"Mây đi hết trời lại trong xanh
Mây đến chôn vùi cả thời gian làm nắm mộ màu xám
Người đông đến họp thành chợ
Người về bỏ chợ thành đất"* [27, Tr.30].

Tiếng lượn càng ngân nga lạnh lốt khi vụ mùa bội thu, cuộc sống no đủ, hạnh phúc:

*Đẹp nhiều chính sách Đảng ban hành
Đảng dạy chúng mình định cư
Cấy lúa chiêm, lúa mùa hai vụ
Ta sống đời no đủ từ đây "* [12, Tr.147].

Tiếng lượn cũng cất lên chua chát, buồn đau, thương cho số phận bạc bẽo của con người. Khi nàng Va Đáo bị viên tri châu bắt về, tiếng lượn như than như khóc:

*Hoa tiên nở lưng trời
Cây tiên trồng giữa đám mây năm sắc
Đóa hoa bằng chiếc ô rục rờ và ngọt ngào
Mong ong thiêng bướm quý đến đậu
Ngờ đâu lại bị lũ bọ hung đến vờn*

Trong phiên chợ Năm Cáp (*Phụ Tinh*), Thế Ru và Va Đáo là hai cây lượn làm "ngành người say mê", "từ ông già đến đứa trẻ, từ kẻ ăn cướp, ăn trộm đến những đứa con bị bố mẹ, họ hàng từ bỏ đều say tiếng lượn của chàng và nàng" [27, Tr.28].

Nếu người Kinh có hát Quan họ thì người Tày có hát Then với cây đàn Tính. Nhà văn ca ngợi những giá trị cao cả của tiếng hát then bằng những lời say đắm: "hay đến nỗi làm cho họ mi không dám hút, những đám mây hồng, mây trắng, mây ngũ sắc ấy ủ lầy mái nhà gia chủ để mà nghe tiếng hát tiếng đàn ngọt ngào, say đắm" [24, tr.80]. Lời then có nhiều khúc ca, mỗi khúc ca thể hiện những tâm trạng, cảm xúc khác nhau. Qua những khúc hát với những làn điệu hát then, con người có thể bày tỏ tâm tư, nguyện vọng của mình bằng những từ ngữ dễ hiểu, mộc mạc của người miền núi.

Rõ ràng, hình thức hát sli, lượn, then mang đậm bản sắc của vùng văn hoá Việt Bắc. Điều này đã phần nào phản ánh được tâm hồn lãng mạn yêu ca hát của người Tày nói riêng và đồng bào dân tộc Việt Bắc nói chung. Hiện nay, cùng với việc một số thể loại văn hóa dân gian của dân tộc đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể như: Nhã nhạc cung đình Huế, Đàn ca tài tử Nam Bộ, Dân ca ví - giặm Nghệ Tĩnh, dân ca quan họ Bắc Ninh, Ca trù, hát Xoan Phú Thọ thì việc bảo tồn các thể loại như sli, lượn, then của vùng đồng bào dân tộc thiểu số là rất quan trọng và cần thiết. Chính tác giả Vi Hồng trong cuốn *Sli, Lượn dân ca trữ tình Tày - Nùng* đã khẳng định: "Trước Cách mạng tháng tám (1945) dân tộc Tày, Nùng cũng như một số dân tộc khác, đời

sống văn hoá tinh thần không phần chán được vì giai cấp bóc lột muốn bóp chết những tâm hồn luôn muốn ca hát...Tuy vậy quần chúng Tày, Nùng ngày trước không bao giờ, không lúc nào chịu để cho tâm hồn mình cần cỗi theo năm tháng dài dặc vất vả nhiều khi còn vất vả trong khổ đau. Nhiều khi vì chính cuộc sống lao động nhọc nhằn, vật chất thiếu thốn, vì bị áp bức khổ đau... mà họ càng phải ca hát, cần ca hát...Ca hát để đi khỏi đau và bớt nhọc nhằn...” [46, Tr.5]. Hiểu được giá trị văn hóa tinh thần rất quan trọng đối với những người dân miền núi, nên trong các tác phẩm của mình Vi Hồng đã tái hiện một cách phong phú các hình thức hát *sli*, *lượn*, *then* của dân tộc mình. Hiện nay những điệu hát này vẫn tồn tại và phát triển. Điều đó là nhờ vào những trang tiểu thuyết của nhà văn Vi Hồng, nhờ vào những người đã ra sức gìn giữ, thổi hồn vào các điệu hát độc đáo này, họ đã có công đã lưu giữ và truyền lại cho những thế hệ con cháu.

Nói đến sinh hoạt văn hóa dân gian, nhà văn Vi Hồng không thể không nói tới các lễ hội. Người Tày, Nùng có rất nhiều lễ hội, song một trong những lễ hội được biết đến nhiều nhất là lễ hội Lồng Tồng (ngày hội Xuống đồng). Lễ hội Lồng Tồng ở Cao Bằng được mở từ giữa tháng Chạp, những năm hội lớn là năm kết hợp với lễ mời nàng trăng (Nàng Hai) “*Tin vui được loan đi khắp mọi nơi, mọi người trong, ngoài bản cùng đến dự. Những người khách mừng khác đến dự được “chủ nhà” đón tiếp, chào mời bằng những bằng những câu nói “lịch sự văn minh”, bằng những nụ cười “mời mẽ” nét mặt “tinh khôi”*”[46]. Lễ hội là dịp để mọi người gặp gỡ, làm quen. Những ngày diễn ra lễ hội người người, nhà nhà đều nô nức, vui tươi, phấn khởi: “*Hội Lồng Tồng (Xuống Đồng) của mừng Khoang Đông ba bốn năm mới có một lần tổ chức lớn, kéo dài năm ba ngày. Đó là những năm hội thật tưng bừng. Người từ các mừng khác bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc kéo đến nườm nượp. Trên trời có bao nhiêu mây trắng mây xanh thì dưới đất mừng Khoang Đông cũng ngần ấy con trai con gái... Ở Khoang Đông với những ngày hội Xuống Đồng, trai thanh gái lịch, trai nụ gái hoa, trai non gái trẻ mặt sáng như gương, mắt long lanh như hoa mi, môi đỏ chót như cánh hoa mạ, như quả nhót chín mọng...*”[29, Tr. 5]. Trong

ngày hội còn có rất nhiều những cuộc thi, những trò chơi và những món ăn độc đáo dành cho tất cả mọi người. Người lớn tham dự trò chơi tung còn, các cuộc thi bơi mảng, tung chài, bắt vịt trên sông, thi lượn... Trẻ nhỏ thi những trò bịt mắt cắn cầu, trò tập leo đuôi hổ. Các món ăn rất phong phú cho mọi người thưởng thức: món bánh áp chao với nhân thịt vịt vàng óng, thơm phức, món trứng nhuộm màu xanh đỏ, món bánh phở các loại, món trứng nhuộm màu xanh đỏ.

Đọc tiểu thuyết Vi Hồng chúng ta còn bắt gặp rất nhiều các phong tục, tập quán khác như: lễ mừng thọ (*Phụ tình*), nghi thức đám ma (*Đọa đày*), đám tang (*Đất bằng*), lễ khấn thần mùa màng (*Đất bằng*)... Hầu như ở tác phẩm nào Vi Hồng cũng dành những trang say sưa viết về sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán của quê hương với sự trân trọng ngợi ca những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tình yêu ấy của nhà văn đã truyền đến người đọc thông điệp về sự bảo tồn những giá trị nhân văn truyền thống mà ông cha ta để lại.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, câu hỏi làm thế nào để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống? Làm thế nào để “*hòa nhập mà không hòa tan*?” làm thế nào để giữ gìn môi trường sinh thái nhân văn cho “người với người sống để yêu nhau” càng đặt ra khẩn thiết hơn bao giờ hết. Với việc khơi dậy những giá trị văn hóa trên những trang tiểu thuyết của mình, nhà văn Vi Hồng muốn bạn đọc hãy giữ gìn và lưu truyền món ăn tinh thần ấy không chỉ trong đời sống sinh hoạt của người dân miền núi nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung mà nhà văn còn muốn giới thiệu đến với bạn bè quốc tế năm châu để mọi người biết đến một đất nước Việt Nam nhỏ bé mà giàu giá trị văn hóa.

2.2.2.2. Ý thức bài trừ hủ tục

Hủ tục là những tập tục lạc hậu cần phải loại bỏ để xã hội đi lên theo xu hướng tiến bộ xã hội. Trong nhiều tiểu thuyết của mình, nhà văn Vi Hồng cảnh báo con người trước những tệ nạn, những hủ tục lạc hậu đã đẩy người dân miền núi vào những đau đớn, bất hạnh khiến cuộc sống của họ ngày càng nghèo khổ, khốn cùng. Gắn bó tha thiết với con người và cuộc sống miền núi, lại trải nghiệm đến tận cùng nỗi đau cá nhân, Vi Hồng đã thể hiện rất xúc động nỗi

niềm xót xa, thương cảm cho thân phận con người trước những tệ nạn, hủ tục lạc hậu đã tồn tại bao đời nay trong đời sống của đồng bào miền núi. Tục hút thuốc phiện, tục ma gà, ma nguyên đã đẩy bao con người hiền lành vào cảnh ngộ thật thương tâm.

Người dân miền núi thường hay trồng cây thuốc phiện và sử dụng loại thuốc này rất phổ biến trong cuộc sống hàng ngày mà không hề biết tới sự nguy hiểm chết người mà nó mang lại. Nhiều người hút, nhiều đời hút nên tệ nạn nghiện hút thuốc phiện đã đẩy bao người vào cảnh khốn cùng. Người Tày có câu: *“Cái lỗ tẩu thuốc phiện nhỏ bằng hạt đỗ xanh mà hàng trăm đám ruộng rẫy to bằng nửa ông trời, trăm trâu mộng đều chui qua cái lỗ đó một cách nhanh chóng như một giấc mơ”* [22, tr.81]. Ai đã dính vào nạng tiên nâu này thì khó có thể dứt ra được. Khi cửa cải trong nhà đã chạy hết vào cái lỗ tẩu, con nghiện sẵn sàng “bán vợ đợ con” để thỏa mãn những thèm khát bản năng. Đàng (Vãi Đàng) người con gái dân tộc Tày xinh đẹp là nạn nhân khốn khổ do hủ tục hút thuốc phiện gây ra. Gia đình Đàng vốn giàu có nhất tổng Rì, nhưng vì bố cô nghiện thuốc phiện nên cửa cải, nhà cửa cứ thế mà biến mất. Giờ đây Đàng phải đi hái lá “toong mản” để kiếm sống. Toàn bộ gia sản của Kin Xa (Dòng sông nước mắt) cũng chui vào hết cái lỗ tẩu. Người vợ xinh đẹp mà hấn đã phải tốn bao nhiêu công sức mới chiếm đoạt được hấn cũng sẵn sàng *“đem đi gạ gẫm cho chín thàng, mười lão xem ai giả được đất giá hơn thì bán”*.

Đọc tiểu thuyết *Mùa hoa bioóc loong* chúng ta bắt gặp những người con gái xinh đẹp, giàu tình người nhưng lại bị rơi vào hoàn cảnh cay đắng vì bị bản mường vu là con ma gà. Họ cho rằng những con ma gà quanh người mọc đầy *“những gai nhọn, gai móc móng cú...thường nhập vào người khác để vùi vĩnh các thứ như thịt, rượu, các thức ăn khác... Người bị nhập óm nhiều, cũng có thể óm rồi chết”* [29, Tr.135]. Đàng trong tiểu thuyết *Vãi đàng* cũng bị vợ chồng phó tổng Vọi vu cho nhà Đàng là ma gà khi cô cự tuyệt làm vợ bé của hấn. Cái tin bị ma gà khiến cả nhà cô bị xa lánh, xua đuổi. Để thoát khỏi bi kịch oan nghiệt này, cả nhà Đàng phải bỏ mường ra đi. Đàng buộc phải chia tay với Hinh - người mà cô yêu tha thiết. Gia đình Đàng phải trốn vào rừng sâu để bắt đầu một

cuộc sống mới. Tuy nhiên bi kịch lại xảy đến với cuộc đời Đàng một lần nữa. Đàng bị bắt làm vợ lẽ Tổng Nhự. Trong lễ đầy tháng con của Đàng, Tổng Vọi cũng được mời đến, hấn nhìn thấy Đàng và kêu lên “*Con Đàng, con ma gà từ quê tao chạy đến đây! Nó là con ma gà, các quan ơi*” [13, Tr 59]. Sau đó Đàng bị xích chân vào mảng thả bè trôi sông trong sự khinh bỉ của dân làng: “*Thỉnh thoảng thấy mấy người gánh củi, vác cây chuối rừng, có người đi qua nhìn thấy mảng ma vướng vào đó, họ nguyện rửa, nhỏ khạc... họ sợ con ma gà có thể lên bờ vào bản* [13, Tr.70]. Nguyên nhân khiến Đàng phải chịu đựng nỗi đau chồng chất này chính là sự độc ác của bọn thống trị miền núi và tư tưởng cổ hủ lạc hậu của những người dân miền núi một thời. Chàng Mi Tráng khỏe mạnh, thông minh và nàng Thu Lạ xinh đẹp, giàu tình người trong tiểu thuyết *Mùa hoa bioóc loong* cũng là những nạn nhân khốn khổ của hủ tục ma gà. Là người hiểu biết sâu sắc mọi mặt đời sống của đồng bào miền núi, Vi Hồng đã đau xót chỉ ra rằng: “*Ma gà cũng như bao nhiêu loại ma quỷ khác, đó chỉ là kết quả của một quá trình lâu dài văn hóa không phát triển, xã hội tù túng giữa những thung lũng, tầm mắt của con người không vượt được những cái núi cao ngất mây phủ bốn mùa*” [29, Tr. 77].

Đọc tiểu thuyết *Đất Bằng*, chúng ta bắt gặp một hủ tục khác, đó là hủ tục ma nguyện. Câu chuyện bắt đầu từ lời nguyện về cánh đồng Đin Phiêng. Vì trời đại hạn nước không đủ tưới cho cánh đồng cả hai bên nên đã xảy ra mâu thuẫn giữa hai dòng họ Sầm và họ Nông. Họ tháo trộm nước của nhau, rình rập nhau. Xanh bị nghi là tháo nước trộm và bị họ Sầm đánh. “*Hai bản, hai bên, hai họ đánh nhau loạn xạ khắp cánh đồng. Trời sáng dần. Người bị thương nặng, người chết nằm rải rác. Đàn bà trẻ con kêu khóc thảm thiết...*” [12, Tr.29]. Từ đó Đin Phiêng chia làm hai nửa Đin Phiêng phải và Đin Phiêng trái. Hai bên không qua lại với nhau, tình yêu đôi lứa cũng bị chia cắt. Đau xót trước cái chết của chồng, “*Mẹ Xanh ra đồng Đin Phiêng, vừa đi vừa thề trời làm cho cả cánh đồng mệnh mông của hai họ trở thành cánh đồng ma*”, “*Hồi con ma có cánh, tóc trên đầu có ngọn lửa đuốc, đầu nhọn như hoa chuối, răng chắc như mũi kim và cong như răng liềm, hấy về đây rút gân, móc mắt những người ra làm*

ruộng Đin Phiêng. Ôi ông thần ngày xưa đã nằm giữa trên cánh đồng này hãy về đây thu lại ruộng đất của thần. Người hãy ngăn cấm trai gái hai bản, hai dòng họ đời đời không bao giờ được nên chồng vợ..." [12, Tr.122]. Sau lời nguyện ấy cánh đồng Đin Phiêng màu mỡ lại bỏ hoang trở thành cánh đồng "chết chóc". Họ tin là có "ma nguyên" khiến cả bản bỏ Đin Phiêng không ai dám ở.

Hủ tục ép duyên cũng được nhà văn Vi Hồng phản ánh qua các nhân vật: Hoàng (*Tháng năm biết nói*), Đàng (*Vãi đàng*), Xiêm, Thu Khoan, Lệ Hà (*Dòng sông nước mắt*). Hoàng trong tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* là một chàng trai tốt bụng tài giỏi. Ở Hoàng hội tụ đầy đủ mọi phẩm chất cao đẹp của người con dân tộc Tày. Nhưng cuộc đời Hoàng thật bất hạnh. Mất cha từ lúc còn nhỏ tuổi, mẹ đau ốm liên miên. Ước mơ lớn nhất của cuộc đời Hoàng là được đi học. Nhưng mẹ Hoàng ra điều kiện: nếu lấy vợ thì sẽ được đi học. Người Hoàng phải lấy là người đàn bà vừa già vừa xấu lại chua ngoa đánh đá, ngu dốt. Chuỗi những ngày tháng đầy đau thương và nước mắt Hoàng rơi vào tâm trạng cô đơn, buồn nản đến cùng cực: "*Nỗi buồn, kiếp buồn của Hoàng nó hiện về bằng hình ảnh cụ thể có khi bằng xương bằng thịt hằn hoi. Đó là người đàn bà có hai hàm răng ba ba. Người đàn bà ấy hiện về trong nơi sâu thẳm của tâm tưởng Hoàng, nó nói cười, nó rít những tiếng ghê sợ, nó phun những tiếng thô tục, rồi nó biến thành những con diều hâu lớn... Nó quắp, nó móc, nó đào bới tan nát, nhàu nhoẹt ruột gan của Hoàng... Ôi bao sức lực của tuổi thanh xuân Hoàng đã để chống chọi, vật lộn với cái hình ảnh hiển hiện đó như một món nợ truyền kiếp của số phận...!*" [23, Tr.186-187]. Hoàng đòi ly dị vợ để làm lại cuộc đời nhưng mẹ Tẹo đã dứt lốt quan tòa, sắp đặt khiến Hoàng không thể nào thoát ra được. Quả là một bi kịch đau đớn.

Đọc tiểu thuyết Vi Hồng, chúng ta nhận thấy cuộc sống của đồng bào miền núi rất nghèo khổ, thiếu thốn. Nguyên nhân chính là do những thói quen sống đơn giản, ít chịu suy nghĩ của họ gây nên. Đọc tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* ta gặp nhân vật Thìm, một kẻ dốt nát lại lười lao động, luôn đi ăn cắp và ăn xin. Hắn cũng không cần biết đến tri thức, học hành. Cứ mỗi lần thấy Hoàng

chăm chỉ ngồi học thì thằng Thìm lại xui mấy đứa cháu của nó hét lên những câu ca thể hiện sự ngu muội. Nó mở giọng và bắt nhịp: “*dốt chữ, dốt nghĩa bỏ chặt thóc, giỏi chữ, giỏi nghĩa bỏ rỗng tuếch*”. Cách nghĩ không cần học, không làm mà vẫn có ăn quả thật chỉ có ở những con người ngu dốt, đần độn. Đây là cách nghĩ sai lầm và lạc hậu khiến chính những con người miền núi “*tự buộc chân, tự quàng dây*” đời mình và đời con cháu mình vào cuộc sống tăm tối, u mê và lạc hậu. Chúng ta còn bắt gặp lối suy nghĩ, lối sống đơn giản này trong tiểu thuyết *Chồng thật vợ giả*. Người dân mừng Nà Lạn có cuộc sống thật giản đơn đến mức *gày gò, mèn vẹt, cần cỗi*: “*mọi người đều nghèo như nhau, cho nên họ chẳng buồn vì nỗi nghèo. Một thời ấy, những năm tháng ấy chỉ có người nghèo mới là đẹp - càng nghèo càng trở nên con người trong sáng*” [24, Tr. 39]. Hay sự ngây thơ trong suy nghĩ của Tô Ngân khi cho rằng: “*Trong xã hội này những người càng nghèo bao nhiêu thì càng tốt đẹp bấy nhiêu. Những người bán nông, cấy nông mới thực sự được xã hội yêu quý*”. Nói đến những hủ tục lạc hậu của người dân miền núi, văn chương Vi Hồng tràn ngập nỗi niềm ưu tư, lo âu cho thân phận con người. Sáng tác của ông đã khẳng định một thực tế xót xa ở miền núi: Chính vì sự kém văn minh của một xã hội ít học hành đã đẩy con người vào biết bao đau khổ, và “*đau khổ chồng chất lên đau khổ là nguyên nhân chính níu xã hội chậm phát triển*”.

Tuy nhiên nhà văn cũng đặt niềm tin vào những con người trí thức, những con người tiến bộ sẽ giúp người dân nơi đây loại bỏ những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan để dần dần đưa làng bản tiến lên văn minh thời đại. Mạnh Kha, Mi Tráng trong *Mùa hoa Bioóc loong* chưa bao giờ tin có thứ ma gà. Đây là lời của Mạnh Kha an ủi Thu Lạ - một người con gái ma gà ở mừng Khoang Đông: “*Em đừng khóc! Ma gà cũng như bao nhiêu loại ma quỷ khác, đó chỉ là kết quả của một quá trình lâu dài văn hóa không phát triển, xã hội tù túng giữa những thung lũng, tầm mắt của con người không vượt được những cái núi cao ngất mây phủ bốn mùa. Chúng ta phải yêu nhau và để thấy xã hội dần dần trở nên văn minh hơn. Ánh sáng văn minh đi đến đâu thì ma quỷ chạy tan tác đến đó*” [29, Tr.77]. Còn đây là những câu nói của Mi Tráng với Thu Lạ: “*Chúng ta*

không thể bị quan em ạ. Chúng ta phải là những con người đầu tiên đấu tranh giành lại giá trị đích thực cho những người có số phận như chúng ta. Chúng ta đấu tranh để bao giờ cải tạo được, lật ngược được cả cái quan niệm của bản mường, của đời sống người Tày mới thôi. Họ nói: “gái đẹp, gái ma gà! Không! Gái đẹp là bông hoa rục rờ, ngát lòng hương của núi rừng. Con trai xinh đẹp cường tráng là ngọn lửa bất diệt của quê hương. Ngọn lửa thiêu đốt mọi kẻ thù, ngọn lửa sưởi ấm cho tất cả mọi người, mọi thứ của quê hương. Chúng ta phải làm cho: “Tất cả mọi con trai con gái, đều là hoa là trái của rừng” [29, Tr. 87]. Cả Mạnh Kha và Mi Tráng đã nhận thấy rằng hủ tục ma gà là do quá trình lâu dài văn hóa bản mường không phát triển. Xã hội tù túng, tầm mắt của người dân nơi đây bị bao phủ bởi mây che, núi cao nên họ mới có suy nghĩ ấu trĩ như vậy. Chúng ta cũng nhận ra được sự quyết tâm trong giọng nói của Mi Tráng phải đấu tranh để cải tạo quan niệm lạc hậu của mường Khoang Đông. Mi Tráng đã tìm ra cách để giúp những người mang tiếng ma gà khỏi bất hạnh, giúp bản mường phát triển văn minh: “Công việc đầu tiên và quan trọng bậc nhất là tất cả mọi gia đình mang tiếng là có ma gà phải làm giàu. Làm giàu bằng được. Đó là điều kiện tiên quyết để chúng ta tiến công vào dư luận, những nhận thức lạc hậu... Chính sự kém văn minh của một xã hội ít học hành, ít hiểu biết đã đem lại thêm cho con người bao nhiêu là đau khổ. Đau khổ chồng chất lên đau khổ, là nguyên nhân chính níu kéo xã hội chậm phát triển! [29, Tr. 87].

Đáp, Huế, Nhìn, Bền trong *Đất bằng* cũng là những con người như thế. Họ dám đứng lên chống lại những tập tục lạc hậu ở nơi đây. Họ đã vận động cả mường ra xây dựng tập thể cùng nhau làm ăn. Anh Đáp ở bên Đin Phiêng - trái chưa bao giờ tin vào chuyện ma quỷ. Điều đó thể hiện trong lời nói dứt khoát của anh: “Ma quỷ gì! Toàn chuyện lừa dối nhau để ăn thịt gà cơm nếp thôi! Tôi thấy rằng những người vẫn còn nặng mê tín không phải tất cả là u mê, những người làm nghề mê tín không phải tất cả đều lừa lọc” [12, Tr.124 - 125]. Nhìn cũng vậy, chị không tin vào ma quỷ, giọng chị rất nghiêm chỉnh: “Các bạn ạ,

chúng ta cần bàn đến ngày sắp tới của Đin Phiêng. Mỗi khi tôi nghĩ đến Đin Phiêng tôi làm việc không biết mệt...Ta sẽ tháo hết các phai, những cái phai đã tạo ra con ma nguyên mang đáng nguyên rửa kia. Từ nay trở đi chỉ có một bản Đin Phiêng, không có Đin Phiêng phải, không có Đin Phiêng trái!” [12, Tr.126].

Bên cũng rất hăng hái: *“Công việc định canh, định cư nhân dân học tập đã kĩ, đã hiểu. Nhưng người ta vẫn sợ ruộng ma nguyên nên không đi làm. Cho nên tôi thấy cần đánh tan con ma trong những cái đầu u mê !” [12, Tr.129].*

Suy nghĩ của Vàng Khao trong *Chồng thật vợ giả* thật tiến bộ: *“dù sao con người cũng phải ăn ngon mặc đẹp thì mới là con người. Nghĩa là đã làm người thì cuộc sống phải giàu có. Nếu không thì chẳng khác gì những con vật”.*

Sự ngây thơ trong suy nghĩ của Tô Ngân càng làm nổi bật sự táo bạo trong suy nghĩ của con người thời đại mới như Vàng Khao. Anh luôn nghĩ rằng muốn cuộc sống tốt đẹp và xã hội phát triển thì tất cả những con người chân chính có đạo đức đều phấn đấu trong suy nghĩ và hành động. Con người phải làm cho mình giàu có và văn minh. Vì thế để giải thích cho em gái là Tô Ngân hiểu được chúng ta là những con người giả dối hay thật thà anh đã khẳng định: *“Chúng ta sống được một mẫu đời với những ngày rất chân thật với mình và rất thật thà với mọi người. Từ đây về sau chúng ta vẫn sống theo phương châm như thế. Sống chân thực với mình và thật thà với mọi người là phương châm sống đẹp đẽ nhất. Nhưng quan niệm về cách sống đó cũng phải linh hoạt.” [24, Tr.137].*

Phương châm sống *“Sống chân thực với mình và thật thà với mọi người là phương châm sống đẹp đẽ nhất”* của Vàng Khao cho ta thấy hiện lên một con người thời đại mới không chỉ có tài mà còn có đức. Xây dựng nhân vật Vàng Khao nhà văn Vi Hồng muốn khẳng định: giá trị ở mỗi con người là ở đạo đức, nhân cách. Phải có những con người chuyển mình trong tư tưởng như Vàng Khao - con người dám nghĩ, dám làm - mới dẫn đến sự vận động của xã hội và sự tiến lên của loài người.

Có thể thấy, viết về những hủ tục của đời già, “*đời cũ kĩ*”, nhà văn Vi Hồng đã phơi bày nỗi thống khổ của người dân lao động miền núi và hơn thế

nhà văn đã chỉ ra con đường dẫn tới sự khổ đau ấy là do trình độ văn hóa thấp kém, do người dân miền núi đã bao nhiêu năm dài bị trói buộc trong bức thành trì của những tập quán cổ hủ, lạc hậu. Vì vậy nhà văn trông chờ vào đội ngũ những người con ưu tú của bản mường đổi mới trong tư duy, xốc vác trong hành động sẽ giúp những người dân miền núi bài trừ những hủ tục lạc hậu. Chỉ có như vậy mới giúp quê hương phát triển và mỗi người được sống trong môi trường lành mạnh với các giá trị văn hóa tốt đẹp để đi tới những giá trị chân - thiện - mỹ của cuộc sống.

Tiểu kết

Nhà văn Vi Hồng đã thể hiện sự quan tâm khá sâu sắc tới các vấn đề sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn. Thiên nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng mang rõ đặc trưng của núi rừng Việt Bắc với vẻ đẹp vừa trữ tình nên thơ vừa hùng vĩ dữ dội. Thiên nhiên ấy luôn gắn bó giao hòa với con người, nhưng trong những điều kiện cụ thể, nhiều khi con người hờn nhiên gây sự với thiên nhiên mà không lường trước được những hậu quả nghiêm trọng sẽ xảy ra do chính những hành động của mình. Vi Hồng thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời cũng lên tiếng cảnh báo con người trước những hiểm họa do con người gây ra khi tự tàn phá môi trường sinh thái của chính mình.

Yêu thương, đồng cảm với nỗi đau của những con người bất hạnh trong cuộc đời; đấu tranh chống cái xấu, cái ác; trăn trở tìm về với những giá trị văn hóa truyền thống; bài trừ các hủ tục lạc hậu; trân trọng nâng niu những khát vọng nhân bản của con người... Đó là những vấn đề cốt lõi được biểu hiện qua sinh thái nhân văn trong tiểu thuyết Vi Hồng. Những giá trị này khơi gợi về tình yêu thương con người, về sự trân trọng những vẻ đẹp văn hóa truyền thống, đồng thời lay tỉnh lương tâm những con người còn đang sống trong sự giả dối, lừa lọc, chà đạp lên những giá trị tốt đẹp để thỏa mãn nhu cầu ích kỉ cá nhân, vụ lợi. Đây cũng chính là mong ước của nhà văn về một xã hội mới giàu đẹp công bằng dân chủ, văn minh.

Chương 3

MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN VẤN ĐỀ SINH THÁI TRONG TIỂU THUYẾT VI HỒNG

3.1. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên

3.1.1. Miêu tả thiên nhiên như một khách thể thẩm mỹ độc lập

Vi Hồng là nhà văn có biệt tài trong việc miêu tả thiên nhiên, ông miêu tả thiên nhiên không chỉ để người đọc cảm nhận vẻ đẹp bên ngoài vốn có của nó, mà qua thiên nhiên nhà văn còn giúp người đọc thấy được đặc trưng môi trường sinh thái của đồng bào miền núi Việt Bắc. Thiên nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng dù là thơ mộng, hữu tình hay hoang sơ, hùng vĩ cũng luôn được nhà văn quan sát rất kĩ và miêu tả thật chi tiết, sinh động tạo ấn tượng sâu đậm với người đọc về vẻ đẹp quê hương Việt Bắc, từ đó gợi nên sự thích thú khám phá của bạn đọc về một vùng đất xa xôi nhưng sơn thủy hữu tình.

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng thiên nhiên hiện lên trước hết như một khách thể thẩm mỹ độc lập rất gần gũi, gắn bó với cuộc sống của đồng bào miền núi. Để làm nổi bật vẻ đẹp sơn thủy hữu tình và tràn đầy sức sống của thiên nhiên Việt Bắc, Vi Hồng đã sử dụng tài tình nhiều thủ pháp nghệ thuật như: so sánh, liên tưởng, nhân hóa, phóng đại... trong đó, thủ pháp so sánh được nhà văn sử dụng với tần xuất cao. Dường như sự vật nào cũng được nhìn trong quan hệ so sánh, làm cho đối tượng được miêu tả luôn sinh động, gợi sự liên tưởng phù hợp với cách nói, cách tiếp cận của đồng bào miền núi. Với biện pháp so sánh, thiên nhiên trong tiểu thuyết của Vi Hồng trở nên dễ hình dung hơn, đẹp hơn, lung linh hơn trong trí tưởng tượng của độc giả.

Đọc tiểu thuyết của Vi Hồng ta sẽ thấy hình ảnh *con sông* và *dòng thác* ở núi rừng Việt Bắc với những đặc trưng riêng của nó hiện lên qua biện pháp so sánh thật gần gũi và sinh động: “*Dòng Chín Thoong nước đang kéo màu chàm, con nước còn mạnh, nhưng nước đã trong vắt, màu nước xanh biếc như tàu lá dong độ con gái. Những đàn cá giữa “ghét đá”, ăn bùn ở thác cuối vực Chín Thoong trắng như ai vãi trăm nghìn bông hoa lấp chìm xuống đáy thác. Nhìn những đàn cá đủ các cỡ to nhỏ vừa giống như một bãi hoa lại vừa giống như*

trăm nghìn vì sao lấp lánh, nhấp nháy giữa bầu trời xanh mênh mang” [23, Tr. 18]. Bằng đoạn văn ngắn nhưng tác giả đã sử dụng khá nhiều hình ảnh so sánh để làm nổi bật các phương diện cần miêu tả của con thác: màu nước, sắc nước, sức mạnh của nước... Đặc biệt so sánh thác Chín Thoong như *tàu lá dong độ con gái* - tức là lá dong đang ở độ bánh tẻ, đang thời kì đẹp nhất, tràn trề sức sống nhất khiến người đọc có thể dễ dàng tưởng tượng ra mức độ *xanh biếc* của màu nước, cũng như cảm nhận rõ nét sự đẹp đẽ của dòng thác Chín Thoong. Trong *Núi cỏ yêu thương*, Vi Hồng lại so sánh dòng thác với hình ảnh *trăm nghìn con ngựa bắt kham* khiến người đọc có thể tưởng tượng ra sự dữ dội nguy hiểm của thiên nhiên nơi đây: “*Dòng Nậm Đáo chảy từ nước lớn bên kia sang. Mùa lũ nó hung dữ như trăm nghìn con ngựa bắt kham, tung bồm lao xuống. Những người đứng cạnh thác như óc ù tai vì tiếng réo của nó*”. Nhưng cũng là dòng Nậm Đáo mà có khi lại hiện lên thật hiền hòa, mềm mại, dịu dàng với màu nước thật đẹp: “*Dòng sông mềm mại giống tấm vải xanh uốn lượn...Chân thác là một vực rộng nước thẳm như một vại chàm khổng lồ. Dòng sông mềm mại giống tấm vải xanh uốn lượn trăm khúc ôm ấp lấy cánh đồng*” [14, Tr.4].

Miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ, nhà văn Vi Hồng thường sử dụng các động từ mạnh kết hợp với thủ pháp so sánh. Đây là âm thanh thác Chín Thoong: “*Từ trên trời đổ cái tiếng ầm ào của nó xuống...Ở bản gần thác thì nó gào thét...Cái tiếng rừ rừ, ầm ầm làm cho người ta tưởng như trên trời kia có cuộc lao động khẩn trương. Tiếng thác như tiếng ông trời thở, vì làm lung mệt nhọc*” [23, tr. 38] hay thác Thuồng Luồng: “*Thác Thuồng Luồng réo, sóng cuộn có màu đỏ như máu, đen như mực*”, thác ngựa Hí: “*réo như sấm vang sấm rền nước hồng hộc bốn phía. Thuồng luồng, giao long đánh lệnh, đánh chiêng làm ma, làm chay...*” [13, Tr.69 -70]. Âm thanh của gió như muốn làm rung chuyển núi rừng: “*Ngoài trời gió thổi ào ào. Gió núi từng đợt, từng trận lăn đi cuộn cuộn đập ào vào vách đá này, đánh ầm vào vách đá kia, hú gọi ả gỡ đá nọ...Gió miết qua các vách đá, rú rít, ào ạt như quyết mài mòn cả trăm vách đá...Gió quàn quại trên mái lá*” [19, Tr.197]. Hàng loạt động từ và tính từ mạnh miêu tả âm thanh của thiên nhiên: *ầm ào, gào thét, rừ rừ, ầm ầm, réo, hồng hộc, ào ào,*

đập, đánh, miết, rú rít, ào ạt, quần quai... làm tăng thêm sự hoang sơ, dữ dội của sinh thái tự nhiên miền núi. Chính môi trường sinh thái ấy là điều kiện thử thách ý chí và nghị lực để người dân miền núi Việt Bắc vượt qua những khó khăn, vất vả trong cuộc sống.

Cùng với việc sử dụng tài tình thủ pháp so sánh, Vi Hồng còn khéo léo kết hợp sử dụng các từ ngữ miêu tả như: tính từ, động từ...nhằm khắc họa những hình ảnh thiên nhiên nhiều màu sắc và đầy sức hấp dẫn. Ánh nắng là một chi tiết nghệ thuật được Vi Hồng miêu tả rất kĩ. Ánh nắng xuất hiện ở hầu hết các cuốn tiểu thuyết của Vi Hồng, mỗi lần xuất hiện nắng lại mang một tính chất, màu sắc và hình khối khác nhau. Nắng mùa xuân vừa mang sắc vàng tươi: “*Ánh nắng chiều đầu xuân vàng tươi, trong vắt, rửa sạch lưng ông trời* [12, Tr.97] vừa mang sắc vàng xuộm: “*Nắng tháng giêng vàng xuộm, lát mỏng trên những cành cây...Khu rừng trở nên quang quẻ, óng ánh*” [12, Tr.107]. Nắng cuối thu có cái gì đó thật dịu ngọt như một chất men: “*Chiều cuối thu nắng ngọt như mật, làm sáng bừng lên những mái rừng, từng vách đá* [23, Tr.22]. Nắng mùa đông hiện lên không nhạt nhòa, kém sắc mà ngược lại nó thật rạng rỡ: “*Cái nắng hiện ra rạng rỡ mát rượi vắt ngang qua đèo. Nắng mềm mại như một tấm lụa vàng không lồ trải bập bênh xuống tận đáy các thung lũng và ngược các sườn non*” [19, Tr.188]. Việc sử dụng một loạt các tính từ như: *vàng tươi, vàng xuộm, nắng ngọt, nắng mềm mại...* cho ta thấy nhà văn Vi Hồng đã bắt giữ được nhiều khoảnh khắc nắng đầy biến ảo qua các mùa trong năm.

Vẻ đẹp của nắng không chỉ được miêu tả qua các tính từ mà nó còn hiện lên với nhiều sắc thái khác nhau qua thủ pháp nhân hóa và phép lặp trong cấu trúc lời văn. Trong *Tháng năm biết nói*, cái nắng trên dòng thác Chín Thoong được tác giả miêu tả sống động đến mức ta tưởng như cái nắng Việt Bắc đang hiện hiện ngay trước mắt: “*Nắng rờ rờ. Trăm con sóng bắt lấy ánh nắng làm thành nghìn chiếc gương nhoang nhoáng chạy xuống thác ào ạt. Nắng nằm sõng soài trên các sườn núi núi đá quanh co. Nắng vắt vẻo trên từng ngọn cây của mọi cánh rừng. Nắng nằm uơn trên mặt vực Chín Thoong như chiếc chiếu vàng không lồ trời vừa thả xuống*” [23, Tr. 18]. Những câu văn miêu tả liên hoàn mang

đầy hình ảnh, đầy sự vận động của ánh nắng. Đoạn văn có năm câu thì từ “*nắng*” được điệp lại năm lần khiến người đọc có cảm giác ánh nắng đã bao trùm, tràn trề tuôn chảy khắp bản mường Chín Thoong. Hàng loạt các động từ: *nằm sông soài, vắt vẻo, nằm uơn* khiến nắng hiện lên như một sinh thể có hồn. Nắng được nhân hóa có lúc như một chú bé tinh nghịch: *Nắng nằm sông soài trên các sườn núi, nắng vắt vẻo trên từng ngọn cây*, có lúc lại như một cô gái ngủ ngày không muốn dậy: “*Nắng nằm uơn trên mặt vực Chín Thoong*”. Phải là người quan sát tỉ mỉ và kĩ lưỡng thì Vi Hồng mới có thể miêu tả vẻ đẹp của nắng thật hay và tinh tế đến thế!

Miêu tả trăng nhà văn Vi Hồng sử dụng nhiều tính từ. Trăng là hình ảnh được miêu tả trong rất nhiều cuốn tiểu thuyết của Vi Hồng. Sự xuất hiện của trăng không chỉ tạo nên bức tranh thiên nhiên Việt Bắc thơ mộng mà nó còn thể hiện sự gắn bó, giao hòa với cuộc sống con người nơi đây: “*Trăng trải lên các mái rừng cứ như dát vàng, dát ngọc lên sườn núi. Trăng sáng xanh rười rượi*” [19, Tr. 133]. Nếu ánh nắng chan hòa và làm bầu bạn với người dân miền núi vào ban ngày thì ánh trăng đêm đêm nơi đây lại căng tràn sức sống, tràn ngập trên các nóc nhà và chứng kiến cuộc sống của người dân nơi đây: “*Ánh trăng tràn ngập núi rừng... Trăng đổ ánh sáng vàng rực xuống mái nhà lá giữa thung sâu rừng rậm... Trăng bình bình đầy ấp thung lũng dưới nhà*” [19, Tr.138]. Sử dụng các động từ: *trải, dát, tràn ngập, đổ, bình bình, chan chứa*...nhà văn giúp người đọc không chỉ nhìn ngắm được vẻ đẹp của trăng mà còn được đắm chìm, tan hòa trong không gian trăng bởi “*Trăng sáng xanh đến lạnh cả trời*” [19, Tr. 138]. Trăng trong *Đi tìm giàu sang* còn được nhân hóa thành cô gái tuổi trăng rằm: “*Đêm nay trăng sáng quá. Trăng Cửa Rừng, trăng rất gần. Nàng trăng rằm cứ tỏa bộ mặt ngời ngời xuống Cửa Rừng. Ánh sáng của nàng trăng đêm nay làm cho người ta có thể nhìn thấy cái kim rơi ở ngoài sân.*” [25, Tr. 142]. Từ *trăng* được điệp lại đến năm lần trong đoạn văn ngắn. Câu cảm thán kết hợp với những câu văn ngắn làm cho nàng trăng rằm có vẻ rụt rè, e ngại khi sà xuống cửa rừng, vui cùng với cuộc sống của đồng bào miền núi.

Miêu tả về hoa rừng Việt Bắc nhà văn cũng sử dụng nhiều tính từ. Trong đó ông hay miêu tả sắc trắng của hoa trắng nõn nà, trắng muốt, trắng bong: “*Những cây mận, rừng mận cũng đổ hết màu trắng, trắng nõn nà, trắng lóa cả ánh nắng ngày xuân* [23, Tr.292]. Hoa mác bát cũng vậy: “*Bên kia bờ Chín Thoong là cây mác bát lại một lần nữa ra hoa. Cây mác bát xòe tán rộng, tròn xoe trắng muốt như một cái lọng khổng lồ... Hoa mác bát trắng bong, trắng nõn nà, lá cây của mác bát mỏng mỏng, như láng mỡ, quét dầu. Hoa Bioóc loong thì “trắng muốt thơm ngào ngạt cả vùng”* [12].

Thiên nhiên tươi đẹp, hữu tình là thế. Thiên nhiên sẽ chia, thiên nhiên bầu bạn là thế, nên khi thiên nhiên bị tàn phá, hủy hoại làm sao người con ưu tú của núi rừng Việt Bắc không trăn trở, băn khoăn. Miêu tả cảnh rừng Đin Phiêng bị “xẻo thịt”, Vi Hồng thể hiện nỗi niềm đau đớn xót xa trước vẻ đẹp của thiên nhiên bị con người tàn phá. Rừng núi đại ngàn đang ngày ngày bị con người khai thác quá mức: “*Tiếng búa, tiếng rìu chan chát, đôm đốp. Rừng đại ngàn sôi réo như một cái thác lớn. Một loạt cây đến lượt chặt sắp đổ. Tiếng cây đổ kéo dài cuộn cuộn đập vào vách đá, dội xuống mặt đất...*” [12, Tr. 143]. Một loạt các động từ và tính từ miêu tả âm thanh và hình ảnh: *chan chát, đôm đốp, sôi réo, rung, vỡ vụn, cuộn cuộn, dội...* cho thấy sức tàn phá khủng khiếp của con người với thiên nhiên. Âm thanh sôi réo của khu rừng hay chính là âm thanh kêu cứu của thiên nhiên?

Từ láy cũng được nhà văn Vi Hồng sử dụng rất tài tình. Ở mỗi hình ảnh thiên nhiên nhà văn lại sử dụng những trường từ láy khác nhau để miêu tả thật trùng vẻ đẹp vốn có của tự nhiên. Tả thiên nhiên trù phú, thanh bình thì: *mịn màng, bời bời*, tả cây mận già: “*cành nhánh rườm rà, chằng chịt, vắn vít, tả ánh nắng: rào rạt, loang loáng, lấp lóa...*, tả tiếng lượn “*điu dặt, thiết tha*”, tả tiếng côn trùng “*râm ran, rì rì*”, tả tiếng chim: *chiu chiu, chú chú, vít vít, viu viu...* Hệ thống các từ láy không chỉ tạo nên tính nhạc, chất thơ cho những trang văn của Vi Hồng mà còn gợi nên một trường liên tưởng phong phú. Từ láy trong cách diễn đạt của các nhà văn miền núi là một điều dễ hiểu, nhất là đối với những nhà văn dân tộc Tày vì họ chịu ảnh hưởng của lối nói, lối tư duy

bằng thơ. Nên cả Triều Ân và sau này là Cao Duy Sơn cũng đều sử dụng khá nhiều từ láy trong các sáng tác của mình.

3.1.2. Miêu tả thiên nhiên để khắc họa ngoại hình và tính cách nhân vật

Người dân miền núi luôn sống gắn bó, giao hòa với tự nhiên và như là một bộ phận không thể tách rời của tự nhiên. Đó chính là lí do khiến Vi Hồng thường miêu tả con người với tự nhiên trong mối quan hệ so sánh, tương đồng.

Thiên nhiên trong tiểu thuyết Vi Hồng trở thành một yếu tố để miêu tả ngoại hình nhân vật. Đọc tiểu thuyết Vi Hồng, ta bắt gặp rất nhiều nhân vật phụ nữ đẹp người đẹp nét như: Va Đáo (*Phụ tình*), Quỳnh The (*Đọa đày*), Thu Khoan (*Dòng sông nước mắt*), Lăng Thị Thu Lả (*Lòng dạ đàn bà*), Ai Hoa (*Người trong ống*), Ninh (*Đất bằng*)... Khi miêu tả ngoại hình của họ, nhà văn thường sử dụng thủ pháp so sánh, liên tưởng với những hình ảnh quen thuộc theo cách nói và cách nghĩ của người miền núi để hướng tới vẻ đẹp hoàn mỹ. Ngoại hình của người phụ nữ thường được so sánh với hoa. Trong quan niệm của người Tày, bà mẹ Hoa được hình dung là một bà mẹ nhân từ, là một biểu tượng cho niềm vui, sự sống, sự sung túc và no đủ. Hoa biểu tượng của vẻ đẹp và tình yêu. Bởi vậy mà người Tày thường có hội rước Hoa, cầu Hoa. Đây là vẻ đẹp của nàng Va Đáo trong tiểu thuyết *Phụ tình* được so sánh với vẻ đẹp của bông hoa đang ở thời kì đẹp nhất: “Nàng vẫn trào lên một sức sống thanh xuân, cái vẻ đẹp càng lồ lộ như một bông hoa đang độ nở căng, làm cho viên tri châu phải ngẩn ra trước mặt Va Đáo đến một lúc lâu mới cất tiếng được” [27, Tr. 82]. Ngọc trong tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* được so sánh với bông hoa tràn đầy sức sống vào buổi sáng: “Cái hình ảnh tươi như hoa buổi sáng, thắm như cánh bướm sắc màu của Ngọc thỉnh thoảng lại hiện lên trong kí ức của Hoàng” [23, Tr. 117]. Còn đây là vẻ đẹp của nàng Bội Hoan: “đẹp như một bông hoa rơi lạc vào dòng nước khoáng của mường Năm Khao. Cô có khuôn mặt, dáng người xinh đẹp” [28, Tr.121]. Nàng Quỳnh The được miêu tả: “đẹp như một đóa hoa tiên, hoa thánh nơi vách đá, bốn mùa tắm gội giữa mây trời. Bông hoa “vắc viển” mãi mãi không héo, không tàn không sinh và cũng chẳng chết bao giờ chết” [28, Tr. 37]. Hay nàng Thu Khoan đẹp đến nỗi khiến quan

phủ Trần Hồi phải thốt lên: *“Ôi sao mà nàng đẹp quá. Một bông hoa vẩy viên rơi xuống bản Pác Phai của chúng ta [22, Tr.118].*

Không chỉ so sánh vẻ đẹp với hoa, Vi Hồng còn so sánh với những hình ảnh thiên nhiên rất gần gũi, quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của đồng bào miền núi. Đây là vẻ đẹp của hai chị em Thieu si và Thieu Mây trong *Chồng thật vợ giả*: *“Hai người cứ giống nhau như hai chị em sinh đôi. Hai chị em người dong dỏng, thanh thoát, có cặp mắt họa mi. Nước da của họ trắng như trứng gà bóc họ có khuôn mặt trái xoan rất xinh đẹp như bàn tay tiên đúc tạo nên. Cái mũi của họ thật thanh tú với cặp môi đỏ chót như quả nhót chín mọng, lúc nào cũng ướt ướt như tô một thứ nước son của tiên phật” [24, Tr.42].* Ngọc - người con gái “đóng thế” cô dâu Tọ khi Hoàng đến xem mặt, theo lời Phàn kể thì cô mang vẻ đẹp thật lí tưởng: *“Nước da trắng như cây chuối bóc, mịn và thơm như bột nếp nhuyễn, má hồng như cánh hoa mạ vách núi, eo như con ong mật, lông mày đen và sắc như họa mi, cặp mắt cũng họa mi, cặp môi là quả nhót chín mọng” [23, Tr. 78].* Nhìn trong *Đất bằng* lại được Vi Hồng miêu tả: *“cái thân hình dong dỏng, đôi vai tròn nhưng hơi mảnh, cái lưng mềm mại thanh thanh”* nàng có *“vàng trán mịn màng”* và hai gò má mịn màng, *“Nhìn đẹp đến mức nàng chắt cây cũng thấy đẹp, nàng lao động nặng nhọc mà như “đang biểu diễn”.* Hay vẻ đẹp của Ly trong *Người trong ống* với *“bộ ngực căng chặt như người con gái đang độ căng tràn yêu thương. Ly lại đẹp trẻ ra thoáng trông như cái thừa mười tám”*

Vẻ đẹp ngoại hình của những người phụ nữ đẹp còn được so sánh với những nàng tiên - hình ảnh thiên nhiên vĩnh hằng. Lãng Thị Thu Lả trong *Lòng dạ đàn bà* được ví von: *“Thu Lả đẹp như một nàng tiên. Lả có một cặp mắt lung linh như họa mi, khuôn mặt trái xoan, mũi dọc dừa thanh tú, má trắng hồng, môi đỏ chót đều đặn. Cô dáng người dong dỏng, thắt đáy lưng ong ngực nở nang, có một cơ thể cân đối tuyệt vời” [19, Tr. 26].* Nàng Ai Hoa trong tiểu thuyết *Người trong ống* không chỉ có ngoại hình đẹp như một nàng tiên: *“Ai cũng bảo Ai Hoa đẹp từ khuôn mặt đẹp đi, đẹp từ cái móng chân móng tay đẹp lại, đẹp từ mười ngón tay đẹp về...khuôn mặt tròn tròn, bầu bĩnh như một đĩa*

trẻ bụ bẫm, thật mịn màng, đang ửng hồng như một trái đào đang độ ương chín, cặp môi không son phấn như một quả nhót chín mọng... Nàng ngồi như một con công đẹp hay như một bông hoa lớn thân tiên trăm hương trăm sắc trong các truyện cổ người Tày. Ai Hoa như một nàng tiên giáng thế để cứu kẻ khôn khổ” mà nàng còn đẹp về trí tuệ: “cả mừng ai ai cũng bảo Ai Hoa là người giỏi giang, học chữ, học làm đều giỏi, cái miệng lại còn ngọt ngào hơn” [17, Tr. 120].

Bên cạnh vẻ đẹp của những người phụ nữ, vẻ đẹp của những chàng trai - những con người tràn đầy ý chí và nghị lực cũng được nhà văn Vi Hồng dành cho những trang văn miêu tả thật đẹp. Chàng trai Đào Ki Nọi trong tiểu thuyết *Đọa đầy* được so sánh với vẻ đẹp của thiên nhiên hùng vĩ: “*Ki Nọi có ánh mắt sáng ngời ngời như một cánh cung đen sẫm vạch suốt một ven trời, khuôn mặt bầu bầu với vầng trán thông minh của Ki nọi lạng phắc như một vách núi vạm vạm dầu dãi nắng mưa” [28, Tr. 10].* Hoàng trong tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* đẹp đến mức tưởng như “*bước từ một vườn hoa đầy hương sắc đi ra hay từ một vầng ánh sáng vàng mật đi ra*”. Chàng Eng Háo trong tiểu thuyết *Đi tìm giàu sang* mang vẻ đẹp của một chàng thanh niên, với vóc dáng cân đối: “*mười sáu tuổi mà đã lớn như một chàng trai đôi mươi. Người ở kẻ khó, ăn thiếu mặc rách mà Eng Háo cứ cường tráng và hồng hào như con nhà no đủ. Chàng đẹp trai, cân đối khoẻ mạnh, thật là một con người lí tưởng dưới mắt các cô gái xinh đẹp*”. Hay Đán, Cốc trong *Núi cỏ yêu thương* mang cái đẹp của sinh lực đầy khỏe mạnh: Đán “*trắng trẻo, vạm vỡ*”, “*cân đối như một pho tượng võ sĩ*”. Cốc “*đen như màu đồng đúc tượng, đậm chắc, những thớ thịt ở bắp tay, bắp chân xoắn cuộn vào nhau như những thớ gỗ nghiêng, gỗ lim*” [14, Tr. 107].

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng, ngoại hình của nhân vật thường có sự thống nhất với tính cách. Nếu như các nhân vật chính diện nêu trên có ngoại hình đẹp đồng nhất với tâm hồn đẹp, trong sáng thì ngược lại các nhân vật phản diện có ngoại hình xấu xí sẽ báo trước tính cách xấu xa, bỉ ổi. Vi Hồng thường dùng những hình ảnh tự nhiên xấu xí để vẽ nên ngoại hình các nhân vật phản diện. Lão La Đăm Đông trong *Đọa đầy* với hình ảnh “*mắt lác, nhỏ ti hí như mắt lươn. Nhưng cái mắt lươn lại sáng như mắt rắn*” [28, Tr.13] báo hiệu một

con người có dã tâm độc ác. Miêu tả mục Pác Tầm với cái mồm bẹp chuyên ngòi lê mách lẻo, Vi Hồng chỉ tả: “*mục Pác Tầm có cái mồm bẹp, rộng như mồm ếch, nói dẻo như sợi bún, ngọt ngào như bánh trà lam*” [28, Tr. 167]. Miêu tả tên quan phủ Trần Hồi, nhà văn cũng tập trung miêu tả hình dáng: “*Hắn sao mà béo thế. Cái mặt vuông to bằng cái mâm xệ xuống như hai má con lợn phị. Cái cổ nần nần, đỏ như mào gà, cái bụng khấp lẩy như đàn bà chưa đã quá tháng sinh nở*” [28, Tr. 218]. Hình dáng mập ú, no nê của tên văn phủ Trần Hồi dường như nói lên tất cả bản chất gian tham của tên quan này. Ở nhiều nhân vật phản diện khác như: mục Tọ, thằng Thìm, ba anh em trai nhà họ Ông (*Tháng năm biết nói*), Đoác (*Vào hang*), dòng họ La xấu xa độc ác (*Đọa đày*)... ta cũng thấy rất rõ cách miêu tả lấy hình ảnh tự nhiên xấu xí để dự báo tính cách xấu xa của con người,

3.1.3. Miêu tả thiên nhiên để dự báo số phận và diễn tả tâm lý nhân vật

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng, thiên nhiên gắn bó với con người nên nó cũng thường được sử dụng để báo hiệu cho số phận nhân vật.

Đọc tiểu thuyết *Đất Bằng*, ta bắt gặp nhiều đoạn văn miêu tả cảnh thiên nhiên đêm tối để báo hiệu các sự kiện xảy ra liên quan đến số phận của nhân vật. Cái đêm ké Xanh họ Nông bị người họ Sầm đánh chết do hiểu lầm là tháo trộm nước, hai dòng họ trở thành kẻ thù của nhau, tình yêu của Xanh và Viên cũng bị chia rẽ từ ngày ấy “*trời oi bức và lặng như đóng cọc... Trong khí trời oi bức ngọt ngọt chỉ có tiếng tắc kè kêu và tiếng tiếng cú rúc dài từng hồi làm mọi người rầu rĩ cả ruột gan. Mảnh trăng thượng nguồn đã nhích dần xuống đến ngọn cây lau xau chừa trên đỉnh Trâu Ngồi. Từng mảng mây đen lướt qua mặt trăng lưỡi liềm... Ánh trăng lúc mờ lúc nhạt đổ xuống cánh đồng loang lổ Đin Phiêng*” [12, Tr.112]. Đêm làm ma cho ké Xanh, thiên nhiên đêm tối lại hiện lên với hình ảnh thật đáng sợ: “*Da trời vằn da hổ xám, mặt trời rơi xuống lỗ đỏ như tiết tươi. Bà Xanh ngồi im rất lâu nhìn mặt trời xuống lỗ, nhìn bóng đêm áp vào mặt*” [12, Tr.121]. Dường như tự nhiên cũng thấu hiểu lòng người nên cũng cùng có chung nỗi buồn với con người.

Trong tiểu thuyết *Vãi Đàng* có rất nhiều trang văn miêu tả cảnh thiên nhiên để diễn tả nội tâm nhân vật. Bị vu là ma gà, Đàng cùng bố mẹ lặng lẽ bỏ đi. Thể hiện tâm trạng đau khổ của Đàng và Hinh - đôi lứa yêu nhau mà không lấy được nhau Vi Hồng đã miêu tả cảnh thiên nhiên đầy ám ảnh: “*Tiếng hổ gầm, tiếng chó sói rú chỉ làm cho bố mẹ và Đàng run sợ hay hoảng hốt chốc lát. Chỉ có tiếng chim khảm khắc mới là cái tiếng buồn sâu nặng, nỗi buồn làm mềm chân, mềm tay... Suốt đêm hai con chim gọi nhau, mãi sáng con đực mới tìm đến được, nhưng trời đã sáng mát rồi! lại phải vội xa nhau, để đêm đến lại gọi nhau suốt đêm*” [13, Tr.22 - 23]. Sự chia xa của đôi chim khảm khắc hay chính là sự chia ly của Đàng và Hinh? Ba con người trên con đường chạy xa quê hương vì sợ mang tiếng ma gà chỉ có tiếng chim khảm khắc buồn thảm làm bạn đường đưa tiễn. Nhưng khi miêu tả niềm vui của dân bản khi nghe bản chỉ thị: “*Nhật Pháp đánh nhau và hành động của chúng ta*”. *Tất cả xuyên rừng đến đánh đồn Nặm Cáp*” [13, Tr.81] thì thiên nhiên dường như cũng hòa điệu với niềm vui chung ấy: “*Khắp đỉnh núi, ngọn cây trước mọi bản, giữa cánh đồng...đâu đâu cũng cờ đỏ sao vàng phấp phới. Con sông Nặm Cáp cùng bao con suối đang kéo màu cánh ong bầu, trời mùa thu thật cao. Tầm áo của đất nhiều màu cũng đang độ lên sắc và sạch bong*” [13, Tr.82].

Trong *Mùa hoa bioóc loỏng*, thiên nhiên và con người có một mối dây liên hệ đặc biệt. Mùi hương của loài hoa này được con người cảm nhận theo cách riêng, gắn với tâm trạng: “*Người già bảo một người bình thường, hàng ngày lên nương, lên rừng chỉ nghĩ thấy cái mùi thơm của hoa bioóc loỏng thoang thoảng, hơi ngòn ngọt như cái hương cái vị của những chùm nhãn chín kỹ... Nếu hai người yêu nhau tha thiết nghĩ hương bioóc loỏng thì sẽ thấy đó là cái hương, cái vị của những giọt sữa non mà chỉ riêng từng cặp mới cảm nhận hết ý nghĩa của cái mùi vị đặc trưng của tình yêu say đắm đó*” [29, Tr.150]. Mùi hoa của bioóc loỏng còn vương vấn trong từng bước chân và thấm đượm trong hơi thở của Hạ Chi khi nàng tạm biệt Mi Tráng với một tình yêu say đắm: “*Nàng cất bước trên đường mòn ven rừng.... Một mùi hoa dịu dịu ngọt ngào thấm đượm trong hơi thở của nàng như đánh thức nàng dậy giữa rừng hoa*

cuối xuân. Cái mùi hoa dịu ngọt ấy làm nàng nhớ đến những bông hoa bioóc loong (một loài lan rừng, bông rất to)... Bất giác nàng nhìn xuống ngực mình. Nàng rút chiếc gương con giắt ở thắt lưng lên soi mặt mình. Mặt nàng đỏ bừng, môi đỏ chót, nàng thấy mình trắng trong như những bông hoa bioóc loong” [29, Tr.147 - 148].

Độc tiểu thuyết *Tháng năm biết nói*, hình ảnh trở đi trở lại từ đầu đến cuối tác phẩm gắn với cuộc đời của nhân vật Hoàng, ấy là con thác Chín Thoong. Con thác Chín Thoong xuất hiện 46 lần, nhưng mỗi lần xuất hiện, nó lại mang một sắc thái khác nhau. Sắc thái ấy gắn liền với những biến cố, sự kiện xảy ra đối với số phận cay đắng của Hoàng. Mới mười hai tuổi nhưng mẹ Hoàng đã bắt Hoàng lấy vợ - Cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn bà vừa già, vừa xấu ấy khiến Hoàng bước vào cuộc đời đầy đau thương và nước mắt. Chẳng đêm nào Hoàng có được giấc ngủ bình yên: *“Hoàng ngủ trong tiếng gầm của thác. Sao mọi người quen với thác mà Hoàng thì không sao đánh mất nó được. Không những Hoàng không loại trừ nó được trong lỗ tai của mình mà còn mang nó theo suốt mọi nẻo đường. Hoàng đi thật xa nhưng trong lỗ tai của Hoàng vẫn ầm ào tiếng thác Chín Thoong” [23, Tr. 7].* Đi học xa quê lâu ngày, Hoàng luôn nhớ về quê hương, nhớ những nét uốn cong của mọi dãy núi, nhớ từng bóng chim bay trên trời, nhớ từng đàn cá bơi lội dưới dòng Chín Thoong...nhưng nghĩ đến người đàn bà lạc loài với hai hàm răng ba ba Hoàng lại rùng mình. Cái đêm Hoàng bị ép ngủ với mẹ Tọ “*Mày đi học cũng được, nhưng đêm nay mày phải ngủ với tao, chỉ cần một lần thôi, là tốt đẹp”* thì *“Thác Chín Thoong gầm réo. Bầu trời Chín Thoong đêm nay như cái vung đúc bằng chì” [23, Tr. 196].* Một chuỗi những ngày dài sống trong sự cay đắng và buồn khổ, Hoàng luôn bị mẹ Tọ hành hạ, chửi bới. Những lúc như thế Hoàng: *“Như bị ù tai, tắc thở. Hoàng đi ra cửa hít thở không khí trong lành từ thác Chín Thoong thổi tới. Tiếng thác ầm ầm nện lên số phận của Hoàng, dội xuống ngực Hoàng” [23, Tr. 230].* Nhưng khi cuộc đời của Hoàng thoát khỏi mẹ Tọ và tình yêu đến với Băng cũng là lúc mùa xuân về: *“Những ngày giáp tết là những ngày của tháng dòng sông Chín Thoong cạn nước nhất. Con thác Chín*

Thoong cũng đỡ âm âm dội nước lên trời. Thác xéo xập xào có phần êm đềm để cùng người đón tết” [23, Tr. 282]. Ở đây hình ảnh con thác Chín Thoong không còn đơn thuần là hình ảnh tự nhiên nữa mà nó là một nhân chứng đã chứng kiến cuộc đời nhân vật Hoàng khi thăng khi trầm. Dòng thác chính là nơi Hoàng tìm đến để hít thở không khí trong lành khi cuộc sống bực bội, khó chịu. Đó cũng là nơi Hoàng thấy “*thác cười lớn*” [23, Tr. 205] khi Hoàng nhận ra tình yêu của mình nảy nở với Băng.

Hình ảnh thác Chín Thoong khiến bạn đọc nhớ đến dòng thác Phja Bjoóc trong tiểu thuyết *Đàn trời* của nhà văn Cao Duy Sơn. Đàn trời không phải là một nhân vật cụ thể trong tác phẩm nhưng nó lại có một sức mạnh thiêng liêng, huyền bí, như niềm tin của con người vào lẽ công bằng. Nó là biểu tượng, một tín ngưỡng của dân tộc Dao: “*Từ bé lão thường kể cho nó nghe về dòng thác Phja Bjoóc. Nó thiêng và linh nghiệm nhất vùng này đấy! Người bản Phja Đeng thường ra đây cầu trời khi gặp năm nắng hạn mất mùa hay dịch bệnh đe dọa. Cả những câu chuyện vui buồn, oan trái của con người cũng được đưa đến để kể và cầu trời giải thoát. Lão nói với con đây là Thiên Đàn. Là tâm của vũ trụ con người sống. Là nơi giao tiếp con người và nhà trời bởi tiếng nói của con người khi được cất lên ở đây sẽ vang vọng gấp nhiều lần so với chỗ khác*” [54, Tr. 308]. Riêng với lão Mạc, lão rất tin vào Đàn trời bởi lão có một niềm tin tuyệt đối vào thiên nhiên nhiên nơi đây. Dòng nước lão uống là dòng nước của núi rừng, đồ ăn, đồ mặc tất cả đều là sản phẩm của núi rừng, cứ ở đây sẽ chẳng bao giờ bị đói cả, lão còn có cả Đàn trời là dòng thác Phja Bjoóc đổ nước trắng xóa, từ độ cao gần sáu mươi sải tay: “*Đàn trời đấy! gặp tai họa, khổ đau dân làn Phja Đeng đều đến đó ơ hờ, tin rằng người sẽ thâu*”, “*triệu triệu những bụi nước từ dòng thác như tấm lưới khổng lồ tung lên trời cao, rồi chum xuống vạn vật cách nó cả vài trăm thước*” [54, Tr. 442].

Rõ ràng, Đàn trời như một chỗ dựa tinh thần không chỉ cho lão Mạc mà con cho rất nhiều người ở vùng núi Phja Đeng. Nó đại diện cho sức mạnh thiêng liêng, sức mạnh bảo trợ, là nơi tâm linh con người hướng đến: “*Cái bản nhỏ có con thác Phja Bjoóc đổ xuống từ trên đỉnh núi luôn mang nỗi lòng*

chúng sinh vào cổng trời” [54, Tr. 372]. Mỗi khi gặp khó khăn, người dân nơi đây lại tìm đến Đền Trời để cầu xin sự công bằng, an lành trong cuộc sống. Cũng giống con thác Chín thong trong tiểu thuyết của Vi Hồng, nó không chỉ trấn an tinh thần, xoa dịu nỗi đau của Hoàng mà nó còn tiếp thêm sức mạnh, thêm ý chí để Hoàng vững bước trên con đường đầy chông gai, thử thách.

Qua ngòi bút sáng tạo của Vi Hồng, sinh thái tự nhiên vùng Việt Bắc hiện lên đầy ấn tượng. Ở đó, con người và tự nhiên gắn bó giao hòa, thiên nhiên không chỉ là một khách thể độc lập mà nó luôn luôn hiện hữu trong đời sống hàng ngày khi vui cũng như khi buồn, nó là một phần đời sống không thể thiếu được của con người miền núi. Miêu tả thiên nhiên Việt Bắc với một giọng điệu trù mến thiết tha, nhà văn Vi Hồng vừa thể hiện tình yêu quê hương xứ sở vừa muốn chuyển tải tới bạn đọc thông điệp: thiên nhiên đẹp như thế, gần gũi, giao hòa với con người như thế nên con người đừng gây sự với thiên nhiên, mỗi chúng ta hãy có ý thức bảo vệ và giữ gìn vẻ đẹp thiên nhiên vì bảo vệ thiên nhiên cũng chính là bảo vệ môi trường trường sống của con người.

3.2. Nghệ thuật miêu tả con người

3.2.1. Đặt nhân vật trong các mối quan hệ xã hội phức tạp

Tiểu thuyết của Vi Hồng phản ánh một thế giới nhân vật vô cùng phong phú trong xã hội miền núi với đủ các thành phần: già, trẻ, lớn, bé, gái, trai, giàu, nghèo, tốt, xấu, chính diện, phản diện, nông dân, trí thức, cán bộ, thường dân... Đó là một thế giới nhân vật được đặt trong các mối quan hệ xã hội giằng dặt, luôn tác động qua lại lẫn nhau tạo nên một môi trường sinh thái xã hội phức tạp, nhiều vẻ với nhiều kiểu xung đột: xung đột dân tộc, giai cấp, xung đột thế sự đời tư; xung đột cũ - mới, cá nhân - xã hội; lạc hậu - văn minh; tình yêu tự do - lễ giáo phong kiến... và đó chính là môi trường xã hội, nơi con người sống và tác động vào đời sống để sinh tồn và phát triển.

Trong tiểu thuyết của Vi Hồng, mối quan hệ xung đột dân tộc, giai cấp được phản ánh thông qua sự mâu thuẫn giữa một bên là những người dân hiền lành, chất phác với một bên là những tên quan lại tham lam, độc ác và dâm dục, luôn tìm cách lợi dụng, bóc lột, chà đạp người dân lương thiện.

Trong *Thung lũng đá rơi* tên quan Tây trẻ tuổi Ò Pông hiện lên là một thằng máu lạnh, giết người không ghê tay. Hắn đã trả ơn bố Lót khi tìm thấy mỏ quặng thiếc cho hắn bằng cách phạt tù bố Lót ba tháng. Hắn còn đánh đập ông đến chết. Dĩ nhiên hơn hắn còn nhẫn tâm giết chết bốn mươi người cu li mà hắn đã thuê đào chôn các hố quặng thiếc khổng lồ trước khi tháo chạy về nước. Bệnh hoạn hơn, hắn còn hoạn ông già Đội khi đó còn rất trẻ để biến ông thành quan hoạn “*phục dịch các ái phi*” của hắn.

Không chỉ có những tên quan Tây máu lạnh, tiểu thuyết Vi Hồng còn xuất hiện những tên quan Tây vô cùng tham lam và bỉ ổi. Chính bọn này là nguyên nhân gây nên mâu thuẫn, tranh chấp, chia rẽ giữa các dòng họ trong xã hội. Đọc *Đất bằng*, *Núi cỏ yêu thương* chúng ta bắt gặp những tên quan Tây như thế. Đây là luật pháp của chúng để cai trị người dân vùng Năm Đáo: “*Tao là người Tây đến đây cai trị chúng mày. Tao chưa kịp đặt quan An Nam thì nay tao xử thay. Tao không biết trời đất Năm Đáo là của ai. Ai có nhiều vàng lót móng cho ngựa thì người ấy được*” [14]. Cách quan Tây xử kiện về vụ tranh chấp nước ruộng giữa hai họ Sầm - Nông trong *Đất bằng* đã lộ rõ bản chất bỉ ổi, tàn độc xấu xa: “*Quan Tây bảo việc này không cần xét, bên nào mạnh thì bên ấy được. Quan Tây còn nói thêm với quan châu: hai cái họ Nông họ Sầm ấy thương yêu nhau lắm, lại giàu có...chúng nó làm mất tao mọc gai từ lâu*”. Sau đó quan Tây còn nhấn riêng với họ Nông rằng: “*họ Nông có võ nghệ cao, sao không đánh chết hết họ Sầm đi*”, trong khi “ngài” cũng không quên nhấn kín với họ Sầm: “*Họ Sầm nhiều chữ, nhiều tiền, cứ đem theo nhiều tiền kiện lấy hết ruộng đất của họ Sầm để như không*”.

Người dân không chỉ chịu bao đau khổ dưới ách áp bức bóc lột của bọn quan Tây máu lạnh, độc ác và tham lam mà còn dờ sống dờ chết với bọn quan ta và bọn quan lại phong kiến. Trong *Đọa đày* là lão quan phủ Xu Đại chuyên đi vu khống bịa đặt cho người người khác để chia nhau tiền thưởng. Hắn còn nấu cao hồ giả để lừa gạt mọi người kiếm lời. Còn tên quan tuần phủ Trần Hồi trong *Dòng sông nước mắt* lại bộc lộ bản chất dâm ô đáng kinh tởm. Hắn không chỉ ép Thu Khoan cho hắn “*xâu hoa xiên nụ ỡm ở nguyệt nọ hoa kia*”,

mà hắn còn nhận Lệ Hà làm con nuôi để dễ bề đi lại với cô bồ trẻ, và đặc biệt là qua mắt được bà vợ hay ghen. Hắn còn lập mưu cướp đoạt phần lớn tài sản của Kin Xa. Trong tiểu thuyết *Tháng năm biết nói* ta bắt gặp tên tay sai vừa tham lam, tàn bạo vừa độc ác không kém gì quan Tây, đó là Châu Đoàn Pàng. Hắn đã giết biết bao người đi làm cách mạng trong đó có cả bố và ông của Hoàng. Vì tiền mà hắn “*giết người để lấy vàng bạc hoặc để báo lên quan Tây lĩnh thưởng*”. Vì lòng đố kỵ, hắn còn muốn giết Hoàng chỉ với lí do rất vô lí: “*Người ta nói rằng Hoàng là con nhà của giống chim công, chim cú. Nghĩa là vừa đẹp người đến mức tuấn tú lại tài giỏi hơn đời. Nếu để Hoàng sống thì họ trở nên dốt nát, đàn ngu*” [23, Tr. 47]. Vậy mà hắn vẫn sống nhớn nhỡ, đàng hoàng giữa dân bản, giữa những dân lương thiện.

Có thể thấy, Vi Hồng đã có ý thức tạo dựng mối xung đột dân tộc giai cấp để phản ánh sinh thái xã hội miền núi thời kì trước Cách mạng Tháng Tám nhưng mâu thuẫn này chưa được đẩy lên cao đến mức đỉnh điểm, gay gắt đòi hỏi phải được giải quyết triệt để. Tuy nhiên, nó vẫn cho người đọc thấy được sinh thái xã hội ở một thời kì lịch sử mà ở đó bọn quan lại phong kiến và tay sai đã bóc lột người dân miền núi một cách thậm tệ làm cho cuộc sống của họ trở nên bần cùng, còn xã hội thì chìm trong bóng tối của nghèo đói, lạc hậu.

Trong nhiều tiểu thuyết khác, nhà văn Vi Hồng đặt con người vào mối quan hệ xung đột thế sự đời tư. Nếu mối quan hệ xung đột dân tộc giai cấp trong tiểu thuyết của Vi Hồng còn khá mờ nhạt thì xung đột thế sự đời tư lại khá đậm nét. Biểu hiện của mối quan hệ xung đột này chính là mâu thuẫn xung đột đạo đức giữa tốt - xấu, thiện - ác, chính diện - phản diện. Độc giả có thể nhận thấy mối xung đột này trong tiểu thuyết: *Vào hang, Người trong ống, Đọa đày, Lòng dạ đàn bà*... Đọc *Lòng dạ đàn bà*, ta thấy mối xung đột này diễn ra trong phạm vi gia đình giữa một bên là những con người tốt lương thiện như: Lăng Thị Thu Lả, bà Mương với một bên là những kẻ vô lương tâm, độc ác, trá trở như: Ngô Khang Sa và cô con dâu trá trở Mã Thả An. Ngô Khang Sa và Mã Thả An là hai đứa trẻ lang thang, không nơi nương tựa. Chúng đi ăn xin ở khắp nơi trong bản mường. Vì lòng thương người, bà Mương đã cứu mang

chúng và cho chúng một mái ấm gia đình. Gia đình bà cảm thấy rất mừng vui và hạnh phúc : *“Lả mừng vì đã cứu được một đứa trẻ từ cõi tăm tối nhem nhuốc trở lại làm con người vừa xinh, vừa tốt đẹp”* [19, Tr. 199]. Hơn thế nữa gia đình bà còn nhận Ngô Khang Sa và Mã Thả An làm con cái trong gia đình. Nhưng cuộc đời thường biết mặt mà không biết lòng, hai con người này đã trở mặt, phản bội lại tình yêu thương của gia đình bà Mương. Bọn chúng lấy oán trả ân. Ngô Khang Sa muốn trở thành người giàu có nhất thiên hạ, hắn đã đầu độc Nghít để cướp đoạt tài sản và đuổi bà Mương cùng các con của Nghít ra khỏi nhà. Trong khi đó Mã Thả An cũng lộ nguyên hình là con hồ li tinh, An đã quyến rũ Nghít - chồng của Lả - người đã từng cứu mang và coi An là em nuôi. Sự bội bạc của hai kẻ mặt người dạ thú khiến chúng ta căm phẫn, tức giận. Viết về những kẻ độc ác này nhà văn Vi Hồng muốn cảnh báo về một loại người chỉ coi tiền bạc là lẽ sống của cuộc đời. Vì tiền, bọn chúng có thể làm tất cả mọi việc kể cả phản bội lại người thân, thậm chí giết họ nếu chúng thấy cần.

Nếu trong *Lòng dạ đàn bà* nhà văn phản ánh mối xung đột trong phạm vi gia đình nhỏ hẹp thì *Vào hang* lại là mối xung đột trên phạm vi xã hội rộng lớn. Đại diện cho những người luôn chăm lo cho bản mường là: lão Tạt Tạt, ông Nhân, On, Lạ... và đại diện cho những kẻ vừa ngu vừa dốt là: Đoác, Tiêm, Lanh... On là hình ảnh tiêu biểu cho những trí thức tài năng, tâm huyết với nghề nghiệp. Cha mất sớm, hai mẹ con đùm bọc nuôi nhau. Học rất giỏi, nhưng On chỉ được làm sinh viên đại học một năm do sự đè nén của ông bí thư xã. Đau khổ nhưng không chùn bước, tình yêu khoa học vẫn cháy sáng trong anh. Anh tự học, tự nhiên cứu, tự mày mò để rồi kết quả cuối cùng là những vườn cây trĩu quả, đồi chè xanh mơn mớn khiến vị giáo sư, chủ nhiệm khoa trường Đại học Nông nghiệp Đông Bắc phải trầm trồ khen ngợi. Giáo sư đã mời anh quay lại trường học và mong muốn anh ở lại làm giảng viên. Nhưng anh kiên quyết từ chối: *“Thưa giáo sư em là cây tre, cây cam, cây táo của mảnh đất quê em. Em rời mảnh đất quê hương em ra đi để rồi em sẽ lại quay về với quê hương”* [18]. Nếu On khiến bạn đọc cảm động bởi một con người ham học hỏi, có ý chí và nghị lực vươn lên trong cuộc sống, một người con yêu quê hương tha thiết

thì ngược lại nhân vật Lanh khiến chúng ta ghê tởm bởi sự trơ tráo, thô bỉ. Lanh cũng từng là sinh viên Đại học Nông nghiệp, nhưng Lanh không chăm lo học hành mà chỉ mãi chơi và yêu đương nhặng nhít dẫn đến có thai. Lanh bị nhà trường đuổi học. Từ đó trở đi Lanh: “*sống đanh đá, lừa lọc, lười mọc gai, tai mọc lông tơ*” [18, Tr.168]. Hạnh phúc đối với Lanh là có thật nhiều tiền, nhiều vàng. Đây là những lời Lanh nói với Tiêm: “*Lão Đoác...em hơi kinh tởm. Nhưng thôi...em cũng chẳng cần nữa. Miễn sao lão ấy có nhiều tiền, nhiều vàng*” [18, Tr. 168]. Xây dựng hình ảnh hai con người đại diện cho hai tuyến đối lập trong xã hội, nhà văn Vi Hồng muốn khẳng định, chính lão Tạt Tạt, ông Nhân, Lạ và On là những con người đang ngày đêm đóng góp công sức nhỏ bé của mình vào xây dựng bản làng tươi đẹp, giúp cho cuộc sống của người dân nơi đây ngày càng ấm no, hạnh phúc. Còn Đoác, Tiêm, Lanh là những kẻ làm vẩn đục môi trường sống, môi trường xã hội của con người. Bởi bọn chúng một khi đã bán đi nhân phẩm và danh dự của chính bản thân mình thì chúng không còn coi nhân phẩm và danh dự của người khác là gì cả. Từ đó nhà văn nhắc nhở mỗi người trong cuộc sống hãy biết coi trọng nhân phẩm của mình, hãy lao động và hưởng thụ bằng chính sức của mình, bởi cái đẹp của cuộc đời là lao động chân chính.

Nhà văn Vi Hồng không chỉ miêu tả quan hệ xung đột diễn ra ở thế giới nhân vật người lao động mà còn miêu tả xung đột diễn ra ở thế giới nhân vật trí thức. Nói đến cái danh trí thức, ấn tượng đến với độc giả đầu tiên đó là những con người có hiểu biết, có trình độ học vấn cao, điều đó làm cho nhiều người nghĩ rằng học ắt là những con người biết đối nhân xử thế. Nhưng ông Hoàng - Hiệu trưởng trường Đại học Y và Ba trong *Người trong ống* - những người có vị trí xã hội và bằng cấp cao - lại không phải là những con người như vậy. Là hiệu trưởng, nhưng trình độ ông Hoàng rất hạn chế, cộng với sự giàu có, ưa nịnh ông ta đã vô tình tiếp tay cho Ba để biến hắn từ một kẻ ngu dốt leo dần dần lên từng bậc thang danh vọng và cuối cùng Ba trở thành hiệu phó một trường đại học danh tiếng của thành phố T. Đối lập với Ba, Hoàng là những con người trí thức tài giỏi, hết mình vì mọi người, vì công việc như: Tú,

Huy....Xã hội ngày càng phát triển thì có lẽ mỗi xung đột kiểu như thế này sẽ không bao giờ có hồi kết. Miêu tả xung đột giữa những con người này nhà văn chỉ ra rằng, xung đột thiện - ác không chỉ diễn ra trong đời sống người nông dân, làm cho cuộc sống của họ trở nên nghèo khổ mà nó còn diễn ra ở giới trí thức. Chính mỗi xung đột này mới ghê gớm, mới ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển của xã hội. Vậy thì muốn xã hội phát triển văn minh thì mọi người hãy quyết tâm tiêu diệt cái xấu, cái ác và lan tỏa cái đẹp, cái thiện. Có như vậy xã hội mới công bằng, người dân mới hạnh phúc. Điều này cũng chính là xuất phát từ quan niệm cầm bút của nhà văn: yêu thương cái đẹp, cái thiện và diệt trừ cái ác, kẻ xấu.

Ngoài việc đặt con người vào các mối quan hệ xã hội như dân tộc, giai cấp; thế sự đời tư thì nhà văn Vi Hồng còn đặt con người vào các mối quan hệ khác như: giữa cái cũ với cái mới, giữa cá nhân với đại gia đình phong kiến, giữa những tập tục lạc hậu với sự văn minh tiến bộ...Những mối quan hệ này cũng xuất hiện với tần số rất cao, nó được phản ánh rất sinh động trong hầu hết các cuốn tiểu thuyết của Vi Hồng. Đọc cuốn tiểu thuyết *Đất bằng*, ta bắt gặp mỗi xung đột giữa một bên là lớp thanh niên trẻ tuổi nhiệt tình, giàu tri thức như: Nhìn, Huế, Lèn, Kháng, A My, Bền, Toan... với một bên là bọn tảo, then đại diện cho thế lực cũ - luôn tìm cách lừa bịp những người dân đã quen với lối sống lạc hậu nên đã tin vào con ma nguyên truyền kiếp. Trong giọng nói nghiêm chỉnh của Nhìn chúng ta thấy được ý chí quyết tâm phá bỏ cái cũ, cái lạc hậu trong những cái đầu u mê của đồng bào nơi đây: *“Chúng ta sẽ thay những mảnh bát vỡ làm đèn thắp dầu trâu bằng những ngọn điện, cho ta nước tưới ruộng. Máy xát lúa sẽ thay những chiếc cối, chiếc chà tay...Ta sẽ thay những chiếc cọn nước uế oải mang nước lên ruộng bằng máy bơm nước. Ta sẽ tháo hết các phai, những cái phai đã tạo ra con ma nguyên đáng nguyên rửa kia”* [12, Tr. 127]. Trong *Núi cỏ yêu thương*, đó là xung đột trong tư tưởng, trong cách nghĩ, cách làm giữa một bên là lớp thanh niên mới như Cốc, Đán, Tầm, Na, Slao...với một bên là những người già theo tư tưởng cũ như lão chánh Kiệm. Mâu thuẫn xảy ra khi hạn hán nặng nề diễn ra ở các bản bên núi Ruồng

Oa và bên núi Mây. Nếu lớp thanh niên muốn làm ông dẫn nước từ núi Mây sang Ruộng Oa để chống hạn thì lớp người già, nhất là lão chánh Kiệm muốn làm lễ tế thần bảy ngày để cầu đảo mưa xuống. Cuối cùng chiến thắng thuộc về những kiến thức khoa học của lớp thanh niên: “*Nước sang đến nơi rồi! Một tiếng reo vang lên. Lập tức tiếng reo hò từ các vách núi vang dội. Hai vòi nước trắng phau to hơn hai cái cột nhà phun lên cao quá hai đầu người rồi ào ào đổ xuống rãnh, tràn lênh láng cả ra đồi*” [14, Tr. 99 -100], còn tượng đài tế thần cầu mưa của lớp người già bị đổ. Sự đổ vỡ của đài tế thần cầu mưa chính là sự thất bại của cái cũ, cái lạc hậu trước cái mới văn minh, tiến bộ. Miêu tả chi tiết này nhà văn Vi Hồng chắc chắn rất trần trụi khi ông nhận thấy rằng ở thời đại nào cái cũ - cái mới, lạc hậu - văn minh cũng luôn tồn tại song hành. Nếu không có những con người đổi mới trong tư duy nhận thức như thế hệ trẻ thì cái cũ, lạc hậu có lẽ sẽ tồn tại thâm căn cố đế trong những cái đầu u mê. Và nhà văn đã thẳng thắn đặt ra vấn đề: cần đấu tranh loại bỏ những tư tưởng cũ, lạc hậu, chỉ có như vậy xã hội mới phát triển, mới văn minh lên được.

Đọc cuốn tiểu thuyết *Vào hang* chúng ta bắt gặp xung đột của con người về mô hình hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam một thời. Đó là mâu thuẫn giữa một bên là những người dân của xã Pác Nặm với một bên là những kẻ nhân danh hợp tác xã, nhân danh chính quyền để vơ vét, áp bức nhân dân. Hợp tác xã Pác Nặm được nhận bằng khen của tỉnh vì là tấm gương điển hình xuất sắc trong phong trào làm ăn tập thể nhưng cuộc sống của người dân nơi đây chưa lúc nào thoát đói nghèo, bởi: “*rừng cọ xác xơ, trơ thân cây ra như những cái cọc khổng lồ cắm đầy sườn núi...những nương chè hợp tác cần cỗi*”. Người dân đã nhận ra rằng mô hình hợp tác không những không đem lại cuộc sống no ấm đầy đủ cho bản mường mà ngược lại nó còn làm giàu, làm đầy thêm cho túi tiền của những kẻ nhân danh hợp tác xã như lão Đoác. Chính vì vậy, những thanh niên giàu tri thức như On, Lạng...và những người giàu tâm huyết với quê hương như lão Tạt Tạng, ông Nghiệp... không ngừng đấu tranh để có thể mang lại những điều tốt đẹp nhất cho quê hương. On về công tác tại công trường chè Ba Mái - nơi quê hương anh. Anh đã đi khắp nông trường truyền đạt

kỹ thuật trồng trọt. Anh miệt mài nghiên cứu thô nhuộm, phân bón, giống... sáng tạo ra hệ thống lò chè, máy vò chè... để giúp cho người dân quê anh thoát khỏi cảnh nghèo đói. Tiểu thuyết *Người trong ống* lại là mâu thuẫn xung đột giữa cá nhân (bố Tú) với tập thể (hợp tác xã). Bố Tú không vào hợp tác xã bởi ông không thể chịu được cảnh: “đám ruộng to nhất nhà ông ba năm hợp tác xã làm thì cả ba năm năng suất đều giảm xuống một nửa, và những kẻ lười biếng lâu nay lại no đủ. Những người chăm chỉ làm lụng, làm cẩn thận như ông lại chết đói” [17].

Có một dạng biểu hiện nữa của mối quan hệ xung đột là xung đột giữa cái cũ và cái mới, lạc hậu và văn minh. Đó là xung đột giữa tình yêu đôi lứa tự do với lễ giáo phong kiến cổ hủ lạc hậu và mê tín dị đoan. Xung đột này diễn ra giữa một bên là những chàng trai cô gái có khát vọng được tìm hiểu và lựa chọn hạnh phúc cho riêng mình với một bên là những người cha, người mẹ - đại diện cho lễ giáo phong kiến xưa, cho những tập tục lạc hậu. Bắt nguồn từ câu chuyện “thường lòng bắt vợ tôi” trong *Núi cỏ yêu thương* gắn với lời nguyện của tổ tiên từ bao đời nay mà trai gái hai họ Đàm và họ Hoàng hai bên bờ sông có yêu nhau cũng không thể đến được với nhau nếu không muốn bị thường lòng nuốt chửng. Nhưng Cốc và Siao vẫn quyết tâm đến với nhau bởi họ là lớp thanh niên mới, có hiểu biết. Họ không tin vào lời nguyện mê tín dị đoan của cha mẹ, của bản mường. Những người bạn thanh niên tiến bộ khác của họ đã mở cuộc phân tích truyện “thường lòng bắt vợ tôi” và cương quyết bảo vệ tình yêu cho hai người. Kết quả của cuộc đấu tranh ấy chính là một đám cưới tung bừng trong sự chúc tụng của rất nhiều bà con hai bản mường. Đó là một tác phẩm với kết thúc có hậu bởi câu chuyện kia chỉ mang ý nghĩa biểu tượng. Trong nhiều tác phẩm khác ta bắt gặp rất nhiều những người con gái vì lễ giáo phong kiến lạc hậu (sự sắp đặt của cha mẹ), ép con lấy người không yêu nên cuộc đời phải chịu nhiều đắng cay và nước mắt như: Thu Khoan, Lệ Hà trong *Dòng sông nước mắt*; Nhìn Hi trong *Đi tìm giàu sang*; Thu Lả trong *Lòng dạ đàn bà*, Lạ trong *Vào hang...* *Đi tìm giàu sang* là mối tình gương ép của cha mẹ Nhìn Hi với Ma Chàn. Biết Nhìn Hi không yêu Ma Chàn và cũng

biết hẳn có những những hành vi vô đạo đức với bà (nó đòi ôm thử bà) khi thấy bà “*phây phây, hơn hơn*”. Nhưng bà vẫn muốn gả Nhìn Hi cho hẳn bởi hẳn là con quan và hẳn được hưởng một cơ nghiệp đồ sộ. Thậm chí, sau khi Nhìn Hi chết, bà vẫn đồng ý gả tiếp đứa con gái cả của mình cho hẳn. Dù có khóc lóc van xin thì cuối cùng Nhìn Hi vẫn phải nghe theo sự sắp đặt của bố mẹ. Viết về mối quan hệ xung đột này, nhà văn thể hiện thái độ cảm thương cho những người phụ nữ bất hạnh phải chịu nhiều khổ đau bởi những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan của bản làng, của bố mẹ. Qua đó nhà văn lên tiếng cần loại bỏ những hủ tục lạc ấy để con người, nhất là những chàng trai, cô gái tuổi hoa tuổi nụ được sống trong tình yêu đích thực của mình.

3.2.2. Đặt nhân vật vào các tình huống thử thách và lựa chọn

Để khắc họa nhân vật, Vi Hồng không chỉ đặt con người vào các mối quan hệ xã hội giằng dặt mà còn đặt con người vào những tình huống thử thách của hoàn cảnh, buộc nhân vật phải lựa chọn lối đi cho mình. Qua sự lựa chọn đó, bản lĩnh và nhân cách cá nhân con người được bộc lộ.

Nàng Va Đáo trong tiểu thuyết *Phụ tình* được đặt trong thử thách đặc biệt. Va Đáo yêu Thế Ru bằng một tình yêu chân thành và niềm tin tuyệt đối. Nhưng Lai Càng cũng yêu Va Đáo rất chân tình. Rất khó xử với Lai Càng nhưng cuối cùng cô chối bỏ tất cả mọi sự cám dỗ và chỉ tin vào tình yêu với Thế Ru. Cô khẳng định một cách rất thẳng thắn: “*Em không yêu một người con trai, một người đàn ông thứ hai ngoài anh Thế Ru...người em yêu đã chọn máu đỏ trong tim, yêu đến hơi thở trong lồng ngực*” [27, Tr. 205]. Hình ảnh nàng Va Đáo bồng bế con thơ vượt “*mường mường với nghìn nghìn sông suối đi tìm chồng*” [27, Tr. 314] để rồi khi tìm được Thế Ru thì nàng chỉ còn thoi thóp những hơi tàn cuối cùng khiến bạn đọc nể phục và trân trọng về một người phụ nữ có ý chí, nghị lực và khát khao hạnh phúc đích thực mãnh liệt.

Đàng trong tiểu thuyết *Vãi Đàng* cũng đã từng phải lựa chọn cho mình một cuộc sống riêng. Rất yêu Hinh nhưng Đàng vẫn phải chia tay người mình yêu để đến nơi ở mới. Sau này, khi lại người yêu, cô sung sướng và hạnh phúc

vô cùng, nhưng muốn bảo vệ danh dự cho người mình yêu cô đã nói: *“Em đã có con với Tổng Như, em không còn xứng đáng với anh. Anh cho em được coi anh như anh cả, anh lớn là em vui rồi”* [13, Tr .86]. Ở đây, Đàng đã quên đi bất hạnh của bản thân, coi niềm vui, niềm hạnh phúc của người mình yêu là niềm vui và hạnh phúc của mình. Đó là vẻ đẹp của một trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương.

Tú trong *Người trong ống* bị đẩy vào một hoàn cảnh buộc phải lựa chọn. Là một thanh niên học rất giỏi, anh được cử đi học ở nước ngoài, nhưng cánh cửa tương lai phơi phới trước mắt bỗng đóng sầm lại khi bố anh không chịu vào hợp tác xã: *“Ngày ấy không vào hợp tác xã là tội tày đình, cho nên Tú không được đi học ở đâu cả. Tú sống như một cái bóng giữa bản mường. Ban quản trị cấm không cho mọi người, nhất là những đứa con trai con gái cùng lứa tuổi chơi với Tú”* [17, Tr.104]. Nhưng với ý, với nghị lực phi thường, Tú vẫn vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc đời. Anh quyết định đến vùng đất mới. Ở đó hình ảnh của người cha, khát vọng vào Trường Đại học Y lúc nào cũng hiện lên trong anh: *“Nhớ bố, Tú in ảnh bố trong óc mình, trong tim mình. Tú in cả khuôn mặt xương xương rám nắng, bàn tay to bè và đôi chân dày cộp của bố vào trong hai con mắt của mình”* [17, Tr. 75]. Vượt qua bao khó khăn, vất vả cuối cùng Tú cũng thực hiện khát vọng vào đại học và trở thành một bác sĩ giỏi. Ở đây, Tú không thay đổi được hoàn cảnh, nhưng anh lại vượt lên trên hoàn cảnh để cuối cùng trở thành con người có ích cho xã hội.

Có thể thấy, khi nói về các nhân vật chính diện, nhà văn Vi Hồng luôn có một giọng điệu ngợi ca, tự hào. Tự hào vì miền núi có rất nhiều những con người nhân ái, giàu tình yêu thương, giàu bản lĩnh, có niềm tin, ý chí và nghị lực phi thường. Những con người như Tú, Va Đáo, Đàng... có lẽ không hoàn cảnh nào có thể khuất phục được họ bước tiếp về phía tương lai tươi sáng. Chính họ đã góp phần tạo nên sinh thái nhân văn trong xã hội miền núi, giúp cho môi trường sống trở nên chan chứa tình yêu thương giữa con người với con người.

Tiểu kết

Dưới góc nhìn phê bình sinh thái văn học, chúng tôi nhận thấy: Vi Hồng đã có ý thức lựa chọn những yếu tố và biện pháp nghệ thuật hữu hiệu để thể hiện vấn đề sinh thái trong sáng tác của mình. Phản ánh sinh thái tự nhiên, nhà văn không chỉ đặt thiên nhiên trong cái nhìn khách quan độc lập mà còn dùng hình ảnh thiên nhiên để khắc họa ngoại hình và diễn tả nội tâm nhân vật. Từ đó cho thấy mối quan hệ gắn bó giữa con người và thế giới tự nhiên. Miêu tả sinh thái xã hội, nhà văn chú trọng đặt con người trong các mối quan hệ xã hội phức tạp, trong những tình huống thử thách và lựa chọn để phát hiện tính cách, số phận nhân vật trong môi trường sống do chính nhân vật vừa là người chịu tác động đồng thời cũng là người tác động trở lại hoàn cảnh.

KẾT LUẬN

1. Nghiên cứu văn học từ góc nhìn phê bình sinh thái là hướng tiếp cận văn hóa học, tiếp cận liên ngành. Từ những nghiên cứu phê bình sinh thái lẻ tẻ, tản mát ban đầu, đến nay phê bình sinh thái đã trở thành một hướng nghiên cứu khá năng động trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam nghiên cứu phê bình sinh thái vẫn còn khá mới mẻ. Tìm hiểu tiểu thuyết Vi Hồng từ góc nhìn phê bình sinh thái sẽ giúp cho chúng ta có được một cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về tiểu thuyết của ông qua một phong cách nghệ thuật riêng, cùng những đóng góp của ông cho bức tranh văn xuôi dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại.

2. Văn chương của Vi Hồng bắt nguồn từ tình yêu của một người con sinh ra và lớn lên giữa quê hương Việt Bắc. Ông mang trong mình sự hiểu biết sâu sắc về vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và con người nơi đây. Rất tự nhiên, ông viết về điều đó như là sự tự ý thức, như là niềm khát khao hồi thúc của một trái tim yêu quê hương tha thiết và chân thành. Sinh thái tự nhiên trong tiểu thuyết Vi Hồng được cảm nhận bằng những rung động từ chiều sâu của tâm thức nên nó tạo được ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đó là một thiên nhiên mang đặc trưng của núi rừng Việt Bắc vừa thơ mộng, trữ tình vừa hùng vĩ, hoang sơ. Trong môi trường sinh thái tự nhiên đó, con người tìm thấy mối quan hệ gắn bó giao hòa, tìm thấy nguồn vui và niềm hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình sinh tồn và phát triển, vì nhu cầu lợi ích trước mắt, con người đã gây nên những xung đột với tự nhiên. Trong tiểu thuyết của Vi Hồng, con người dường như không mang tính chất là kẻ tội đồ, là kẻ hủy diệt mà phần lớn chỉ là kẻ “hòn nhiên” gây sự với tự nhiên. Viết về điều này, nhà văn cảnh báo về một cách nghĩ, một lối sống đơn giản không còn phù hợp với xã hội hiện đại.

3. Sinh thái nhân văn trong tiểu thuyết của Vi Hồng được thể hiện qua mối quan hệ giữa con người với con người và mối quan hệ giữa con người với các giá trị văn hóa. Trong mối quan hệ giữa con người với con người nhà văn phản ánh cả hai mặt tốt - xấu của xã hội. Xã hội miền núi Việt Bắc thời kỳ hiện đại vẫn giữ được những nét đẹp nhân tình truyền thống nhưng cũng xuất hiện

những chuyên biến của nhân tình và nhân tính trước sức mạnh của cám dỗ vật chất và dục vọng xấu xa. Phản ánh hai mặt của xã hội, nhà văn Vi Hồng đã thể hiện một cái nhìn khách quan, trung thực. Ông luôn mong mỏi cho xã hội miền núi thoát khỏi sự trì nứu của những hủ tục lạc hậu, những quan niệm cũ kĩ sai lầm để đi lên theo con đường văn minh tiến bộ, tạo ra môi trường sống nhân văn, trong lành và thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

4. Để thể hiện vấn đề sinh thái trong tiểu thuyết của mình, Vi Hồng đã lựa chọn nhiều thủ pháp nghệ thuật đặc dụng. Trong đó, nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả con người là những điểm nhấn giàu giá trị thẩm mỹ và giá trị văn hóa sinh thái. Trong nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, Vi Hồng có cái nhìn đa diện. Thiên nhiên không chỉ là một sinh thể có cuộc sống, có tâm hồn riêng biệt mà thiên nhiên còn là một phần không thể tách rời với đời sống của con người. Chính vì vậy bảo vệ, giữ gìn thiên nhiên là bảo vệ chính cuộc sống của con người. Trong nghệ thuật miêu tả con người, Vi Hồng chú ý đặt con người trong các mối quan hệ xã hội giằng dặt và trong các tình huống thử thách, lựa chọn. Nhà văn trăn trở trước những thay đổi của thể thái nhân tình và lo âu trước sự xuống cấp của nhân cách đạo đức. Nhưng trên tất cả, đó là niềm tin rằng những giá trị tốt đẹp của con người sẽ tồn tại vĩnh hằng và đó chính là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sinh thái tinh thần nhân văn cho xã hội miền núi ngày càng phát triển.

5. Hiện nay, vấn đề môi sinh trở thành vấn đề đáng quan tâm không của riêng ai, cũng không của riêng một quốc gia nào mà là vấn đề của toàn cầu. Nguy cơ sinh thái đòi hỏi văn học cũng phải trở thành một trận chiến để bảo vệ môi trường nhân sinh. Trong cuộc đấu tranh ấy, tiểu thuyết của Vi Hồng không chỉ thành công khi phản ánh hiện thực cuộc sống người dân miền núi cùng các giá trị văn hóa của quê hương mà nhà văn còn rất nhạy bén khi phản ánh các vấn đề thời sự của xã hội, đó là vấn đề môi sinh và nhân sinh. Tiểu thuyết của Vi Hồng đã góp một tiếng nói đấu tranh cho lợi ích sinh thái và cũng là lợi ích bền vững của nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Vân Anh (2015), *Biểu tượng về thiên nhiên như một diễn ngôn về văn hóa Tày trong tiểu thuyết Vi Hồng* in trong cuốn *Vi Hồng tác phẩm và dư luận*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
2. Ma Thị Ngọc Bích (2004), *Thế giới nhân vật trong tác phẩm của Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
3. Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ mới từ góc nhìn sinh thái học văn hóa*, in trong cuốn: *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng*, NXB Văn học.
4. Vũ Minh Đức, *Những ngọn gió Hua Tát của Nguyễn Huy Thiệp nhìn từ lí thuyết phê bình sinh thái*,
nguồn:<http://nguvan.utb.edu.vn/index.php/nghiencuu/lyluanvanhoc>.
5. Hồ Thủy Giang (2004), *Tiểu thuyết Thái Nguyên, Văn học Thái Nguyên - tác giả và tác phẩm*, NXB Văn hóa dân tộc.
6. Đặng Thái Hà, *Bước đầu tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp từ điểm nhìn phê bình sinh thái*, nguồn:<http://vietvan.vn>.
7. Dương Thu Hằng (2015), “Biến đổi môi trường sống - nhân tố thúc đẩy không gian văn hóa mới trong thơ Tú Xương”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 5.
8. Nguyễn Thị Thu Hiền (2011), *Lời văn nghệ thuật trong tiểu thuyết của Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
9. Đỗ Văn Hiểu, *Phê bình sinh thái, Cội nguồn và sự phát triển*, www.dovanhieu.wordpress.com.
10. Đỗ Văn Hiểu, *Phê bình sinh thái, Khuynh hướng nghiên cứu văn học mang tính cách tân*, www.Tapchisonghuong.com.vn.
11. Đỗ Văn Hiểu (2008) sơ dịch từ cuốn “*Đương đại tây phương tới tân văn luận giáo trình*” của Vương Nhạc Xuyên, Nxb Đại học Phúc Đán, Thượng Hải.
12. Vi Hồng (1980), *Đất bằng*, Tiểu thuyết, Nxb Tác phẩm mới.
13. Vi Hồng (1980), *Vãi Đàng*, Tiểu thuyết, NXB Tác phẩm mới.

14. Vi Hồng (1984), *Núi cỏ yêu thương*, Tiểu thuyết, NXB Thanh niên, Hà Nội.
15. Vi Hồng (1985), *Thung lũng đá rơi*, Tiểu thuyết, NXB Văn hoá dân tộc.
16. Vi Hồng (1990), *Gã ngược đời*, Tiểu thuyết, NXB Văn hoá dân tộc.
17. Vi Hồng (1990), *Người trong ống*, Tiểu thuyết, NXB Lao động.
18. Vi Hồng (1990), *Vào hang*, Tiểu thuyết, NXB Thanh niên.
19. Vi Hồng (1992), *Lòng dạ đàn bà*, Tiểu thuyết, NXB Thanh niên.
20. Vi Hồng (1992), *Người dân tộc thiểu số viết văn*, Tạp chí văn học số 2.
21. Vi Hồng (1993), *Ái tình và hành khát*, Tiểu thuyết, NXB Hội văn học nghệ thuật Bắc Thái.
22. Vi Hồng (1993), *Dòng sông nước mắt*, Tiểu thuyết, NXB Hội văn học nghệ thuật Bắc Thái.
23. Vi Hồng (1993), *Tháng năm biết nói*, Tiểu thuyết, NXB thanh niên, Hà Nội.
24. Vi Hồng (1994), *Chồng thật vợ giả*, Tiểu thuyết, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
25. Vi Hồng (1994), *Đi tìm giàu sang*, Tiểu thuyết, NXB Thanh niên.
26. Vi Hồng (1994), *Ngả văn chương*, Tạp chí văn học. số 9.
27. Vi Hồng (1994), *Phụ tình*, Tiểu thuyết, NXB Văn hoá dân tộc.
28. Vi Hồng (1997), *Đọa đày*, Tiểu thuyết, NXB Văn hoá dân tộc.
29. Vi Hồng (1997), *Mùa hoa Bióc Loỏng*, Tiểu thuyết, Nxb Thanh niên.
30. Phạm Mạnh Hùng (2006), *Tìm hiểu sự nghiệp sáng tác của nhà văn Vi Hồng*, đề tài nghiên cứu KH cấp Bộ.
31. Hoàng Văn Huyền (2003), *Tính dân tộc trong tiểu thuyết của Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
32. Karen Thornber, *Những tương lai của phê bình sinh thái và văn học Phê bình sinh thái* (Hải Ngọc dịch),
<http://hieutn1979.wordpress.com/2013/04/27>.
33. Lawrence Buell, Ursula K. Heise, Karen Thornber, *Văn chương và môi trường*, Nguyễn Hạnh Quyên dịch.
34. Phong Lê (1998), *Nhà văn các DTTS Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.

35. Phong Lê (2001), *Văn học Việt Nam hiện đại*, Nxb Quốc gia Hà Nội.
36. Nguyễn Long (1991), “Người trong ống của Vi Hồng”, *Tạp chí văn học*, (số 2).
37. Thiều Thị Phương Nga (2011), *Đặc điểm tiểu thuyết Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
38. Đào Thủy Nguyên (2011), “Cảm hứng nhân văn trong tiểu thuyết Vi Hồng”, *Tạp chí nghiên cứu Văn học*, số 10.
39. Đào Thủy Nguyên (2013), “Bản sắc văn hoá dân tộc qua hình ảnh thiên nhiên trong văn xuôi dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số tháng 5/2013.
40. Đào Thủy Nguyên (2016), “Cảm quan sinh thái trong văn xuôi dân tộc thiểu số Việt Nam đương đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học* số 7.
41. Ma Trường Nguyên (1992), *Gió hoang*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
42. Ma Trường Nguyên (1993), *Trăng yêu*, Hội văn học nghệ thuật Bắc Thái.
43. Ma Trường Nguyên (2012), *Phượng Hoàng núi*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
44. Trần Thị Ánh Nguyệt (2015), *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
45. Nhiều tác giả (1994), *Bốn mươi truyện ngắn*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
46. Nhiều tác giả (1996), *Văn hóa truyền thống các dân tộc Tày Nùng*, Nxb Văn hóa dân tộc Hà Nội.
47. Nhiều tác giả (2006), “*Kỉ yếu hội thảo Nhà Văn Vi Hồng*”, Hội VHNT Thái Nguyên - Khoa Ngữ văn ĐHSP Thái Nguyên.
48. Nhiều tác giả (2010), *Văn mới 5 năm 2006 - 2010*, Hồ Anh Thái tuyển, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
49. Nhiều tác giả (2015), *Vi Hồng tác phẩm và dư luận*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
50. Lê Lưu Oanh, Trần Thị Ánh Nguyệt (2016), *Văn xuôi Việt Nam hiện đại sau 1975 nhìn từ góc nhìn phê bình sinh thái*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
51. Hoàng Phê (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

52. Hoàng Thị Minh Phương (2011), *Ảnh hưởng của văn hóa dân gian trong một số tiểu thuyết của Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
53. Huỳnh Như Phương, *Mùa xuân sinh thái & văn chương*, nguồn: <http://nld.com>
54. Cao Duy Sơn (2006), *Đàn trời*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
55. Trần Đình Sử, *Phê bình sinh thái tinh thần trong nghiên cứu văn học hiện nay* <https://www.vanhoanghean.com.vn>.
56. Nguyễn Trung Thành *Rừng xà nu*, Sgk Ngữ văn 12, tập 2, Nxb Giáo dục.
57. Lê Thị Thảo (2015), *Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi từ góc nhìn phê bình sinh thái*, Luận văn thạc sĩ khoa học, Đại học Thái Nguyên.
58. Nguyễn Thị Tịnh Thy (2013), *Phê bình sinh thái - nhìn từ lý thuyết giải cấu trúc, Văn học hậu hiện đại- lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
59. Dương Thuần (2002), “Nhà văn Vi Hồng như tôi đã biết”, *Tạp chí Văn nghệ Dân tộc và Miền núi*.
60. Ngô Thu Thủy (2006), *Giọng điệu trần thuật trong một số tiểu thuyết tiêu biểu của Vi Hồng*, Kí yếu, Hội thảo khoa học Ngữ văn trường ĐHSP Thái Nguyên.
61. Nguyễn Thị Tịnh Thy (2014), “Sáng tác và phê bình sinh thái - tiềm năng cần khai thác của văn học Việt Nam”, *Tạp chí Văn nghệ quân đội*.
62. Lâm Tiến (1999), *Về một mảng văn học dân tộc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
63. Lâm Tiến (2007), *Cách viết tiểu thuyết của nhà văn Vi Hồng*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, số 13 -14 - 2007.
64. Nguyễn Thùy Trang (2015), *Văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn sinh thái*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Huế.
65. Nông Thị Huyền Trang (2009), *Đặc điểm ngôn ngữ văn xuôi Vi Hồng*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.

66. Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, SGK Ngữ văn 12, tập 2, Nxb Giáo dục.
67. Vũ Anh Tuấn (2011), *Vi Hồng với mùa xuân Nặm Cáp*. In trong “*Khoa Ngữ văn - 35 năm xây dựng và trưởng thành*”, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
68. Trần Ngọc Vương (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX những vấn đề lí luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.